

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT

Phật lịch 2556 - 2012

KINH PHẠM VŨNG

BỒ TÁT TÂM ĐỊA GIỚI



Thiện Hạnh

Dịch - Biên soạn - Chú thích

Lời Đầu Sách

Tôi được Tăng sai phụ trách hướng dẫn Bồ tát Học xứ cho chúng Giới tử tâm thọ Bồ tát giới.

Trong thời gian khá lâu, hướng dẫn cho nhiều lớp, tôi đã cố gắng Việt dịch – Biên soạn – Chú thích và tập thành đầu sách mang tựa đề:

KINH PHẠM VĨNG BỒ TÁT TÂM ĐỊA GIỚI

Chắc chắn còn nhiều thiếu sót, văn cú còn thô lậu, ý tứ khuy khuyết, sai thù. Kính mong được sự hoan hỷ góp ý.

Tỳ kheo Thích Thiện Hạnh

A- Nghi thức tụng giới Bồ tát Phạm võng

I- Sơ lược về giáo nghĩa của Tiểu thừa luật và Đại thừa luật

1. Giáo nghĩa Tiểu thừa luật

a. Khái quát về nội dung giáo nghĩa Tiểu thừa luật bộ

Luật bộ lấy luật tạng làm sở y, nên gọi là luật bộ. Lúc Phật còn tại thế, nhân vì có những sự kiện xảy đến mà đức Phật chế định giới, để tùy cơ giáo hóa. Sau khi Phật nhập niết bàn, Ưu-ba-ly kiết tập luật tạng. Sau đó 100 năm, luật lần lượt được phân thành nhiều bộ. Các luật bộ được truyền đến Trung quốc gồm 4 bộ:

- 1: Tát-bà-đa bộ, tức Thập tụng luật.
- 2: Đàm-vô-đức bộ, tức Tứ phần luật.
- 3: Ma-ha-tăng-kỳ bộ, tức Tăng kỳ luật.
- 4: Di-sa-tắc bộ, tức Ngũ phần luật.

Giáo nghĩa của giới luật không ngoài “chỉ ác” và “tu thiện”. hoặc gọi là “chỉ trì” và “tác trì”.

“Chỉ trì” là “chỉ ác”, “Tác trì” là “Tu thiện”. “Chỉ trì” lại chia ra có Tăng và Ni 2 giới. Chỉ trì và tác trì bao gồm hết thầy giới luật kể trên, như:

- Tứ phần luật (Đàm vô đức): chia làm 4 bộ phận:

. Phần đầu, nói về giới pháp của Tỳ kheo tăng.

. Phần thứ 2, nói về giới pháp của Tỳ kheo ni.

Hai phần này thuộc “chỉ trì”

. Hai phần tiếp theo nói về pháp an cư, tỳ tứ... gồm 20 thiên (20 kiền độ). Hai phần này thuộc về “tác trì”.

Nên trong:

* “Tứ phần luật hành sự sao” (3 cuốn) nói về pháp hành trì giới luật của tăng ni hằng ngày thì, quyền thượng và hạ là “chỉ trì”; quyền trung là “tác trì”.

* “Tứ phần luật yết ma số” (4 cuốn) thì giải thích về nghi thức: tác pháp, thọ giới, kiết giới... là thuộc về “tác trì”.

* “Tứ phần giới luật bốn số” (4 cuốn) giải thích bản thể của giới thuộc về “chỉ trì”

* “Tỷ kheo ni sao” (3 cuốn) giải thích về chỉ trì và tác trì.

- Ngũ phần luật (Di sa tác bộ): chia làm 5 phần:

- . Phần 1: nói về giới pháp của Tăng }
 - . Phần 2: nói về giới pháp của Ni }
 - . Phần 3,4,5: nói về thọ giới, bố tát... thuộc tác trì.
- Tăng kỳ luật: chia làm 2 bộ
 - . Nửa bộ đầu: giới pháp tăng }
 - . Nửa bộ sau: giới pháp ni } chỉ trì
- Thập tụng luật: chia thành
 - . Tụng 1-3: nói về giới pháp tăng là chỉ trì
 - . Tụng 4: nói về 7 pháp }
 - . Tụng 5: nói về 8 pháp } tác trì
 - . Tụng 6: nói về tạp tụng }
 - . Tụng 7: nói về luật ni là chỉ trì
 - . Tụng 8-10: tăng nhất pháp, Ưu ba ly vấn pháp là chỉ trì và tác trì

b. Tiểu thừa 5 thiên 7 tụng

5 thiên (căn cứ chỗ
nặng nhẹ của tội quả)

7 tụ (loại tụ căn cứ vào tội
tánh và nguyên nhân của tội)

1. Ba la di:..... 4 giới	Ba la di	1
2. Tăng tàn:.... 13 giới	Tăng tàn	2
3. Ba dật đề:... 122 giới	Thâu lan giá.....	3
	Ba dật đề	4
4. Đề xá ni:.... 4 giới	Đề xá ni	5
5. Đột cát la:... 107 giới	Ác tác	6
	Ác thuyết	7

1. Ba la di: 4	1. Ba la di: 4	1. Ba la di
2. Tăng tàn: 13	2. Tăng tàn: 13	2. Tăng tàn
3. Bất định: 2	3. Ba dật đề: 122	3. Thâu lan giá
4. Ni tát kỳ: 30		
5. Ba dật đề: 90		
6. Đề xá ni: 4	4. Đề xá ni: 4	5. Đề xá ni
7. Chúng học pháp:100	5. Đột cát la: 107	6.Ác tác
8. Diệt tránh: 7		

2. Giáo nghĩa của đại thừa luật

Khái quát về nội dung của kinh phạm võng Bồ tát giới:

a/ Phạm võng: Tràng lưới của đại phạm thiên vương. Tràng lưới này, các mắt lưới được kết bằng các loại ngọc quý, khác nhau và ánh hiện lẫn nhau;

treo trước cung điện của Đại Phạm Thiên Vương.
(rèm châu 3.000 hạt)

Từ trên cung trời Sắc Cứu Cánh (cỡi thứ 18 trong 25 cỡi trời thuộc sắc giới) của Đại phạm thiên vương, đức Thích Ca nhìn rèm lưới ấy và bảo thánh chúng rằng, thế giới cũng như vậy, các pháp môn tu tập cũng như vậy. Rất nhiều và khác nhau, nhưng một mà là tất cả, tất cả chỉ là một, tương tức tương nhập. (sẽ nói thêm về kinh phạm võng sau)

b/ Bồ tát giới: Có tất cả là 4 bản: 1 bản của kinh phạm võng, do La thập dịch; bản 2 và 3 của Luận du già, do Đàm vô sám và Huyền Trang dịch khác nhau; bản thứ 4 của Bồ tát ưu bà tắc giới kinh, do Đàm vô sám dịch.

Bồ tát tâm địa giới: Tâm tức là 30 tâm gồm 10 tâm trưởng dưỡng; 10 tâm phát thú; 10 tâm kim cang. Địa tức là 10 địa. Giới là 10 giới trọng và 48 giới khinh. Tất cả toàn là những pháp môn tu tập, giống như rèm lưới của vua Đại Phạm thiên.

II. Nghi thuyết giới Bồ tát – Tâm, Địa, Giới

Nghi tụng Bồ tát giới này do ngài Hoàng Tấn giải, trong bộ Phạm võng lược sớ, nhưng không rõ ai soạn. Nghi này có tất cả là 5 đoạn: Sẽ được dịch và chú thích dưới đây:

Đoạn 1: Tựa mở đầu

Các Đại Đức, hãy chấp tay hết lòng lắng nghe, tôi nay sẽ nói lời tựa đại giới kinh của chư Phật. Đại chúng nay đã vân tập, hãy yên lặng lắng nghe. Ai tự biết mình có tội thì nên sám hối. Sám hối sẽ được an lạc, không sám hối thì tội càng nặng thêm. Ai không có tội thì mặc nhiên im lặng. Qua sự im lặng này mà biết đại chúng thanh tịnh.

Các Đại Đức, ai nấy phải lắng nghe. Sau khi Thế Tôn diệt độ, trong thời Tượng Pháp, hãy nên trân trọng tôn kính Ba La Đề Mộc Xoa. Ba La Đề Mộc Xoa chính là giới pháp này. Người trì giới như ở chỗ tối gặp được ánh sáng, như người nghèo được của báu, như người bệnh được lành, như người tù được ra khỏi ngục thất, như người đi xa được trở về. Nên biết rằng, giới pháp này chính là đại sư của đại chúng, cũng như Thế Tôn đang trụ thế không khác.

Nếu tâm không biết sợ tội lỗi, thì căn lành khó sanh. Bởi thế, kệ kinh dạy: “Chớ khinh lỗi nhỏ mà cho là vô hại, giọt nước bé kia chảy mãi đầy hồ”. Tạo tội sát na đọa vô gián ngục. Một phen mất thân vạn kiếp khó kiếm. Trai tráng không dùng, như ngựa chạy mau, mạng người vô thường, nhanh hơn thác đổ. Ngày nay còn đó, sáng mai mất rồi.

Bởi thế cho nên, đại chúng ai nấy, hết lòng thực tập, chớ nên lười biếng. Nỗ lực cần cầu, không nên giải đãi, ngủ nghỉ buông lung. Đêm đêm nhiếp tâm nhớ tưởng Tam Bảo, chớ để đời mình luống qua oan uổng, lãng phí công phu một cách vô ích, mai sau ân hận thì quá muộn.

Đại chúng ai nấy, nhất tâm kính cẩn, nương vào giới pháp, như pháp thực tập học hỏi.

• **Tượng pháp:** Mỗi đức Phật ra đời, lấy Phật làm gốc và lập 3 thời kỳ: Chánh pháp, tượng pháp và mạt pháp.

- Kinh Tạp a hàm, chỉ nói có 2 thời: Chánh và tượng pháp.

- Kinh Đại bi, nói chỉ có một thời: Chánh pháp.

a. Chánh pháp: Chứng đắc, thời kỳ này tuy Phật đã diệt độ, nhưng pháp nghi và hành nghi chưa hề cải đổi, vẫn còn nguyên vẹn như thời Phật còn tại thế. Có Giáo (lời Phật dạy, giáo lý), có Hành (thực hành giáo lý), có Chứng đắc (chứng quả).

b. Tượng pháp: Tượng: tương tự. Việc hành đạo và truyền đạo không còn nguyên vẹn như xưa. Càng lâu sau càng trái bậy pháp nghi, pháp hành chân chánh, không được hành trì nghiêm mật. Do đó mà không được chứng đắc, chỉ có giáo, có hành tương tự chân chính.

c. Mạt pháp: Mạt là trái (vi). Thời kỳ trái ngược với chánh pháp, chỉ có giáo mà không có hành, không có chứng đắc.

Về thời kỳ thọ mạng chánh pháp. Phật niết bàn 1000 năm, chánh pháp lấy giáo, hạnh, chứng làm thể của chánh pháp trú trong ba đời gọi là thọ mạng chánh pháp, thì có nhiều thuyết:

. Kinh Đại bi: nói duy nhất chỉ có mạt pháp: 10.000 năm.

. Các kinh, luật, luận khác nói về chánh pháp và tượng pháp không giống nhau; đại khái có 4 loại:

* Kinh Đại bi: Chánh pháp 1.000 năm, tượng pháp 1.000 năm, mạt pháp 10.000 năm.

- Tạp a hàm: Chánh pháp 1.000 năm.

- Thiện kiến luật: Chánh pháp 1.000 năm, tượng pháp 1.000 năm.

* Kinh Đại thừa tam tụ sám hối: Chánh pháp 500 năm, tượng pháp 500 năm.

* Kinh Bi hoa: Chánh pháp 1.000 năm, tượng pháp 500 năm.

* Kinh Đại tập nguyệt tạng, Kinh Hiền kiếp, Kinh Ma da: Chánh pháp 500 năm, tượng pháp 1.000 năm.

Các bậc hiền đức xưa nay thường dùng thuyết:

Chánh pháp 500 năm

Tượng pháp 1.000 năm

Mạt pháp 10.000 năm

• **Ba la đề mộc xoa:** (Pratimoksha) dịch là biệt giải thoát, bảo giải thoát, biệt giải thoát luật nghi. Có nghĩa là luật nghi có khả năng đưa hành giả thoát khỏi những đối tượng cá biệt của nghiệp đạo, để rồi ung dung vượt thoát sanh tử.

Đoạn 2: Qui kính tam bảo – khuyên hộ trì giới

Kính lạy đức Tỳ Lô

Mười phương Phật kim cang

Và Di Lặc luận chủ
Đẳng chánh giác tương lai
Nay nói ba tụ giới
Chúng Bồ tát cùng nghe
Giới như đèn tỏa sáng
Phá bóng tối đêm dài
Giới như tấm gương báu
Chiếu rõ vật khắp nơi
Giới như ngọc ma ni
N như mưa báu cứu nghèo
Thoát khổ chóng thành Phật
Giới pháp là tối thượng
Thế nên các Bồ tát
Hãy siêng hộ trì giới.

Đây là bài kệ qui kính, gồm 16 câu, lấy ra từ “Bồ tát giới du già” do Đàm vô sấm dịch; có nội dung qui kính Tam bảo và khuyên hộ trì giới pháp.

- Lô xá na: Tỳ lô xá na, Tỳ lô giá na là chuyển ngữ từ phạm âm (Vairocana-buddha).

Vairocana, Hán dịch có 5 nghĩa:

- Biến nhất thiết xứ: Đức Phật có mặt khắp mọi nơi, không gian và thời gian.

- Tịnh mãn: Hoàn toàn thanh tịnh, viên mãn.

- Quảng bác nghiêm tịnh: Sự trang nghiêm thanh tịnh khắp mọi nơi.

- Quang minh biến chiếu: Ánh sáng soi chiếu khắp mọi không gian và thời gian.

- Đại nhật: Mặt trời lớn, tỏa ánh sáng khắp nơi.

Như vậy, Vairocanabuddha hay Tỳ lô xá na Phật là đức Phật có mặt khắp mọi nơi, đức Phật nghiêm tịnh, đức Phật mặt trời vĩ đại.

Đức Phật này hiện tọa tại tòa sư tử rực sáng của thế giới liên hoa đài tạng, là một thế giới mà theo lời Bồ tát Phổ Hiền, trong kinh Hoa nghiêm, có một thế giới trang nghiêm thanh tịnh rực sáng, do đức Phật Lô xá na tạo nên bởi vô số đại nguyện và công hạnh tu tập trải qua vô số kiếp và thân cận với vô số đức Phật mà hình thành. Hiện nay ngài là giáo chủ.

- Các đức Phật trong 10 phương, đều nhập kim cang đại định để đoạn trừ vô minh vi tế cuối cùng mà thành chánh giác. Ở địa vị này, các Bồ tát chứng bất động, bất đọa, bất thối, bất tán, tức các Bồ tát sau kim cang đạo.

- Kim cang đạo hậu tâm (định lực tối hậu, bồ tát vị ở sát na cuối)

- Luận chủ, tức luận chủ của luận Du già, là đức Bồ tát Di Lạc. Do Vô Trước thỉnh thuyết luận Du già ở trung Ấn Độ.

- Ba tụ tịnh giới: Nhiếp luật nghi giới, nhiếp thiện pháp giới, nhiều ích hữu tình giới. (giữ gìn các cấm giới, làm các việc thiện, độ hết thầy chúng sanh).

Đoạn 3: Sách tấn tu hành

Các Đại Đức, mùa xuân có bốn tháng làm một mùa. Nửa tháng đã qua (hoặc 1 tháng đã, một tháng

rười, hai tháng, hai tháng rười, ha tháng, ba tháng rười, bốn tháng đã qua).

Thiếu một đêm, thừa một đêm, còn ba tháng rười (hoặc còn ba tháng, còn hai tháng rười, còn hai tháng, còn một tháng rười, còn một tháng, còn nửa tháng).

Sự già nua gần kề, Phật pháp sắp ảm. Các Tỳ Kheo Bồ tát, vì muốn thành tựu đạo nghiệp, nên nhất tâm cần cầu tinh tấn. Sở dĩ vì sao? Vì chư Phật đã nhất tâm cần cầu tinh tấn mà thành tựu Vô thượng Chánh giác, huống nữa là nhiều pháp lành khác (37 phẩm trợ đạo).

Nhân lúc đang khỏe mạnh, các Đại Đức phải nỗ lực siêng năng thực tập các pháp lành mới phải. Tại sao không gấp rút cần cầu đạo lực mà lại chần chừ già nua thì mong gì có thú vui an lạc?

Ngày nay đã qua
Mạng sống giảm dần
Như cá cạn nước
Đâu có vui gì!

• Âm lịch: Trăng bắt đầu có, là đầu tháng từ 1-15; trăng đã tối, trăng đã tối hẳn cuối tháng từ 15-30.

• Âm Độ: Trăng bắt đầu tàn, là đầu tháng, tức đêm 16 mỗi tháng, trăng bắt đầu sáng là cuối tháng, tức đêm Rằm.

Âm Độ, 12 tháng chia làm 3 mùa:

16/12 – 15/4 là mùa Xuân.

16/4 – 15/8 là mùa Hạ.

16/8 – 15/12 là mùa Đông.

Lễ bỏ tát tụng giới của chư tăng cứ nửa tháng một kỳ vào ban ngày. Vậy đối với nửa tháng trước, thì thiếu một đêm; đối với nửa tháng sau thì thừa một đêm.

- Nửa tháng đã quá:

- Hết tháng 12 là nửa tháng đã qua, còn lại ba tháng rưỡi.

- Hết 15/1 là một tháng đã qua, còn lại ba tháng.

- Hết tháng Giêng là một tháng rưỡi đã qua, còn lại hai tháng rưỡi.

- Hết 15/2 là hai tháng đã qua, còn lại hai tháng.

- Hết tháng 2 là hai tháng rưỡi đã qua, còn lại một tháng rưỡi.

- Hết 15/3 là ba tháng đã qua, còn lại một tháng.

- Hết tháng 3 là ba tháng rưỡi đã qua, còn lại nửa tháng.

- Hết 15/4 là bốn tháng đã qua, còn thừa một đêm.

- Bài kệ 4 câu này, chép ra từ trong kinh Sơn diệm, hai câu đầu Phật chỉ thẳng vào vấn đề vô thường, để sách tấn tu hành; hai câu sau là thí dụ: Lúc bấy giờ ở biển Nam hải, sóng nổi dậy, nước tràn ngập khắp nơi; có 3 chú cá lớn theo nước trôi vào và mắc cạn ở một con kênh, chúng bần nhau vì bị tai nạn nên cố tìm cách ra khỏi cạn, chúng lội ngược dòng nước lên, để trở về biển, nhưng lại bị một chiếc ghe cũng bị mắc cạn, chặn ngang dòng, không qua được. Con cá thứ nhất, cố sức nhảy qua ghe trở về biển cả an toàn; con thứ hai nương theo ghe cố lách mình theo bờ cỏ mà qua được, nên cũng được trở về an toàn; con thứ ba không còn sức lực, nước cũng cạn dần thế mà vẫn còn ngoa du tạt tại bờ lội, không hề biết cái chết gần kề. Phật nói 4 câu kệ này để cảnh tỉnh.

Đoạn 4: Tiên phương tiện

Hỏi – Tăng đã vân tập chưa?

Đáp – Tăng đã vân tập

Hỏi – Tăng vân tập có hòa hợp không?

Đáp – Tăng hòa hợp

Hỏi – Tăng vân tập, hòa hợp để làm gì?

Đáp – Thuyết giới Bồ tát.

Hỏi – Trong đây, những vị chưa thọ giới Bồ tát và thọ mà không thanh tịnh, đã ra chưa?

Đáp – Người chưa thọ giới Bồ tát đã ra.

Hỏi – Các vị thọ Bồ tát giới vắng mặt, có thuyết dục và thanh tịnh không?

Đáp – (có thì quỳ thưa không thì trả lời): Trong đây, không có vị thọ Bồ tát giới thuyết dục và thanh tịnh.

Hỏi – Có ai sai Tỳ Kheo ni đến thỉnh giáo thọ sư không?

Đáp – Không có Tỳ Kheo ni đến cầu thỉnh giáo thọ sư.

(nếu có thì mời vào. Sau lời tác bạch của ni, vị Thượng Tọa chủ sự ban lời giáo sắc rằng: Nay đã thỉnh khắp trong Chúng Tăng, nhưng không có ai đảm nhiệm việc giáo thọ ni. Tuy nhiên như vậy, các vị hãy chuyển lời giáo giới của Đại Tăng rằng, Tăng có lời giáo sắc Tỳ Kheo ni, hãy tinh cần hành đạo, cẩn thận chớ buông lung).

Đại Chúng nhất tâm lắng nghe

Giữ gìn thân miệng thanh tịnh

Tâm an trú trong chánh niệm

Nghe nhiều sanh trí như thật
Đều do giới làm cội nguồn
Giới là kho pháp nhiệm màu
Là kho trân báu xuất thế
Giới pháp là thuyền bè lớn
Đưa người vượt biển sanh tử
Giới là suối nước trong lành
Gội sạch hết mọi não phiền
Giới là pháp thuật vô úy
Hàng phục chúng ma độc hại
Giới là bạn lành trung thành
Giúp người vượt qua đường hiểm
Giới là cửa ngõ cam lồ
Là chỗ các thánh đi qua
Trì giới tâm không cao ngạo
Chuyên tinh cần không buông lỏng
Không chấp thủ tướng chánh giới
Cũng không có tâm tà niệm
Đây mới là chính tịnh giới
Nhờ đó chư Phật ngợi khen
Trì giới tâm không ăn năn
Nguyện lực nào cũng thành tựu
Giới là thành trì kiên cố
Ngăn cản được giặc phiền não
Giới là tướng quân dũng cảm
Đánh tan được chúng ma vương
Giới là viên ngọc như ý
Thường đem châu báu giúp người
Giới là lâu đài quan sát
Để dạo khắp các đại định

Trì tịnh giới là đất đai
Hành thiên định là nhà cửa
Ánh sáng trí tuệ phát sinh
Và toả chiếu khắp nơi
Trang nghiêm bằng lực định tuệ
Muôn hạnh lành sẽ nảy sinh
Và thành tựu quả vị Phật
Đều do giới là cội nguồn
Bởi vậy ai người có trí
Hãy kiên tâm hộ trì giới
Dù tán thân mất mạng sống
Cũng chớ nên có hủy phạm
Chấp hai tay, lòng lắng đọng
Thành kính lễ các Như Lai
Con nay đang tụng giới pháp
Đại chúng đang lắng lòng nghe
Dù chỉ phạm một lỗi nhỏ
Tâm cũng sanh sợ hãi lớn
Ai có tội, nên sám hối
Và về sau, không tái phạm
Tâm như ngựa, phi đường xấu
Hung hăng chạy khó điều phục
Lời Phật như những lời răn
Như sợi dây cương ghìm ngựa
Ai thấy rõ và tín thọ
Người ấy như ngựa đã thuần
Không còn sợ hãi lo âu
Nếu không tiếp nhận giáo sắc
Cũng không yêu thương giới pháp
Người ấy như ngựa chưa thuần

Chắc không thoát chốn tử sanh
Nếu người hộ tri giới pháp
N như mao ngư giữ gìn đuôi
Ngăn giữ tâm đừng buông lung
N như vượn khi được trói buộc
Hãy tinh tấn ngày và đêm
Cầu được trí tuệ như thật
Người như vậy trong Phật pháp
Là bậc sống đời thanh tịnh.

Đây là thủ tục làm việc trước khi tác pháp yết ma bố tát tụng giới, kiểm điểm tăng chúng, chuẩn bị và quyết định cho việc bố tát tụng giới có cử hành được hay không. Việc kiểm điểm này rất quan trọng và tiến hành kiểm điểm bằng 5 câu hỏi, nếu có Ni chúng thì thêm 1 câu hỏi thành 6 câu:

- Câu 1. Tăng đã họp chưa?
- Câu 2. Tăng đã họp có hòa hiệp không?
- Câu 3. Tăng đã họp và hòa hiệp để làm gì?
- Câu 4. Trong đây các vị chưa thọ giới và các vị đã thọ giới mà không thanh tịnh đã ra chưa?
- Câu 5. Có ai sai Tỷ kheo ni đến thỉnh giáo giới không?
- Câu 6. Có bao nhiêu vị thọ bồ tát giới không vân tập mà có nhờ nói lời dự dục và thanh tịnh?

Đối với 6 câu chất vấn tăng này, vị Tri sự (hoặc Duy na) phải biết rõ tình trạng của tăng chúng cùng ở một trú xứ, để trả lời rõ ràng từng chất vấn một:

- Đáp lời 1. Tăng đã tập.
- Đáp lời 2. Hòa hợp.
- Đáp lời 3. Để yết ma bố tát.
- Đáp lời 4. Người chưa thọ bồ tát giới và người thọ mà không thanh tịnh đã ra. (hoặc trong đây không có người chưa thọ bồ tát giới hay thọ mà không thanh tịnh).
- Đáp lời 5. Về câu hỏi này có mấy vấn đề:

a. Nguyên nhân: Phật nói bát kính pháp (bát bắt viết, bát bắt khả quá, bát tôn sư):

- Ni dù hạ lớn, cũng phải kính tăng mới thọ giới.
- Không xỉ mắng tăng.
- Không nói xấu tăng.
- Phải theo tăng cầu thọ cụ túc.
- Phạm giới, phải sám hối trước hai bộ tăng và ni.
- Mỗi nửa tháng bố tát, phải đến trước đại Tăng cầu giáo thọ.
- Trú xứ không có tăng, không được an cư, mãn hạ phải theo tăng cầu Tự tứ.

b. Ni cầu giáo thọ là pháp thứ 6 trong bát kính pháp.

c. Vị thủ chúng (hoặc Duy na) bạch: “Ngưỡng bạch Đại đức tăng, Tỷ kheo ni ở chùa ... thanh tịnh hòa hợp, tăng sai hai Tỷ kheo ... nửa tháng đến đánh lễ Tỷ kheo tăng cầu thỉnh người giáo thọ”.

d. Gọi hai Tỷ kheo ni vào.

e. Tỷ kheo ni tăng quỳ thưa: “Ngưỡng bạch Đại đức tăng, Tỷ kheo ni tự ... Tỷ kheo ni tăng thanh tịnh hòa hợp, tăng sai hai Tỷ kheo ni ... đánh lễ Tỷ kheo tăng, thỉnh cầu giáo thọ sư. Ngưỡng mong Đại đức tăng từ miễn cố, từ miễn cố, đại từ miễn cố”. (3 lần).

f. Thượng tọa chủ sự, hỏi trong tăng: Trong chúng có ai đảm nhận việc giáo thọ ni không? Nếu không thì Thượng tọa có lời căn dặn với các Tỷ kheo ni rằng: “Nay đã thỉnh khắp trong chúng tăng, nhưng không có ai đảm nhận giáo thọ ni.

Tuy nhiên như vậy, các vị hãy chuyển lời giáo giới vấn tắt của đại tăng đến các Tỷ kheo ni rằng: Tăng giáo sắc cho Tỷ kheo ni tăng, tinh cần hành đạo, cẩn thận chứ buông lung”.

g. Tỷ kheo ni đáp: Phụng mệnh giáo sắc, y giáo phụng hành.

- Đáp lời 6. Đối với câu hỏi này, hoặc có người vì các duyên sự như Tam bảo, cha mẹ, tật bệnh ... mà không đến được, thì nên dặn nhờ thầy tri sự hoặc tăng lữ, đến giới trường, nói giúp ý muốn (của mình) và thanh tịnh. Người nhận gửi dục, quì thưa: “Kính bạch đại đức tăng, con tên là ... có nhận lời dặn nhờ của Tỷ kheo tăng bồ tát ... vắng mặt vì lý do ..., nhưng nửa tháng vừa qua, vị ấy không phạm giới, vị ấy dặn nhờ con bạch lại với đại đức tăng rằng, đối với việc yết ma bồ tát tụng giới của đại đức tăng, vị ấy nói muốn và thanh tịnh.”

• **Bồ tát:** tiếng phạn là upavasatha (ôbahasa) dịch là Cận trụ, tức sống gần, có nghĩa là gần gũi đời sống cao thượng của thánh giả A la hán. Ngày cận trụ của một đệ tử dọn mình cho thanh tịnh để kiêng cử. Sự kiêng cử ăn uống và kiêng cử các sự hưởng thụ các dục lạc khác.

Lại nữa, bồ tát dịch là posadha. Pali dịch là uposatha. Phạn cổ điển dịch là upavasatha. Từ posadha phát xuất từ động từ pus có nghĩa là nuôi lớn, và động từ dha có nghĩa là đặt để, duy trì. Do đó, Bồ tát (posadha) hán dịch là trưởng tịnh hay trưởng dưỡng, có nghĩa là nuôi lớn sự thanh tịnh hay các thiện pháp.

Tóm lại, Bồ tát theo nghĩa rộng, là ngày trai giới để dọn mình và trưởng tịnh để nuôi lớn thiện pháp; nghĩa hẹp, đó là

ngày định kỳ thuyết giới để duy trì và phát triển sinh mạng của tăng trong tinh thần hòa hợp và thanh tịnh.

- Trong hán văn, hai chữ “Chúc thọ”. Chúc là dặn dò, thọ là gửi gắm. Dặn dò trao gửi ý kiến của mình đến với đại đức tăng về ý muốn và sự thanh tịnh của mình trước tăng trong giờ bố tát tụng giới mà mình không đến được.

- Lời người gửi dục: “Kính bạch đại đức, con Tỷ kheo... vì ... nên không đến yết ma tụng giới. Nhưng đối với việc ấy, tôi ưa muốn và thanh tịnh. Kính xin đại đức bạch lại với đại tăng như vậy.

- Lời người nhận dục: “Ngưỡng bạch đại đức tăng, con tên là ... có nhận lời dặn nhờ của Tỷ kheo ... vắng mặt vì ... nhưng nửa tháng vừa qua, Tỷ kheo ấy không phạm giới, Tỷ kheo ấy dặn nhờ con bạch lại với đại tăng rằng, đối với việc yết ma tụng giới, Tỷ kheo ấy nói muốn và thanh tịnh.”

- Sau câu chất vấn về thuyết dục và thanh tịnh. Chánh văn còn có bài tụng gồm 73 câu, nhằm ca ngợi giới pháp và đề cập công đức người thọ trì bố tát giới.

- Trong hán văn “Bí lạc lợi”: “Bí” là giây cương giữ cho ngựa đi thẳng đường; “Lạc” là cái dầm để chằng ở đầu và mõm ngựa, buộc ngựa đi thẳng đường không nhìn qua lại; “Lợi” là công dụng của một vật, điều lợi.

- Trong hán văn “Mao ngưu ái vĩ”. Mao ngưu là bò rừng, bò Tây Tạng. Một loài trâu hay bò có đuôi rất dài và đẹp, như cây cờ. Chúng ở rừng hoang mạc, yêu mến và giữ gìn đuôi rất kỹ cái đuôi của chúng, như một dụng cụ hộ thân, xua đuổi ruồi muỗi.

Đoạn 5: Chất vấn sự thanh tịnh của tăng

Thưa các Đại Đức, hôm nay là ngày thứ 15 (hoặc 14) thuộc nửa tháng trăng sáng (hoặc trăng tối). Ngày chư tăng tiến hành bố tát tụng giới. Đại chúng hãy nhất tâm lắng nghe. Ai người có tội, thì hãy phát lộ sám hối. Ai không có tội, thì hãy im lặng. Qua sự im lặng này mà biết, trong đại chúng đều thanh tịnh. Và như vậy, có thể tiến hành thuyết giới, Bố tát.

Thưa các Đại Đức, tôi đã tuyên đọc xong bài tựa của Bồ tát giới. Ai có tội thì phát lộ sám hối, ai không có tội thì im lặng. Nay tôi xin hỏi các Đại Đức, trong đây có thanh tịnh không? (3lần). Thưa các Đại Đức, trong đây thanh tịnh, vì im lặng, xin ghi nhận như vậy.

- Đây là thay lời tác bạch bố tát tụng giới, bằng sự chất vấn sự thanh tịnh của tăng.

- Chỉ hỏi trong nửa tháng vừa qua thôi, có ai phạm giới không? Không có ai phạm giới trong nửa tháng qua, mới có thể tiến hành tụng giới.

- “Thị sự như thị trì”: việc này tôi ghi nhận như vậy.

- Chữ tôi ở đây là chỉ lời của người tụng giới, nói đủ cả câu là “các ngài thanh tịnh cả, vì cái các ngài yên lặng, việc này tôi ghi nhận như vậy.

- Chữ trì là nắm giữ, tức là nói về sự ghi nhớ trong ký ức. Trì thì luôn đi theo “thọ trì”, có nghĩa là tiếp nhận và ghi nhớ. Dịch sát: việc ấy tôi nắm chắc như vậy, hiểu và nhớ như vậy.

III. Kinh phạm võng

1. Giải thích đề kinh:

Nói cho đủ là “Phạm võng kinh Lô xá na Phật, thuyết Bồ tát Tâm Địa Giới phẩm đệ thập”. (Đức Phật Lô xá na nói về Tâm Địa Giới của Bồ tát, phẩm thứ 10 của kinh Phạm võng)

- Kinh Phạm võng có 120 cuốn, gồm 61 phẩm, ngài La Thập chỉ dịch phẩm thứ 10. Nay ta nói kinh Phạm võng là chỉ nói phẩm ấy.

- Bồ tát giới có 4 bản dịch: Bản 1 của kinh phạm võng do ngài La Thập dịch. Bản 2 và 3 của luận Du già, do Đàm Vô Sấm và Huyền Trang dịch khác nhau. Bản 4 của Ưu bà tắc giới kinh, do Đàm Vô Sấm dịch.

- Phạm võng: Tràng lưới của Đại phạm thiên vương. Tràng lưới ấy, các mắt lưới được kết bằng ngọc quý khác nhau, mà ảnh hiện lẫn nhau. Tràng lưới này được treo trước cung điện của vua trời Phạm thiên.

Từ trên cung trời sắc cứu cánh của Đại phạm thiên vương, đức Thích Ca nhìn tràng lưới ấy, rồi nói

mọi thể giới cũng như vậy, nhiều và khác nhau, nhưng một là tất cả, tất cả là một.

- Lô xá na Phật: Đức Phật Tỳ lô xá na (Ma ha Tỳ lô xá na). Dịch là Đại nhật Như lai, là một đức Như lai có hào quang chiếu sáng khắp nơi, như ánh sáng mặt trời vĩ đại. Ngài là vị pháp vương của cõi Liên hoa đại tạng.

Theo Mật giáo, Đại nhật Như lai, bao gồm và thay thế cho tất cả các đức Như lai. Đức Thích Ca Như lai cũng là một với Đại nhật Như lai.

Ngài có 5 loại trí: 1. Trí gồm pháp giới; 2. Trí thấy rõ chúng sanh trong 9 cõi; 3. Trí thấy chúng sanh một cách bình đẳng; 4. Trí có thể phán đoán mạch bảo mọi sự đúng đắn; 5. Trí có thể thi hành mọi điều thiện.

- Bồ tát tâm địa giới: Tâm là 30 tâm. Địa là 10 địa. Giới là 58 giới tương trọng, kinh của Bồ tát tu tập thọ trì và toàn là những pháp môn giống như các mắt lưới của vua trời Phạm thiên. (xem phần giải thích về tâm và địa ở cuối phần chú thích)

- Phẩm đệ thập: Phẩm 10, tức là phẩm tâm địa giới Bồ tát của đức Lô xá na nói. Phẩm này có tên là pháp môn tâm địa. Phẩm này có hai phần, tức hai cuốn thượng và hạ:

Nội dung phần một: (Cuốn thượng) Thuyết minh về Bồ tát tâm địa, tức pháp môn tâm địa: gồm 40 pháp môn là 30 tâm và 10 địa. Do đức Thích Ca nói bằng cách dẫn thính chúng đến hỏi để đức Tỳ lô xá na nói.

Nội dung phần hai: (Cuốn hạ) Thuyết minh về Bồ tát giới, gọi là giới pháp vô tận, gồm 10 giới trọng và 48 giới khinh, do đức Thích Ca tụng lại giới tướng mà đức Tỳ lô xá na đã tụng trong khi nói về Bồ tát tâm địa.

Như vậy, phẩm pháp môn tâm địa giới là phẩm thứ 10 của kinh phạm võng, nói về 30 tâm, 10 địa và 58 giới tướng tức gồm Bồ tát vị và Bồ tát giới.

2. Sơ lược Dịch giả:

- Cưu ma la thập (kumarajiva) (344 – 413).

• Diêu tần: Diêu: Diêu Hưng. Tần: Hậu Tần. Diêu Hưng là quốc chủ đời hậu Tần.

• Cưu ma la thập (344 – 413)

- Phạm: kumarajiva. Kumara: tên cha. Jiva: tên mẹ. Kumarajiva là tên ghép cha và mẹ.

- Tàu: dịch âm là Cưu ma la thập; dịch nghĩa Đồng thọ Cưu ma la thập. Đồng: đồng tử: Cưu ma la. Thọ là thọ mạng, đời sống; jiva là thập.

Vậy kumarajiva dịch là Cưu ma la thập: Đồng
thọ: Đồng tử: Thọ mạng. Ông người nước Khâu tư.
Cha là người Ấn, mẹ là công chúa xứ Diêu Tần. (xem
kỷ lại ở các sử liệu)

B. Tựa Kinh Phạm võng Bồ tát tâm địa phẩm 10

Chia làm 4 đoạn.

Viết dịch đoạn 1

Lúc bấy giờ, đức Phật Tỳ Lô Xá Na, vì đại chúng mà khai thị một cách tóm tắt chỉ bằng đầu mút sợi tóc về Pháp Môn Tâm Địa, một trong các pháp môn nhiều vô số kể, như cát của trăm ngàn sông Hằng, không thể nói hết được. Đó là pháp môn mà các đức Phật trong quá khứ đã nói, các đức Phật tương lai sẽ nói và hiện tại các đức Phật đang nói. Các vị Bồ tát trong ba đời đã học, sẽ học và đang học. Như lai đã trải qua trăm kiếp tu tập Pháp môn Tâm Địa này mà thành Phật, hãy đem pháp môn mà Như Lai đã nói này, giảng dạy cho hết thảy chúng sanh, để khai mở tâm tánh họ.

Lúc bấy giờ ở thế giới Liên Hoa Đài Tạng, trên pháp tòa Sư Tử Thiên Quang ánh sáng chói rực, đức Phật Tỳ Lô Xá Na phóng hào quang sáng, khuyến cáo ngàn đức Thích Ca trên ngàn hoa sen rằng, các Ngài hãy đem Phẩm Pháp Môn Tâm Địa của Như Lai mà

đi nói lại cho trăm ngàn ức đức Thích Ca khác và hết thảy chúng sanh. Cứ tuần tự mà truyền nói phạm Pháp Môn Tâm Địa của Như Lai với lời khuyến cáo rằng, các người hãy thọ trì đọc tụng và hết lòng hành trì.

Bấy giờ ngàn đức Thích Ca trên ngàn cánh sen và ngàn trăm ức đức Thích Ca khác ở thế giới Liên Hoa Đài Tạng, các Ngài đang tọa trên tòa sư tử rực sáng, khi nghe đức Phật Tỳ Lô Xá Na truyền ra như vậy, thì đều đứng dậy, ai nấy đều ẩn một bằng cách toàn thân phóng ra vô số hào quang sáng rực, không thể nghĩ bàn. Trong hào quang ấy, hóa hiện vô số đức Phật. Đồng thời đem vô số hoa sen đủ màu sắc rực rỡ, màu vàng, màu đỏ, màu trắng, để dâng cúng đức Phật Tỳ Lô Xá Na và lãnh thọ Pháp Môn Tâm Địa mà Ngài đã tuyên thuyết.

Sau khi cúng dường xong, các Ngài đều từ thế giới Liên Hoa Đài Tạng mà ẩn một và đi vào đại định “Thế Tánh Hư Không Hoa Quang”, rồi trở về an tọa dưới gốc cây Bồ đề cõi Diêm Phù Đề, là thế giới nguyên ủy của mình. Rồi các Ngài ra khỏi định Thế Tánh Hư Không Hoa Quang, an tọa trên pháp tòa Kim Cang Thiên Quang Vương, tại giảng đường Diệu Quang. Ở đây đức Phật nói mười thế giới biển cả; rồi từ đây đức Phật lại đến cung trời Đê Thích nói mười

Trú; đến Diệm Ma Thiên nói mười Hạnh; đến Tứ Thiên nói mười Hồi hương; đến Hóa Lạc Thiên nói mười Thiên Định; đến Tha Hóa Thiên nói mười Địa; đến Sơ Thiên nói mười Kim Cang; đến Nhị Thiên nói mười Nhân; đến Tam Thiên nói mười Nguyện; và tiếp đó đến cung trời Đại Tự Tại Thiên Vương thuộc Tứ Thiên, đức Phật nói lại phẩm Pháp Môn Tâm Địa mà đức Phật bản nguyên của chúng ta là đức Tỳ Lô Xá Na đã tuyên thuyết ở thế giới Liên Hoa Đài Tạng. Ngoài ra, tất cả ngàn trăm ức đức Thích Ca khác, cũng làm như vậy, không sai không khác.

Chú thích

- Thiên quang sư tử tòa: Phật ví như sư tử. Âm thanh thuyết pháp của ngài gọi là sư tử hồng. Chỗ ngài ngồi gọi là sư tử tòa.

- Thể tánh hư không Hoa quang tam muội: Thể tánh hư không là thể tánh vốn không hình tướng, giống như hư không. Đây chính là bản nguyên tâm địa. Bản nguyên tâm địa tuy vắng lặng, không hình tướng, nhưng vẫn gồm đủ hằng sa tánh đức, diệu dụng như hoa và ánh sáng. Tam muội là chánh định. Thiên định có tên là bông hoa và ánh sáng của thể tánh thanh tịnh không hình tướng như hư không.

- Kim Cang Thiên quang vương tòa: Tòa này ở góc bờ đề của tịch diệt đạo tràng. Cách 3 dặm về phía đông nam của đạo tràng này là Diệu quang đường (cung trời tứ thiên vương), là 1 trong 10 chỗ thuyết pháp. Tại đây, Phật nói về 10 thế giới hải

(biên cả thế giới: vi trần thế giới, vô tận hoa tạng thế giới, phạm võng thế giới), và tuân tự thuyết giảng 10 chỗ như sau:

1. Tòa kim cương Thiên quang vương-giảng đường Diệu quang. Ở đây nói về 10 thế giới Hải, tức 10 thế giới biên cả, cũng gọi vi trần thế giới, vô tận hoa tạng thế giới, phạm võng thế giới. 10 thế giới hải gồm có.

1. Thế giới hải
2. Chúng sanh hải
3. Thế giới an lập hải
4. Phật hải
5. Ba la mật hải
6. Phật giải thoát hải
7. Phật biến hóa hải
8. Phật diễn thuyết hải
9. Phật danh hiệu hải
10. Phật thọ lượng hải.

2. Tại cung Đế Thích nói 10 trú: Là 10 địa vị an trú của Bồ tát.

- | | | |
|---------------------------|---|----------------------------|
| 1. Phát thú trú | } | Nhập thánh thai |
| 2. Trì địa trú | | |
| 3. Tu hành trú | | |
| 4. Sanh quý trú | | |
| 5. Phương tiện cụ túc trú | } | Trưởng dưỡng
thánh thai |
| 6. Chánh tâm trú | | |
| 7. Bất thối trú | | |
| 8. Đồng chơn trú | | |
| 9. Pháp vương tử trú | } | Xuất thánh thai |
| 10. Quán đánh trú | | |

3. Tại Diêm ma thiên nói 10 hạnh:

1. Hoan hỷ hạnh
2. Nhiều ích hạnh
3. Vô sân hận hạnh
4. Vô tận hạnh
5. Ly si hoạn hạnh
6. Thiện hiện hạnh
7. Vô phược hạnh
8. Tôn trọng hạnh
9. Thiện pháp hạnh
10. Chân thật hạnh

4. Đâu suất thiên (đệ tứ thiên của Dục giới), nói 10 hồi hướng:

1. Cứu hộ nhất thiết chúng sanh ly chúng sanh hồi hướng
2. Bất hoại hồi hướng
3. Đẳng nhất thiết chư Phật hồi hướng
4. Chí nhất thiết xứ hồi hướng
5. Vô tận công đức tạng hồi hướng
6. Tùy thuận bình đẳng thiện căn hồi hướng
7. Tùy thuận đẳng quán nhất thiết chúng sanh hồi hướng
8. Chân như tướng hồi hướng
9. Vô phược giải thoát hồi hướng
10. Pháp giới vô lượng hồi hướng

5. Tại Hóa lạc thiên nói 10 thiên định: Cũng gọi thập đại tam muội, cảnh giới thiên định của Bồ tát:

1. Phổ quang tam muội
2. Diệu quang tam muội
3. Thứ đệ biến mãn chư Phật quốc độ tam muội

4. Thanh tịnh thân tâm hành tam muội
 5. Trí quá khứ trang nghiêm tạng tam muội
 6. Trí quang minh tạng tam muội
 7. Liễu tri nhất thiết thế giới pháp trang nghiêm tam
muội
 8. Chúng sanh sai biệt thân tam muội
 9. Pháp giới tự tại tam muội
 10. Vô ngại luân tam muội
- 6. Tại Tha hóa thiên nói 10 địa. 10 địa vị tu chứng của Bồ**

tát.

1. Thể tánh Bình đẳng địa
2. Thể tánh Thiện huệ
3. Thể tánh Quang minh
4. Thể tánh Nhĩ diệm
5. Thể tánh Huệ chiếu
6. Thể tánh Hoa quang
7. Thể tánh Mãn túc
8. Thể tánh Phật như
9. Thể tánh Hoa nghiêm
10. Thể tánh Nhập pháp giới

Theo kinh Anh lạc, tức là 10 kim cang tâm.

1. Hoan hỷ
2. Ly cấu
3. Phát quang
4. Diệm huệ
5. Nan thắng
6. Hiện tiền
7. Viển hành
8. Bất động

9.Thiện huệ

10.Pháp vân

7. Tại cõi sơ thiên, nói 10 kim cương: 10 tấm lòng cứng rắn như kim cương của Bồ tát:

1.Giác liễu chư pháp tâm

2.Hóa độ chúng sanh tâm

3.Trang nghiêm thế giới tâm

4.Thiện căn hồi hướng tâm

5.Phụng sự đại sự tâm

6.Thật chứng chư pháp tâm

7.Quảng hành nhẫn nhục tâm

8.Trường thời tu hành tâm

9.Tu hành mãn túc tâm

10.Linh tha nguyện mãn tâm

8. Tại cõi nhị thiên, nói 10 nhẫn: 10 đức nhẫn của Bồ tát.

1.Âm thanh nhẫn

2.Thuận nhẫn

3.Vô sanh pháp nhẫn

4.Như huyễn nhân

5.Như điệm nhẫn

6.Như mộng nhẫn

7.Như hưởng nhẫn

8.Như ảnh nhẫn

9.Như hóa nhẫn

10.Như không nhẫn

9. Tại cõi tam thiên, nói 10 nguyện, tức 10 đại nguyện của Bồ tát Phổ Hiền:

1. Lễ kính chư Phật
2. Xưng tán Như lai
3. Quảng tu cúng dường

Đây là nhiếp thiện pháp giới: nếu không thì: không tác: không tác thì không gọi là bậc có đại nguyện, không có đại nguyện thì không có đại bi tâm.

4. Sám hối nghiệp chướng

Nhiếp luật nghi giới, những chướng ngại do nghiệp không thanh tịnh 3 nghiệp, trở ngại đoạn ác, tu thiện, độ sanh thành Phật.

5. Tùy hỷ công đức
6. Tỉnh chuyên pháp luân
7. Tỉnh Phật trụ thế
8. Thường tùy Phật học
9. Hằng thuận chúng sanh
10. Phổ giai hồi hướng

Nhiều ích hữu tình giới.

10. Tại cõi tứ thiên, cung Ma hê thủ la thiên vương, nói pháp môn tâm địa, tức Bồ tát giới, mà chúng ta đang thực tập.

Tâm địa: Tâm là 30 tâm (10 trú – 10 hạnh – 10 hướng), Địa là 10 địa như sau:

• **10 Trú:** Ở phạm võng phẩm thượng, phẩm “Kiên tín nhẫn” (xem chú thích 6 vị tu chứng của Bồ tát, ở cuối phần chú thích đoạn 3) gọi là 10 Phát thú tâm. 10 Trú là 10 địa vị an trú của Bồ tát (10 Phát thú tâm theo Kiên tín nhẫn); tức Thập trú pháp môn (Kinh phạm võng là 10 Phát thú tâm hướng quả)

1. Sau khi đã bằng vào những phương tiện chân chính, phát khởi được 10 tín tâm (10 tín). Bấy giờ trí tuệ tăng trưởng, khế hợp chân lý, tin chắc nơi tự tâm mình là Phật. Do đó, phát tâm rộng lớn tu tập để viên mãn Phật quả, gọi là Phát tâm trú (Xã tâm).

2. Dùng cái tín tâm đã được phát sinh làm nơi nương tựa, để diệt trừ mê hoặc, gọi là Trì địa trú (Giới tâm).

3. Tâm hiện tiền, mọi việc đều tỏ rõ, đi khắp 10 phương làm Phật sự, không gì ngăn ngại, gọi là Tu hành trú (Nhẫn tâm).

4. Hạnh đồng như Phật, nhân cái phần của Phật, vào giống Như lai, gọi là Sinh quý trú (Tần tâm).

5. Đã vào Đạo thai, nhờ Phật chăm sóc, phương tiện ngày càng đầy đủ, gọi là Phương tiện cụ túc trú (Định tâm).

6. Tâm tướng đồng như Phật, từ bi hóa độ chúng sanh cũng đồng như Phật, gọi là Chánh tâm trú (Tuệ tâm).

7. Vận dụng bi trí ngày càng thêm tiến đến viên mãn vi diệu, gọi là Bất thối trú (Nguyện tâm).

8. Một thời đầy đủ 10 thân, gọi là Đồng chân trú (Hộ tâm). (10 thân: Bồ đề, Nguyện, Hóa thân, Lực thân, Trang nghiêm thân, Uy thế thân, Ý sanh thân, Phước thân, Pháp thân, Trí thân)

9. Ra khỏi thánh thai, chính mình là Phật tử (con Phật), gọi là Pháp vương tử trú (Hỷ tâm).

10. Bi trí đủ, có thể được Phật ủy thác làm Phật sự, như những vua, khi thái tử lớn lên, làm lễ quán đảnh, ủy thác cho một phần công việc, gọi là Quán đảnh trú (Đảnh tâm).

• **10 Hạnh:** ở kinh Phạm võng phẩm thượng, phần “Kiên pháp nhẫn”, gọi là 10 Trưởng dưỡng tâm. 10 vị trước (10 trú)

là tu tập các đức tướng Như lai đã đầy đủ, đến đây mới phát khởi các hạnh của Bồ tát (kinh Phạm võng là 10 Trường dưỡng tâm hướng quả), (tức là 10 Hạnh pháp môn).

1.Những bậc tu hành, phương tiện đầy đủ, bỏ ý riêng theo căn cơ chúng sanh mà hóa độ, gọi là Hoan hỷ hạnh (Tỳ tâm).

2.Trừ cái khổ phiền não, đem cho cái vui bỏ đê, luôn làm lợi chúng sanh, gọi là Nhiêu ích hạnh (Bi tâm).

3.Tự giác là để giác tha, mà giác tha chính là tự giác, tùy thời mà hóa độ, không trái căn cơ chúng sanh, gọi là Vô sân hận hạnh (Hỷ tâm).

4.Tùy loại hóa thân cứu độ, 10 phương ba đời có trong đương niệm, phát bồ đề nguyện rộng lớn, gọi là Vô tận hạnh (Xả tâm).

5.Nhận thức thực tánh các pháp, tùy cơ dùng mọi pháp môn dạy bảo không lầm, gọi là Ly si loạn hạnh (Thí tâm).

6.Lúc hiện thân hóa độ, trong cái thể không sai khác hiện ra cái sai khác, mà mỗi mỗi cái sai khác hiện ra đều là những cái sai khác của tính thể không sai khác, gọi là Thiện hiện hạnh (Hảo tâm).

7.Vi trần và quốc độ dung hợp, trong pháp tánh chân không như huyễn, lớn nhỏ bình đẳng, 10 phương thế giới hiện ra trong một vi trần mà thế giới không nhỏ đi, và vi trần không lớn thêm, vi trần và thế giới không ngăn ngại nhau, gọi là Vô trước hạnh (Ích tâm).

8.Các pháp đồng một pháp giới tánh, mọi nhật dụng bình thường, đều là cảnh giới bất tư nghi, tất cả đều là đệ nhất nghĩa ba la mật, gọi là Tôn trọng hạnh (Đồng tâm).

9. Viên dung được như vậy là thành tựu qui tắc của 10 phương Phật, gọi là Thiện pháp hạnh (Định tâm).

10. Các hạnh đến không rời thật tướng, không sanh diệt, không ngăn ngại, đều là tự tánh thanh tịnh tâm, gọi là Chân thật hạnh (Tuệ tâm).

• **10 Hồi hướng:** Khi đã viên mãn công đức 10 hạnh, khởi tâm đại bi độ sanh, chuyển 10 hạnh hướng về 3 nơi: 1. Chỗ sở chứng, tức hướng chân như thật tướng. 2. Chỗ sở cầu, tức hướng vô thượng bồ đề. 3. Cảnh độ sanh, tức hướng nhất thiết chúng sanh. Lại đem tâm năng hồi và thiện hạnh sở hồi, hướng về chúng sanh được giải thoát. Trong Kiên tu nhẫn gọi là thập Kim cang tâm.

1. Các bậc tu hành trí tuệ mở mang, phương tiện đầy đủ khắp nơi hành thiện, xa lìa các vọng tưởng còn sót lại. Trong lúc hành hóa, diệt các tướng năng độ, sở độ, tâm tướng hướng về tự tánh niết bàn. Đây gọi là Cứu độ chúng sanh ly chúng sanh tướng hồi hướng (Tín tâm).

2. Diệt trừ những cái có thể diệt trừ, xa rời tất cả các duyên sự đáng xa rời. Đây gọi là Bất hoại hồi hướng (Niệm tâm).

3. Bốn giác tính yên lặng, bình đẳng với giác tâm chư Phật. Đây gọi là Đẳng nhất thiết Phật hồi hướng (Hồi hướng tâm).

4. Tính bốn giác được phát minh, tất cả các lý địa đều đồng như Phật địa. Đây gọi là Chí nhất thiết xứ hồi hướng (Đạt tâm).

5. Lý địa và bản giác, thể giới và Như lai, cũng như căn thân và thể giới đều viên dung vô ngại. Đây gọi là Vô tận công đức tạng hồi hướng (Đạo tâm).

6. Trong chỗ lý trí viên dung, đồng như Phật địa, phát huy những nhân hạnh thanh tịnh, hồi hướng đạo niết bàn. Đây gọi là Tùy thuận bình đẳng thiện căn hồi hướng (Bất thối tâm).

7. Thành tựu bình đẳng thiện căn viên chứng tự tánh thanh tịnh, tâm thấy 10 phương chúng sanh đều đồng một Như lai tạng tánh, đều đã thành Phật đạo. Đây gọi là Tùy thuận đẳng quán nhất thiết chúng sanh hồi hướng. Có nghĩa là hồi hướng thuận theo bản lai tự tánh. Quán tất cả chúng sanh và chư Phật đều bình đẳng không hai không khác, và tất cả sự sống chết, những hạnh hóa độ... chỉ là những biểu hiện như huyễn trong nhất chân pháp giới (Đại thừa tâm).

8. “Tức” tất cả các pháp “Ly” hết thấy các tướng và cả cái “Tức” cái “Ly” đều không dính dáng. Đây gọi là Chân như tướng hồi hướng (Vô tướng tâm).

9. Không “Tức” không “Ly” thể tánh chân như cùng khắp mười phương, tự tại độ sanh, không gì ngăn ngại. Đây gọi là Vô phược giải thoát hồi hướng (Tuệ tâm).

10. Trong nhất chân pháp giới, tất cả sự việc đều bình đẳng như hư không. Đây gọi là Pháp giới vô lượng hồi hướng (Bất hoại tâm).

Mười hồi hướng trên đây, giải theo kinh Lăng nghiêm. Còn ở kinh Phạm võng này, 10 hồi hướng gọi là 10 hồi hướng pháp môn. Cũng gọi là 10 Kim cang tâm hướng quả. Đó là: Tín tâm, Niệm tâm, Hồi hướng tâm, Đạt tâm, Đạo tâm, Bất thối tâm, Đại thừa tâm, Vô tướng tâm, Tuệ tâm, Bất hoại tâm.

• **10 Địa:**

1. Bồ tát qua thể đệ nhất địa, diệt trừ được pháp tướng mê lầm, giác ngộ và diệt trừ cả pháp tướng phi mê phi giác (trung đạo), thì bình đẳng với bất bình đẳng cũng đều là bình

đẳng. Bản lai tự tánh viên dung vô ngại hiện hữu hằng; chỗ giác ngộ đã cùng tận cảnh giới chư Phật, diệt trừ được phân biệt ngã chấp, pháp chấp, nên bắt đầu có pháp lạc, gọi là “Hoan hỷ địa”.

2.Những tánh sai khác cùng vào trong một tánh đồng, và tánh đồng ấy cũng diệt, gọi là “Ly cấu địa”.

3.Nội tâm thanh tịnh, trí tuệ sáng suốt, gọi là “Phát quang địa”.

4.Trí tuệ sáng suốt tốt bậc, thì được giác ngộ viên mãn, gọi là “Diệt huệ địa”.

5.Cái đồng các khác không thể đến được với hành giả. Chân đế tục đế viên dung không hai, gọi là “Nan thắng địa”.

6.Vô vi chân như không nhiễm không tịnh, luôn luôn hiện diện, tự tánh chân như hiện rõ, gọi là “Hiện tiền địa”.

7.Tất cả đều là chân như, không có gì không phải là chân như, cùng tốt bờ bến chân như, gọi là “Viễn hành địa”.

8.Một tâm chân như thường trụ không thay đổi, gọi là “Bất động địa”.

9.Cái dụng của chân như hiện ra vô số thân hóa độ chúng sanh, đầy đủ bốn trí vô ngại, gọi là “Thiện huệ địa”.

10.Tu tập hoàn mãn, công đức đầy đủ, bi trí viên mãn, đủ sức che chở chúng sanh, gọi là “Pháp vân địa”.

Viết dịch đoạn 2:

Lúc bấy giờ, đức Phật Thích Ca Mâu Ni, từ khi mới hiện thân ở thế giới Liên Hoa Đài Tạng, vận thân sang phương Đông, đến cung Thiên Vương, để diễn thuyết kinh “Ma Thọ Hóa”. Sau đó, Ngài giáng sinh cõi Nam Diêm Phù Đề, nước Ca Tỳ La Vệ. Phụ

hoàng là Tịnh Phạn và Mẫu hoàng là Ma Gia. Ngài có tên là Tất Đạt Đa. Xuất gia tầm đạo trong thời gian bảy năm và thành đạo năm 30 tuổi, có hiệu là Thích Ca Mâu Ni Phật. Từ bảo tòa Kim Cang Hoa Quang Vương, nơi Tịch Diệt Đạo Tràng, cho đến cung Ma Hê Thủ La Thiên Vương, trong mười nơi ấy, đức Phật đã tuần tự ngự đến thuyết pháp.

Lúc bấy giờ đức Phật nhìn thấy rèm lưới treo trước cung trời Đại Phạm Thiên Vương mà nói cho tất cả chúng sanh biết rằng, vô lượng thế giới cũng giống như những mắt lưới ấy. Mỗi thế giới đều không giống nhau, có vô lượng sai biệt, các giáo pháp của Như Lai cũng như vậy.

Như Lai giảng sanh ở thế giới Ta Bà này đã tám ngàn lần, ngự tọa trên tòa Kim Cang Hoa Quang Vương và từ đây đến cung trời Ma Hê Thủ La Thiên Vương, trong hội này, Như Lai đã vì tất cả đại chúng mà khai thị tóm tắt và hoàn tất phẩm Pháp Môn Tâm Địa.

Sau đó, từ cung trời Ma Hê Thủ La Thiên Vương, đức Phật đến ngự tọa dưới gốc cây Bồ Đề, cõi Diêm Phù Đề, vì tất cả chúng sanh, hàng phàm phu tầm tối trên quả đất này, mà nói lại giới Pháp Môn Địa của đức Tỳ Lô Xá Na. Giới pháp mà từ khi mới phát tâm xuất gia, Ngài đã thường hành trì đọc tụng chỉ một giới pháp duy nhất. Đó là giới pháp có tên gọi “Quang Minh Kim Cang Bảo Giới”. Vì vậy mà giới pháp này cũng chính là bản nguyện tâm địa của hết thầy chư Phật, hết thầy Bồ Tát, và cũng là chủng tử Phật tánh của hết thầy chúng sanh vậy.

Đó là mười Ba La Đề mộc Xoa được nói ra ở thế giới này. Đây chính là giới pháp được nói ra trong ba đời, đều tôn kính, cúi đầu lãnh thọ và hành trì. Nay Như Lai sẽ vì đại chúng, nói lại phạm giới pháp vô tận tạng mà nguồn gốc của giới pháp này là từ tự tánh thanh tịnh của hết thảy chúng sanh.

Chú thích

- Ma thọ hóa: Đức Phật nói kinh “hàng ma” tại Trung A hàm, kinh số 131, trang 117 cuốn 3. Nói tại Bạc kỳ sáu, núi Ngọc sơn, rừng Bộ lâm, Lộc uyển.

Đức Phật thuyết pháp độ chúng sanh, khiến chúng sanh tiếp nhận giáo hóa của Phật. Ở Đâu suất, không có các loài ma quấy phá. Nhưng ở đây hàng chư thiên, tu định hỷ túc (vui mừng tự mãn với cảnh định của mình) không chịu cầu tiến. Đây chính là một loài ma, gọi là nội ma.

Ma: ở Ấn Độ gọi là mala, Hoa dịch là Sát giả, chỉ người có khả năng sát hại tuệ mạng của chúng sanh. Phật giáo không hề nói đến Ma, mà nói Ma thì đều mang ý nghĩa xấu, tiêu cực, nhiễu loạn tâm trí người tu tập.

Căn cứ chư thiên mà nói, thì chúng ma muốn tất cả chúng sanh đều là quyền thuộc của chúng. Cho nên, ai cứ yên tâm an trụ trong ba cõi, không hề nghĩ tưởng đến phương pháp xuất ly; thì chúng rất kính nể và sẵn sàng cung cấp mọi thứ khoái lạc. Còn đối với ai có tâm mong cầu thoát ly tam giới để ly khai với chúng thì chúng ma bắt đầu xuất hiện tướng hung dữ và phá hoại không nể vì.

- Hán âm là Cadila, dịch âm Ca tỳ la vệ, dịch nghĩa là huỳnh sắc (kinh đô màu vàng): Tương truyền, đời thượng cổ,

có một vị tiên tóc vàng tu định ở đây. Nay chính là Trung Thiên Trúc. Thiên Trúc có 122 nước chư hầu. Ca tỳ la vệ ở giữa nước Ấn Độ, cũng là trung ương của Nam thiên bộ châu.

Kapila: màu vàng. Vastou: kinh đô. Kapilavastou: kinh đô màu vàng. Có nơi dịch là Diệu Đức thành.

- Mada, mahamada: dịch là Đại thuật. Đại huyền. Vị Bồ tát thành tựu pháp môn “Đại nguyện trí thuật giải thoát”: Dùng như huyền thuật, thường xuyên làm mẹ các đức Phật. Tịnh phạn phu nhân, cũng dịch là “Đại trí mẫu.”

- Bạch phạn, Tịnh phạn tiếng phạn Souddhodana dịch là Duyệt đầu đàn. Tịnh phạn: làm việc bố thí cúng dường một cách trong sạch.

- Tất đạt đa (Siddharda): Nhất thiết nghĩa thành. Thành tựu chúng sanh. Tất đạt đa tên gọi là Gautama. Cồ Đàm là tên thánh của gia tộc Ngài.

- Đây là nhân duyên Phật thuyết kinh Phạm võng. Ngài nhìn thấy bức rèm lưới treo trước cung trời Đại phạm thiên vương mà dạy cho hết thảy chúng sanh biết rằng, vô lượng thế giới cũng nhiều như những mắt lưới ở bức rèm châu ấy. Mỗi thế giới đều không giống nhau, có vô lượng sai thù, các giáo pháp của Như lai cũng như vậy.

Như lai xuất hiện ở thế giới ta bà này, không phải chỉ mới một lần mà đã trải qua tám ngàn lần, ngự tại tòa Kim cang Hoa quang vương và từ đây đến cung Ma hê thủ la thiên vương. Như lai đã vì tất cả đại chúng mà khai thị pháp môn tâm địa.

- Pháp môn tâm địa: Tâm địa tức 30 tâm và 10 địa (xem tựu Bồ tát giới ở trên).

• Giới pháp duy nhất. Hán dịch là “nhất giới”, tức theo Ngài Hoàng Tấn gọi là “Quang minh Kim cang bảo giới” là giới thể. Còn 10 trọng, 48 khinh giới là giới tướng.

- Quang minh: Chiếu sáng khắp nơi, nghĩa là giới này có công năng khai sáng vô minh cho chúng sanh. Dự đại Bồ đề (giác ngộ). Như vậy, quang minh hàm chứa nhiếp thiện pháp giới. Đưa Bồ tát đến trí đức, tức đại bồ đề.

- Kim cang: Tính chất cứng rắn, chỉ giới này có công năng phá phiền não nghiệp chướng của chúng sanh. Dự đại niết bàn. Như vậy Kim cang hàm chứa nhiếp luật nghi giới. Đưa Bồ tát đến đoạn đức tức Đại niết bàn.

- Bảo là Bửu, vật quý báu. Bảo vật có công năng làm kẻ nghèo khổ, được vui sướng. Dự đại từ bi. Như vậy, Bảo hàm chứa Nhiêu ích hữu tình giới, đưa Bồ tát đến ân đức, tức đại từ bi.

Như vậy Bồ tát giới gồm có 3 phần:

1.Nhiếp luật nghi: Ngăn cản các tội lỗi nơi ba nghiệp. Có công năng đưa Bồ tát đến Đoạn đức, chứng đại niết bàn, thành tựu pháp thân.

2.Nhiếp thiện pháp: Những pháp lành mà Bồ tát đạo phải có. Có công năng đưa bồ tát đến Trí đức, chứng đại bồ đề, thành tựu báo thân.

3.Nhiêu ích hữu tình: Ban vui cứu khổ cho người, là lý tưởng của Bồ tát. Có công năng đưa Bồ tát đến Ân đức, chứng đại bi, thành tựu hóa thân.

Nhất giới tức là “Quang minh kim cang bảo giới”, là thuộc giới thể, bao gồm ba phần của bồ tát giới. Cho nên gọi là “Quang minh kim cang bảo giới”.

Ở đây, xin giải thích thêm về 3 loại luật nghi, gọi là tam chủng luật nghi: 1. Biệt giải thoát luật nghi, 2. Tịnh lự luật nghi, tịnh lự sanh luật nghi, tức định cộng giới, 3. Vô lậu luật nghi.

1. Biệt giải thoát luật nghi hay biệt giải thoát giới. Tức Ba la đề mộc xoa luật nghi, còn gọi là Dục triển giới, có nghĩa là giới luật còn lệ thuộc trói buộc hành giả trong cõi dục. Đây là loại luật nghi, phải có sự tác pháp yết ma mà được giới thể. Có 3 loại:

- Tám trai giới của tại gia, tập sống theo hạnh xuất gia trong một ngày một đêm.

- Mười giới của Sa di, Sa di ni, Thức xoa, Cụ túc giới của Tỳ kheo, Tỳ kheo ni.

- Năm giới chung cho cả tại gia xuất gia (đạo tục cộng giới).

2. Tịnh lự luật nghi hay Tịnh lự sanh luật nghi. Thuật ngữ Phật giáo gọi là định cộng giới, hay định sanh luật nghi. Luật nghi được phát sinh (một cách vô biểu) và tự nhiên trong thời gian thiền định. Hành giả nhập định sơ thiền, nhị thiền... nhờ định lực mà chứng đắc sắc giới định. Trong thời gian hành định, thân và tâm một cách tự nhiên xa lìa hết mọi quá thất tội ác, đồng thời, cũng một cách tự nhiên thân và tâm khế hợp luật nghi. Ở đây có khả năng đình chỉ mọi quá thất, bất thiện của dục giới. Nhưng vẫn còn bị lệ thuộc ràng buộc ở cõi sắc, nên gọi là sắc triển giới.

Loại tịnh lự luật nghi, còn gọi là tùy tâm chuyển giới, có nghĩa là luật nghi vô biểu, khi trong định thì nó cùng định cộng sinh, khi xuất định thì đồng thời cộng diệt. Nói rõ hơn, luật nghi này cùng với hữu lậu định cộng sanh, cùng hữu lậu định cộng diệt. Cho nên gọi là định cộng giới.

3. Vô lậu luật nghi, còn gọi là Đạo sanh luật nghi. Tức thuật ngữ Phật giáo Đạo cộng giới. Hai loại luật nghi trên, biệt giải thoát luật nghi và tịnh lự luật nghi, là thuộc hữu lậu luật nghi, hay hữu lậu giới, vì chưa đoạn hết phiền não. Còn vô lậu luật nghi là do đã hết phiền não, không trở lại tam giới. Nên gọi là vô lậu giới (luật). Chỉ những hàng thánh giả, nhập vô lậu định, hàng kiến đạo trở lên mới chứng đắc vô lậu luật nghi.

Như vậy, Vô lậu luật nghi là luật nghi có được là do nhập vô lậu định. Trong thời gian nhập vô lậu định, tự nhiên thân và tâm xa lìa hết mọi lỗi lầm mà khế hợp với luật nghi.

Vô lậu luật nghi cũng gọi là tùy tâm chuyển giới. Có nghĩa là luật nghi tùy tâm mà chuyển. Tức luật nghi tùy tâm vô lậu đạo cộng sanh và cộng diệt cho nên gọi là đạo cộng giới.

Trái lại đối với Biệt giải thoát luật nghi, không luận trạng thái của tâm như thế nào, chỉ cần không xả giới thì giới thể vĩnh viễn tiếp tục. Cho nên biệt giải thoát luật nghi gọi bất tùy tâm chuyển giới.

- “Nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh”. Câu này xuất xứ từ kinh Niết bàn. Sau câu này là câu “Phàm hữu tâm giả, giai đương tác Phật” (Phàm những chúng sanh, có tâm đều sẽ thành Phật). Tâm là pháp mà mỗi chúng sanh đều có sẵn, và Phật tánh đều ẩn tàng trong tâm chúng sanh. Vì thế, chúng hữu tình đủ tâm thức hoạt động đều sẽ thành Phật. Phật tánh khắp tất cả pháp, không giới hạn ở bất cứ một phương diện nào. Cho nên tất cả hoặc Ý hoặc Thức, hoặc Sắc, hoặc Tâm, là Tinh, là Tâm không một pháp nào mà không đi vào phạm vi của giới pháp mang tính Phật tánh.

Tâm: tập khởi, vọng niệm hốt nhiên tập khởi. Ý: là ý nghĩa suy tư lượng định; có đủ công năng tác dụng hằng thâm

sát và tư lương (đệ thất nhiễm ô ý). Thức: là ý nghĩa liễu việc, sáu thức trước đều ở trong ấy. Sắc: chỉ vật chất, sinh mạng chúng sanh, tổ hợp 4 đại, còn Tâm, Ý, Thức là tinh thần.

Ý, Thức, Sắc, Tâm: Ý, Thức, Tâm cả ba cùng một bản thể nhất chân. Nhưng vì một niệm vọng động sai lầm không giữ được tự tánh nên mới có ra 3.

- Ý, Thức, Tâm: ba nhưng chỉ là một, Ý và Thức là tên riêng của Tâm. Phàm phu khởi vọng niệm gọi là Tâm (tính tập khởi là Tâm); suy nghĩ gọi là Ý (tư duy vi Ý); phân biệt hơn thua, hay dở gọi là Thức (phân biệt là Thức).

- Sắc: Sắc chất, vật chất, như nói trên là sinh mạng chúng sanh, là tổ hợp bốn đại.

Vậy Ý, Thức, Sắc, Tâm là chỉ thân và tâm của chúng sanh.

- “Thị tình thị tâm giai nhập Phật tánh giới trung”: “Tình” là chỉ ý thức, chính nó (thị tình, thị tâm), mới có công năng phát minh ra được rằng, tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Ngoại trừ tâm ấy tình ấy ra thì không có gì để phân biệt được có Phật tánh khả đắc, có nghiệp chướng khả trừ.

Cho nên có thể nói, nó (thị tình, thị tâm) là alaya thức (vọng) và cũng chính nó, Như lai tạng (chân).

- Giới pháp vô tận tạng: Bồ tát giới được gọi là giới pháp vô tận tạng, vì người đã thọ và trì Bồ tát giới này khi xả thân này và thọ thân khác, nhưng giới thể Bồ tát giới vẫn tồn tại không mất. Tồn tại cho đến khi nào vị đó thành tựu đạo quả vô thượng bồ đề. Và dù vị đó sanh ở bất cứ cảnh giới nào, loài nào thì Bồ tát giới thể nơi họ vẫn thường còn. Nó vô tận với không gian, vô tận với thời gian và vô tận với sinh mạng.

- “Nhất thiết chúng sanh giới bản nguyên tự, tánh thanh tịnh”. Thể tánh thanh tịnh vốn có của tất cả chúng sanh, tức là Phật tánh. Tất cả chúng sanh đều có cội nguồn từ tự tánh thanh tịnh ấy là Bồ tát giới.

Bồ tát giới tính là tính bình đẳng của hết thảy chúng sanh. Do đó, nếu chúng sanh trở về với tự tánh thanh tịnh, thì chúng sanh ấy là Phật, và Phật đó là bản nguyên tự tánh thanh tịnh.

Chúng sanh nào mà tâm mình hết vọng tâm, dứt vọng trần thì tâm đó là tâm Phật. Phật đó chính là tâm. Kinh Hoa Nghiêm: “Tâm, Phật, Chúng sanh tam vô sai biệt.”

Viết dịch đoạn 3

Nay Như Lai Lô Xá Na,
Ngự tọa trên đài hoa sen.
Trên ngàn cánh sen vây quanh,
Lại hóa hiện ngàn Thích Ca.
Mỗi cánh là trăm ức cõi,
Mỗi cõi là một Thích Ca,
Đều ngự tọa cội Bồ đề,
Mà đồng thành Đẳng Chánh Giác.
Như vậy ngàn trăm ức Phật,
Lô Xá Na là bản thân,
Ngàn trăm ức Phật Thích Ca,
Đều dẫn theo vi trần chúng,
Cùng nhau đến chỗ Như Lai (Lô Xá Na),
Lắng nghe tụng Phật giới pháp.
Nghe xong, cửa Cam lộ mở,

Bấy giờ ngàn trăm ức Phật,
Trở về đạo tràng của mình
Ngự tọa dưới cội Bồ đề,
Tụng mười tụng, bốn tám kinh,
Giới của Bốn sư Lô Xá.
Giới sáng như vàng nhật nguyệt,
Nhu chuỗi ngọc châu anh lạc,
Chúng Bồ tát như vi trần,
Do giới này thành Chánh giác.
Giới, Phật Tỳ Lô đã tụng,
Nhu Lai cũng tụng như vậy.
Các vị Bồ tát tân học,
Phải cung kính thọ trì giới.
Đã thọ trì giới pháp rồi,
Nên truyền lại thầy chúng sanh.
Hãy lắng nghe Nhu Lai tụng,
Kho tàng giới của Phật pháp,
Là Ba La Đề Mộc Xoa.
Đại chúng hãy tự tin rằng,
Các người là Phật sẽ thành,
Nhu Lai là Phật đã thành.
Khởi lòng tin chắc như vậy,
Giới pháp đã đủ vẹn toàn.
Tất cả những người có tâm
Đều nên hộ trì giới Pháp

Chúng sanh nào thọ Phật giới,
Chúng sanh đó, vào vị Phật,
Đồng hàng với bậc đại giác,
Và thật sự là con Phật.
Vậy đại chúng hãy cung kính
Và lắng nghe Như Lai tụng.

Chú thích

Đoạn trùng tụng này gồm có 46 câu, phân làm 8 chi tiết:

1. Tam Phật: Chánh báo – Y báo – Bản và Tích.

“Ngã kim Lô xá na... Lô xá na bản thân”: Tam Phật:
1, Lô xá na: Chánh báo; Liên hoa đài: Y báo. Chánh báo do tu chánh giới này mà được; Y báo: nhờ giới đức chiêu cảm cảnh giới tốt đẹp. 2, Thiên Phật. 3, Thiên bách ức Phật: Chánh báo; Thiên hoa, Bách ức quốc, Thiên hoa đài: Y báo.

Bản, tích:

- Lô xá na: “Bản” tức bản môn, chỉ bản thể, tánh.

- Thiên Phật, thiên bách ức Phật: “Tích” tức tích môn, chỉ sự ứng hiện, hiện tượng tướng.

Bản môn: Phật thân: Bản thân: 14 phẩm sau kinh Pháp hoa.

Tích môn: Biến hóa thân: Phân thân: 14 phẩm đầu kinh Pháp hoa.

2. Hóa thân truyền giới: “Thiên bách ức... tứ thập bát”: Các đức Phật hóa thân tụng lại giới pháp của đức Phật bản thân.

3. Ca ngợi công năng giới: “Giới như minh... chánh giác”:

- Mặt trời: Phá tan bóng tối của một ngôi nhà đóng kín muôn năm; giới có công năng trừ tội lỗi muôn kiếp.

- Mặt trăng: Làm dịu mát vạn vật; giới làm lắng dịu và tiêu phiền não, lắng dịu thân tâm.

- Mặt trăng, trời: Có khả năng sanh trưởng vạn vật; giới sanh trưởng thiện căn, diệt lỗi lầm.

- Ngọc anh lạc: Dùng trang sức thân thể, làm người nghèo trở nên sang quý, người xấu trở nên đẹp đẽ, giới làm phát sanh 37 trợ đạo, các pháp tam muội, đó là vật báu, pháp báu của người xuất gia, trừ nghèo khổ về phước đức, trang nghiêm pháp thân tuệ mạng.

4. Sư tư tương truyền tương tụng: “Thị Lô xá na tụng... ba la đề mộc xoa”: Thầy trò truyền trao cho nhau và cùng nhau trì tụng Bồ tát giới. Lô xá na là bản sư của đức Thích Ca. Đức Thích Ca là bản sư của các vị Bồ tát. Bồ tát là thầy của chúng sanh. Vì vậy Phật dạy phải truyền trao và cùng nhau tụng đọc.

- Tân học: Là tân thọ Bồ tát giới, bắt đầu nghe giới này.

- Chư chúng sanh là chỉ chung cả đại thừa Bồ tát đến phàm phu mới phát tâm thọ giới. Người thọ trước truyền lại cho người sau kế tiếp để ngọn đèn chánh pháp soi sáng vô tận.

5. Khuyên phát khởi tín tâm: “Đại chúng tâm... dĩ cụ túc”: Tin vì đạo nguyên công đức mẫu, trưởng dưỡng nhất thể chư thiện căn”... Vì vậy mà khuyên chúng ta tin Phật là người đã thành, ta là Phật sẽ thành. Vì tâm địa giới chính là tự tâm thể mà chúng đắc. Cho nên nếu tâm tin chắc, không nghi ngờ gì việc sẽ thành Phật thì giới thể đầy đủ.

Bồ tát không đủ chánh tín thì giới thể khuy khuyết, quả vị không thành.

6. Khuyên thọ Bồ tát giới: “Nhất thiết hữu tâm... nhiếp Phật giới”: Đoạn này khuyên phát khởi tín tâm kiên cố thọ Bồ tát giới, tức Bồ tát chánh giới. Bồ tát chánh giới tức tam tụ giới:

1.Nhiếp luật nghi: Cứu cánh là thành tựu pháp thân, đạt niết bàn. Đây là vấn đề đình chỉ mọi tội, hễ làm là phạm, gọi là chỉ tức trì, tác thị phạm.

2.Nhiếp thiện pháp: Không một điều thiện nào không làm. Nếu không làm là phạm, gọi là tác tức trì, chỉ thị phạm. Cứu cánh là thành tựu báo thân, đạt đại bồ đề.

3.Nhiêu ích hữu tình: Không một chúng sanh nào không độ, cứu cánh là thành tựu báo thân, đạt đại từ bi.

7. Thọ ký: “Chúng sanh thọ... chư Phật tử”: Chúng sanh nào hễ thọ Bồ tát giới là được dự vào địa vị Phật; đích thị là con Phật, chân Phật.

8. Khuyên thỉnh: “Đại chúng giai... thính ngã tụng”: Đây là lời dặn dò đại chúng, hãy lắng lòng nghe Phật tụng giới. Phật đây chính là Thích Ca, đã đích thân thọ Bồ tát giới và đích thân tụng Bồ tát giới.

Như vậy, để chứng minh sự tôn kính giới luật, cho nên, chúng sanh phải lắng nghe, không lắng nghe thì vọng niệm xâm nhập, và do đó không thâm nhập được tâm địa đại giới, không thâm nhập giới pháp thì làm sao phục hồi được bản nguyên tâm địa.

• 6 địa vị tu chứng của Bồ tát: (xem Bồ tát giới tâm địa 1, 2, 3 trang 63)

Viết dịch đoạn 4

Bấy giờ đức Phật Thích Ca Mâu Ni, từ lúc rời thành đạo Chánh đẳng Chánh giác, trong khi an tọa dưới cội Bồ Đề, việc trước hết Ngài quy định về giới Bồ tát. Ngài dạy, hiếu thuận cha mẹ Sur Tăng Tam bảo. Hiếu thuận là pháp của đạo chí thượng. Hiếu là giới, cũng gọi là sự ngăn cấm, đình chỉ các ác. Ngay lúc đó, từ kim khẩu Phật, phóng xuất vô số hào quang rực rỡ. Lúc ấy có trăm vạn ức đại chúng Bồ tát, các vị phạm thiên trong mười tám tầng trời cõi sắc; các vị thiên tử sáu tầng cõi dục; các vị quốc vương của mười sáu nước đại cường đồng loạt chấp tay thành búp sen, chí tâm nghe đức Phật tụng giới pháp đại thừa của tất cả chư Phật. Đức Phật dạy các vị Bồ tát rằng, ta nay cứ mỗi nửa tháng, tụng tụng giới pháp của chư Phật. Tất cả hàng Bồ tát mới phát tâm, cho đến các Bồ tát mười Phát thú, mười Trưởng dưỡng, mười Kim cang, mười Địa cũng phải tụng giới pháp ấy. Cho nên đó là hào quang của giới pháp từ kim khẩu của đức Phật lưu xuất tuyên thuyết. Sự lưu xuất như vậy là có lý do chứ không phải vô cơ. Giới quang ấy không lệ thuộc màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, đen; không lệ thuộc sắc pháp hay tâm pháp; không lệ thuộc vào các khái niệm có-không; và cũng không lệ thuộc các pháp nhân quả. Giới quang ấy chính là bản nguyện của chư Phật, là căn bản hành Bồ tát đạo, và cũng là cội nguồn của chúng Phật tử. Bởi thế cho nên, đại chúng Phật tử, phải thọ trì đọc tụng và học tập nghiêm mật giới pháp này.

Các Phật tử hãy yên lặng lắng nghe, quán chiếu thâm sâu. Những ai thọ trì giới pháp của chư Phật, bất luận là thiên, nhân trong mười tám tầng trời cõi Sắc, sáu tầng trời cõi Dục, thứ dân hoàng môn, dân nam, dân nữ, nô bộc, tỳ thiếp, tám bộ quỷ thần, kim cang thần; các loài súc sanh cho đến kẻ biến hóa, hễ ai nhận hiểu được lời truyền giới của Pháp sư, thì đều được thọ giới, đắc giới và được gọi là sự thanh tịnh bậc nhất.

Đức Phật dạy các Phật tử, có mười giới trọng, nếu Bồ tát đã thọ giới mà không tụng giới này, thì người ấy không phải là Bồ tát đích thực, không phải là Phật tử. Chính Như Lai nay đã tụng như vậy, tất cả Bồ tát đã học, sẽ học và đang học cũng tụng như vậy.

Các Phật tử, Như Lai đã lược nói xong các tướng trạng của giới Bồ tát. Vậy các Bồ tát nên học hỏi, thực tập và đem tâm cung kính phụng trì.

Chú thích

- Trước hết qui định về giới (sơ kết Bồ tát giới): Bản hoài chư Phật là làm cho chúng sanh ly khổ được lạc. Muốn vậy trước hết phải qui định giới là để bảo vệ tam nghiệp và 6 căn. Giới có đại thừa và tiểu thừa.

Đại thừa giới là để trang bị cho Bồ tát, tiểu thừa giới là trang bị cho hàng thanh văn.

Thanh văn giới hẹp, chưa gọi là cứu cánh, nên chưa thể tức thời thành Phật. Bồ tát giới rộng, cùng khắp nên chúng sanh thọ giới tức bước vào vị Phật.

Thanh văn là chúng luôn theo Phật, nên tùy từng sự việc mà Phật chế giới. Còn Bồ tát, chỉ tu lục độ, hành hóa lợi sanh,

không thường theo Phật. Mà Ba la đề mộc xoa chính là đầu mối của lục độ vạn hạnh. Cho nên khi mới thành đạo, bắt đầu chuyển bánh xe pháp, trước hết Ngài qui định Ba Là Đề Mộc Xoa, cho chúng Bồ tát.

- Cha mẹ sư tăng: Cha mẹ: Là gồm cả chúng sanh, đều đã đang và sẽ là cha mẹ nhiều đời của nhau. Cha mẹ sanh thân ta, là thân cư mang, sanh để, nuôi dưỡng, thành người. Sư: là bốn sư, là Hòa thượng, là cha mẹ pháp thân huệ mạng.



C. Chú ghi thêm:

Sáu quả vị tu chứng của Bồ tát

1, 2, 3: Tam hiền vị: Trú-Hạnh-Hướng.

4: Thập thánh vị: 10 địa

5: Đẳng giác vị.

6: Diệu giác vị.

- Mỗi vị đều có 5 pháp: Tánh - Quán - Tuệ - Kiên - Nhẫn.

- Mỗi pháp đều có 6 loại.

I. Sáu chủng tánh pháp: 6 loại chủng tánh của Bồ tát:

1. Tập chủng tánh: Bồ tát ở vị 10 trú, tu không quán. Nhờ đó mà phá được sự mê lầm do kiên thức và tư tưởng (kiến tư hoặc).

2. Tánh chủng tánh: Bồ tát ở vị 10 hạnh, trụ ở pháp không, mà luôn hành hóa độ sanh. Nhờ đó mà phá được tánh tướng của các pháp.

3. Đạo chủng tánh: Bồ tát ở vị 10 hướng, tu tập quán chiếu trung đạo lý. Nhờ đó mà thông đạt hết thấy Phật pháp.

4. Thánh chủng tánh: Bồ tát ở vị 10 địa. Từ 10 địa về trước (Trú - Hạnh - Hướng) chỉ được gọi là Hiền (Tam Hiền), đến vị 10 định, do thực tập phương pháp diệu quán trung đạo mà phá được 1 phẩm vô

minh, nên chứng nhập thánh vị. Cho nên mới có tên là Thánh chủng tánh.

5. Đẳng giác tánh: Bồ tát ở vị Đẳng giác, nhìn về sau thì tuy còn 1 bậc nữa, nhưng cũng đã hơn các vị trước, vì vậy có tên Đẳng giác tánh.

6. Diệu giác tánh: Bồ tát ở vị Diệu giác, là quả vị Diệu cực giác mãn, vi diệu cao tột, giác ngộ viên mãn. Cho nên được gọi là Diệu giác tánh.

II. Sáu Quán pháp: 6 phương pháp quán chiếu của Bồ tát:

1. Trú quán: Bồ tát ở vị 10 trú, do tu không quán cần mật, nên tâm khế hợp với lý. Gọi là trú quán.

2. Hạnh quán: Bồ tát ở vị 10 hạnh do thẳng tiến tu tập quán chiếu giả quán mà có tên hạnh quán.

3. Hướng quán: (Hồi nhân hướng quả, hướng đến quả vị) Bồ tát ở vị 10 hướng. Do tu tập quán chiếu về trung quán nhằm hướng đến Phật quả. Do đó mà có tên Hướng quán.

4. Địa quán: Địa có công năng sinh trưởng (trú trì bất động). Ở đây Bồ tát ở vị 10 địa. Nhờ quán chiếu sâu sắc về lý trung đạo, mà trí tuệ được phát sanh. Do đó có tên Địa quán.

5. Vô tướng quán: Bồ tát ở vị Đẳng giác. Nhờ quán chiếu về trung đạo, mà thấy rõ sự mê hoặc, nhiễm ô vốn là vô tướng. Do đó có tên Vô tướng quán.

6. Nhất thiết chủng trí quán: Chủng có nghĩa là năng sinh trưởng. Bồ tát ở vị Diệu giác Phật quả, nhờ thành tựu quán chiếu trung đạo lý. Do đó đủ các loại trí tuệ để phá mọi hình tướng sai khác của các pháp thế, xuất thế gian.

III. Sáu Tuệ pháp: 6 loại trí tuệ của Bồ tát:

1. Văn tuệ: Trí tuệ của Bồ tát ở vị 10 trú. Bồ tát ở vị này nhờ nghe nghĩa lý về trung đạo, mà phát sanh trí tuệ, thấy rõ các pháp, xa lìa nhị biên.

2. Tư tuệ: Trí tuệ của Bồ tát ở vị 10 hạnh. Bồ tát ở vị này, sau khi nghe, nhờ suy tư lý trung đạo mà phát sanh trí tuệ.

3. Tu tuệ: Trí tuệ của Bồ tát ở vị 10 hướng. Ở đây nhờ tu tập hành trì lý trung đạo mà có trí tuệ.

4. Vô tướng tuệ: Trí tuệ của Bồ tát ở vị 10 địa. Ở địa vị này, Bồ tát do chứng tri lý trung đạo mà có trí tuệ thoát vượt ngoài mọi ý niệm phân biệt nhị biên.

5. Chiếu tịch tuệ: Chiếu là dụng của trung đạo. Tịch là thể. Đây là loại trí tuệ của Bồ tát ở vị Đẳng

giác. Dùng tuệ quán trung đạo, chiếu sáng lý thể trung đạo.

6. Tịch nhiên tuệ: Trí tuệ của Bồ tát ở vị Diệu giác Phật quả. Từ thể khởi dụng, lấy dụng chiếu thể, thể dụng không hai, Định tuệ bình đẳng.

IV. Sáu kiên pháp: 6 pháp kiên cố bất hoại diệt của Bồ tát:

1. Tín kiên: Bồ tát ở vị 10 trú. Bồ tát an trú ở đây tu không quán. Tin rằng các pháp đều là chân đế. Tin chắc như vậy, không thể hoại diệt.

2. Pháp kiên: Bồ tát ở vị 10 hạnh. Ở vị này Bồ tát tu giả quán. Nhờ đó mà biết chắc chắn các pháp đều là tục đế, (giả có) tin chắc như vậy không thể hoại diệt.

3. Tu kiên: Bồ tát ở vị 10 hướng. Ở đây, Bồ tát thực tập trung quán. Nhờ đó mà biết chắc các pháp đều là trung đế, không thể hoại diệt.

4. Đức kiên: Bồ tát ở vị 10 địa. Ở đây nhờ tu trung đạo quán mà phá được 1 phần vô minh, nên hiển bày một phần tam đức (Pháp thân_Bát nhã_Giải thoát), chắc chắn như thể không thể hủy hoại.

5. Đảnh kiên: Bồ tát ở vị Đẳng giác, là đỉnh cao của 10 địa, do các mê hoặc đã đoạn nên các đức dần

dần hiển hiện. Chắc chắn như vậy, không thể hủy hoại.

6. Giác kiên: Bồ tát ở vị Diệu giác Phật quả. Ở đây Bồ tát giác tri chắc chắn rằng, các pháp đều là trung đạo.

V. Sáu nhẫn pháp: 6 pháp an nhẫn của Bồ tát:

1. Tín nhẫn: Bồ tát ở vị 10 trú. Ở vị này Bồ tát tin tưởng các pháp đều vắng lặng. Ở trong nghĩa vắng lặng của các pháp, Bồ tát an nhẫn chứng tín.

2. Pháp nhẫn: Bồ tát ở vị 10 hạnh, thực tập giả quán nhờ quán chiếu sâu sắc, Bồ tát thấy các pháp đều không, không một pháp nào hiện hữu. Nhưng vì độ sanh Bồ tát giả lập các pháp tướng. Đối với các pháp giả lập ấy, Bồ tát an nhẫn chứng trí, vững tâm không bị chao động.

3. Tu nhẫn: Bồ tát ở địa vị 10 hướng. Ở đây Bồ tát hành trì trung đạo quán. Nhờ đó mà nhận ra các pháp sự lý dung thông. Đối với lý trung đạo Bồ tát an nhẫn chứng tín.

4. Chánh nhẫn: Bồ tát ở vị 10 địa, lần lượt phá 10 phẩm vô minh, đến gần với chánh giác. Đối với trung đạo chánh lý, Bồ tát an nhẫn chứng tín.

5. Vô cấu nhãn: Bồ tát ở vị Đẳng giác, lại đoạn trừ thêm 1 phẩm vô minh. Đối với tự tánh thanh tịnh vô cấu, Bồ tát an nhãn chứng tín.

6. Nhất thiết trí nhãn: Bồ tát ở vị Diệu giác, lại đoạn tiếp 1 phẩm vô minh cuối, do đó thành tựu nhất thiết trí. Là loại trí biết cùng khắp các pháp thế, xuất thế gian. Đối với thành quả này Bồ tát an nhãn chứng tín.

Bản tóm tắt

NĂM PHÁP					
6 Vị	6 Chủng tánh	6 Pháp quán	6 Tuệ	6 Kiên	6 Nhãn
10 Trú 10 Hạnh 10 Hưởng 10 Địa Đẳng giác Diệu giác	Tập chủng tánh Tánh chủng tánh Đạo chủng tánh Thánh chủng tánh Đẳng giác tánh Diệu giác tánh	Trú quán Hạnh quán Hưởng quán Địa Quán Vô Tướng quán Nhất thiết chủng trí	Văn tuệ Tư tuệ Tu tuệ Vô Tướng tuệ Chiếu tịch tuệ Tịch Nhiên	Tín kiên Pháp kiên Tu kiên Đức kiên Đảnh kiên Giác kiên	Tín nhãn Pháp nhãn Tu nhãn Chánh nhãn Vô Cấu nhãn Nhất Thiết Trí nhãn

Như vậy, Tâm Địa là 30 tâm và 10 địa vị cụ thể như sau:

1. 30 tâm, ở tam Hiền vị:

10 trú vị: Phát 10 loại tâm : “Thú hướng”.

Trong 10 trú vị, ở mỗi một cấp trong 10 trú vị, Bồ tát phát 1 loại tâm và lần lượt trải qua 5 pháp môn tu tập, nhằm hướng đến quả vị Phật. Ở kinh Phạm võng, phẩm thượng nói: “Kiên tín nhẫn trung, thập phát thú tâm hướng quả”. Có nghĩa là phát 10 loại tâm tu tập hướng tới Phật quả.

Kiên tín nhẫn, tức là tín kiên và tín nhẫn; hai pháp (Kiên và Nhẫn) trong 5 pháp tu mà 10 trú vị phải đi qua. 10 phát thú tâm ở 10 trú vị như sau:

- | | | | |
|--------|----------------------|------------|-----------------|
| Vị 1 | : Phát tâm trú: | Tâm thứ 1: | Xã tâm |
| Vị 2 | : Trì địa trú: | Tâm thứ 2: | Giới tâm |
| Vị 3 | : Tu hành trú: | Tâm thứ 3: | Nhẫn tâm |
| Vị 4 | : Sinh quý tử trú: | Tâm thứ 4 | : Tấn tâm |
| Vị 5 | : PT cụ túc trú: | Tâm thứ 5 | : Định tâm |
| Vị 6 | : Chánh tâm trú: | Tâm thứ 6 | : Tuệ tâm |
| Vị 7 | : Bất thối trú: | Tâm thứ 7 | : Nguyện tâm |
| Vị 8 | : Đồng chân trú: | Tâm thứ 8 | : Hộ tâm |
| Vị 9 | : Pháp Vương tử trú: | Tâm thứ 9: | Hỷ tâm |
| Vị 10: | Quán đảnh trú: | Tâm thứ 10 | : Quán đảnh tâm |

10 Hạnh vị: Phát 10 loại tâm “Trưởng dưỡng hướng quả” Ở 10 hạnh vị, ở đây mỗi một cấp trong

10 hạnh vị, Bồ tát khởi hạnh, phát một loại tâm và lần lượt trải qua 5 pháp môn tu tập, để nuôi lớn và tăng trưởng thêm các căn lành.

Cho nên ở Phạm võng phẩm thượng nói: “... Tùng thị thập phát thú tâm, nhập kiên pháp nhẫn, thập trưởng dưỡng tâm hướng quả” Nghĩa là từ 10 phát thú tâm, đi vào Kiên pháp nhẫn. Ở đây Bồ tát phát 10 loại tâm và lần lượt trải qua 5 pháp môn tu tập, nhằm nuôi lớn các thiện căn, hướng về Phật quả. Kiên pháp nhẫn, tức pháp kiên và pháp nhẫn, hai pháp (Kiên và Nhẫn) trong 5 pháp tu, mà 10 hạnh vị phải đi qua.

10 Trưởng dưỡng tâm ở 10 hạnh như sau.

- | | | |
|------------------------|---|---------------------|
| Vị 1 : Hoan hỷ hạnh | : | Tâm thứ 1 : Từ Tâm |
| Vị 2 : Nhiều ích hạnh | : | Tâm thứ 2: Bi Tâm |
| Vị 3 : Vô sân hận hạnh | : | Tâm thứ 3: Hỷ Tâm |
| Vị 4 : Vô tận hạnh | : | Tâm thứ 4: Xã Tâm |
| Vị 5 : Ly si loạn hạnh | : | Tâm thứ 5: Thí Tâm |
| Vị 6 : Thiện hiện hạnh | : | Tâm thứ 6: Hảo Tâm |
| Vị 7 : Vô trước hạnh | : | Tâm thứ 7: Ích Tâm |
| Vị 8 : Tôn trọng hạnh | : | Tâm thứ 8: Đồng Tâm |
| Vị 9 : Thiện pháp hạnh | : | Tâm thứ 9: Định Tâm |
| Vị 10: Chân Thật hạnh | : | Tâm thứ 10: Tuệ Tâm |

10 Hướng vị: Phát 10 loại tâm “Kim cang hướng quả”.

Bồ tát khi viên mãn công đức ở 10 hạnh vị, khởi tâm đại bi, chuyển công phu tu tập ở 10 hạnh hướng về 3 nơi: 1. Chỗ sở chứng (tức hướng chân như thực tế); 2. Chỗ sở cầu (tức hướng vô thượng Bồ đề); 3. Nơi sở nguyện độ sanh (tức hướng nhất thiết chúng sanh). Lại đem tâm năng hồi và thiện hạnh sở hồi, hướng về chúng sanh để họ được giải thoát. Cho nên gọi là hồi hướng vị.

Ở 10 hướng vị này, mỗi một cấp trong 10 hướng vị, Bồ tát phát 1 loại tâm kiên cường dũng mãnh, tâm không bị thiên ma phá hoại và lần lượt trải qua 5 pháp môn tu tập, kiên trì hướng đến Phật quả. Cho nên ở kinh Phạm võng phẩm thượng, nói “Tùng thị thập trưởng dưỡng tâm, nhập kiên tu nhẫn trung, thập Kim cang tâm hướng quả”. Có nghĩa là từ 10 Trưởng dưỡng tâm đi vào kiên tu nhẫn. Ở đây Bồ tát phát 10 loại tâm kiên cố như Kim cang và lần lượt trải qua 5 pháp môn tu tập để hướng về Phật quả.

Kiên tu nhẫn là Tu kiên và tu nhẫn, gọi chung là “Kiên tu nhẫn” là 2 pháp môn (Kiên và Nhẫn) trong 5 pháp môn tu tập mà Bồ tát ở 10 hướng vị phải đi qua.

10 Kim cương tâm ở 10 hướng vị như sau:

- Vị 1 : Cứu hộ nhất thiết chúng sanh ly chúng sanh
tướng hồi hướng: Tâm 1: Tín tâm
- Vị 2 : Bất hoại hồi hướng: Tâm 2: Niệm tâm
- Vị 3 : Đẳng nhất thiết pháp hồi hướng:
Tâm 3: Hồi hướng tâm
- Vị 4 : Chí nhất thiết xứ hồi hướng:
Tâm 4: Đạt tâm
- Vị 5 : Vô tận công đức tạng hồi hướng:
Tâm 5: Đạo Tâm
- Vị 6 : Tùy thuận bình đẳng thiện căn hồi hướng:
Tâm 6: Bất thối tâm
- Vị 7 : Tùy thuận đẳng quán nhất thiết chúng sanh hồi
hướng: Tâm 7: Đại thừa tâm
- Vị 8 : Chân như tướng hồi hướng:
Tâm 8: Vô tướng tâm
- Vị 9 : Vô phược giải thoát hồi hướng:
Tâm 9: Tuệ Tâm
- Vị 10: Pháp giới vô lượng hồi hướng:
Tâm 10: Bất hoại tâm

2. 10 địa, ở thập thánh vị:

Ở 3 vị trước Trú - Hạnh - Hướng, gọi là tam hiền vị, trong quá trình này, tu tập thánh hạnh, công đức đầy đủ viên mãn, nên sẽ bước vào chánh đẳng địa,

tổng trì pháp môn, tức 10 địa. Từ đây gọi là thánh vị, 10 thánh vị. Ở kinh Phạm võng phẩm thượng nói “Tùng thị thập Kim Cang tâm, nhập kiên chánh nhãn trung, thập địa hướng quả”. Có nghĩa là từ 10 Kim Cang tâm (tức 10 hồi hướng vị) tiến lên bước vào kiên chánh nhãn, trong 10 địa, tu tập để hướng về Phật quả.

Tại sao ở tam hiền thì gọi là Tâm mà ở thập thánh thì gọi là Địa?

Vì ở địa vị tam hiền còn là tu nhân, chưa chứng chân như, chưa phải là nơi nương tựa rốt ráo. Còn ở địa vị 10 thánh, đã bước vào quả vị thánh là cảnh giới của chư Phật, là nơi nương tựa đích thực rốt ráo cho tất cả. Ở thập thánh lại là thuộc tánh của các công đức và có thể phát sanh tất cả các công đức thiện căn khác. Cho nên 10 địa gọi là thập thánh vị.

10 địa vị, ở mỗi cấp trong 10 địa, Bồ tát khởi hạnh, hành trì 5 pháp môn tu tập, nhằm hướng đến Phật quả.

“Kiên Chánh Nhãn”, có 2 nghĩa: 1. Ở 6 kiên, Bồ tát ở thập địa, thuộc đức kiên. 2. Ở 6 nhãn, Bồ tát ở thập địa, thuộc chánh nhãn. Gọi chung là Kiên Chánh Nhãn là 2 trong 5 pháp tu của Bồ tát ở vị 10 địa phải đi qua.

Danh nghĩa của 10 địa:

Theo kinh Phạm Võng:

1. Thê tánh Bình đẳng địa:
2. Thê tánh Thiên huệ địa
3. Thê tánh Quanh minh địa
4. Thê tánh Nhĩ diệm địa
5. Thê tánh Huệ chiếu địa
6. Thê tánh Hoa Quang địa
7. Thê tánh Mãn túc địa
8. Thê tánh Phật nhũ địa
9. Thê tánh Hoa nghiêm địa
10. Thê tánh Nhập pháp giới địa

Theo kinh An Lạc:

1. Hoan hỷ địa
2. Ly cấu địa
3. Phật quang địa
4. Diệm huệ địa
5. Nan thắng địa
6. Hiện tiền địa
7. Viển hành địa
8. Bất động địa
9. Thiện huệ địa
10. Pháp vân địa



D- Giới Tướng

D.1. 10 Trọng

Giới thứ nhất

Không được sát sinh¹.

Đức Phật dạy, nếu Phật tử, tự mình giết, hoặc bảo người khác giết², phương tiện giết³, khen ngợi sự giết, thấy giết mà tùy hỷ. Cho đến dùng bùa chú để giết⁴, nhân giết, duyên giết, cách thức giết, nghiệp giết⁵.

Phàm, tất cả những loài hữu tình, có mạng sống đều không được giết. Đã là Bồ tát thì lẽ ra phải luôn luôn phát khởi tâm từ bi, tâm hiếu thuận, tìm cách cứu giúp cho tất cả chúng sanh. Thế mà trái lại, tâm thì buông lung, ý thì thích khoái giết hại chúng sanh. Bồ tát như vậy, phạm Ba la di⁶.

(1) Bồ tát giới, giới sát đứng đầu, Thanh văn giới, giới dâm là đầu, vì Thanh văn chán ghét sanh tử, lấy việc tự lợi làm bức thiết, mà dâm dục là cội nguồn của sanh tử, do đó mà dâm là đầu. Bồ tát vì lấy lợi sanh làm sự nghiệp giải thoát nên không sợ sanh tử, nên sát đứng đầu. Lại nữa, sát là đoạn chủng tử Phật tánh nơi chúng sanh, trái với từ tâm.

Sát có 3: 1/ Dùng nội sắc, như tay, chân, đầu hoặc bất cứ ở thân phần nào để đoạn tha mạng. 2/ Dùng ngoại sắc như gậy, đá, dao, tên... đôi, ném, đánh vào người cho chết. 3/ Nội ngoại sắc, như tay cầm dao, gậy đá... đánh chết (luật tạng).

(2) Tự sát, giáo tha: Tự mình giết (thân tâm tạo nghiệp sát). Giáo tha, tuy mình không làm mà lại sai sử (tâm, khẩu tạo nghiệp sát). Từ ngữ “giáo tha”, có nhiều ý nghĩa như: chỉ thị, ra lệnh, sai khiến, khuyên bảo, xúi dục, bày vẽ, nói khích, gợi ý...

(3) Phương tiện sát: Dùng mọi thủ đoạn: mưu chước, sách lược, cơ hội, khí giới, độc dược để giết hại (ý).

(4) Chú sát: Giết hại bằng chú thuật. Đọc tụng bùa chú, đưa đến sự chết. (ý nghiệp).

(5) Sát nhân, Duyên, Pháp, Nghiệp:

- Sát nhân: Ý muốn giết hại.

- Duyên: Những yếu tố giúp cho ý muốn giết hại được tiếp tục không gián đoạn (tâm giết tiếp nối)

- Pháp: Sử dụng các tư cụ giết hại, cách thức. (Nội sắc, ngoại sắc, nội ngoại sắc).

- Nghiệp: Hành động đã thực hiện. Mạng căn chấm dứt thành tựu nghiệp sát. Đây là hành động giết hại do ý nghiệp điều khiển và thân nghiệp thực hiện. Do Nhân, Duyên và Pháp hòa hợp, hội đủ điều kiện thì sát nghiệp thành tội sát.

- Nhất niệm manh tâm sát sanh: Phiền não chướng.

- Sự thành mạng đoạn: Nghiệp chướng.

- Chiêu cảm khổ quả trong 3 ác đạo: Báo chướng.

(6) Ba la di: Parajika: Dịch nhiều nghĩa:

- Khí: Vứt bỏ. Bồ tát phạm tội này bị vứt bỏ ra khỏi biên tâm Bồ đề (Đại hải không dung nạp tử thi).

- Cực ác: Tội nặng cùng cực, ác hết cỡ nói.

- Tha thảng xứ: Bồ tát phạm tội này, là kẻ bị thất bại bởi giặc phiền não giết hại trên đường về giải thoát (bị kẻ khác thắng, đó là phiền não, là kẻ ác...)

- Đọa, bất như ý xứ: Bồ tát phạm tội này, là kẻ bị hoàn toàn mất hết tự do, rơi đọa vào chỗ khốn khổ, bần cùng.

Giới thứ hai:

Không được trộm cắp¹.

Đức Phật dạy, nếu Phật tử, tự mình trộm cắp, hoặc bảo người trộm cắp², phương tiện trộm cắp, dùng bùa chú để trộm cắp, nhân trộm cắp, duyên trộm cắp, cách thức trộm cắp, nghiệp trộm cắp. Cho đến tất cả tài vật³ có chủ, dù là vật của quỷ thần, hay vật của giặc cướp, dù chỉ một cây kim, một ngọn cỏ, đều không được trộm cắp. Đã là Bồ tát thì lẽ ra, phải luôn luôn phát khởi tâm từ bi, tâm Phật tánh hiểu thuận, thường giúp đỡ cho tất cả mọi người được phước đức, được an lạc. Thế mà trái lại, còn trộm cắp tài vật của người. Bồ tát như vậy, phạm Ba la di.

(1) Giới sát, thuộc về giết hại chánh báo nội mạng người khác. Giới đạo, xâm hại y báo, ngoại mạng của người khác. Vì tài sản là tư cụ nuôi dưỡng sắc thân, nên nó thuộc về ngoại mạng.

Đạo, theo luật tạng có 6 cách: 1/ Đồi diện cường bức mà lấy. 2/ Cấp, trộm khi chủ nhân vắng mặt. 3/ Dối trá, lường gạt. 4/ Dùng quyền uy. 5/ Tranh nhau mà đoạt. 6/ Lén mà lấy. Dù lấy bằng cách nào, người thọ Bồ tát giới đều không được sử dụng tài sản phi nghĩa ấy.

(2) Giáo tha: Dùng miệng để sai sử, dùng vật chất tiền tài để thuê, dùng ý để tỏ tướng cho người kia biết ý.

(3) Tài vật để trộm cướp là tất cả của cải từ quý báu đến vật tầm thường, đều có nghiệp chủ. Nghiệp chủ đó là: Tam bảo, vua quan, nhân dân, quỷ thần, giặc cướp...

- Vật Tam bảo

{	. Vật thờ cúng Phật: Pháp khí thờ tự.
	. Vật của Pháp: Kinh sách, tiền in sách.
	. Vật của Tăng: Hiện tiền tăng, thường trú Tăng.

- Vương vật: Vàng bạc, châu báu, cỗ vật quý báu. Tham nhũng, móc ngoặc, buôn lậu, trốn thuế... đều là trộm cắp tài sản Tổ Quốc.

- Kiếp tặc vật: Tài sản giặc cướp, cướp được là vật ấy thuộc đã lâu và mình đã quên; sau gặp lại cũng không được lấy lại, trừ khi mình thuyết phục.

- Quỷ thần vật: Vật dụng thờ cúng của thần linh tại đền, am miếu...

Giới thứ ba:

Không được dâm dục¹.

Đức Phật dạy, nếu Phật tử tự mình dâm dục, hoặc bảo người dâm dục, với tất cả phái nữ², đều không được dâm dục³. Cho đến chư thiên nữ, quỷ, thần nữ,

đều không được dâm dục, và phi đạo hành dâm⁴. Nhân dâm, duyên dâm, pháp dâm, nghiệp dâm.

Đã là Bồ tát thì lẽ ra phải nên sanh tâm hiếu thuận, cứu độ cho tất cả chúng sanh, đem pháp thanh tịnh mà dạy bảo cho người⁵. Thế mà Bồ tát để đánh mất tâm từ bi, khởi tâm dâm dục với mọi người không luận là súc sanh nữ, cho đến cả những người lục thân quyến thuộc của mình như mẹ, như con gái, chị em gái. Bồ tát như vậy, phạm Ba la di.

(1) Dâm, đại thừa hay tiểu thừa đều gọi là phi phạm hạnh. Phạm hạnh là hạnh tu thanh tịnh. Phạm hạnh là hạnh tu thanh tịnh của người xuất gia, trọn đời đoạn tuyệt dâm dục. Phi phạm hạnh là hạnh tu đã không thanh tịnh, thì ô uế thể tánh mình, lại làm ô uế tâm địa người khác. Phi phạm hạnh, là cội nguồn của sinh tử luân hồi.

(2) Nhất thiết nữ nhân: Phái nữ, không luận sang hèn, xấu đẹp, già trẻ, thân sơ. Nam Bồ tát thì đối tượng là nữ; nữ Bồ tát thì đối tượng là nam; không những người mà súc vật nữ, quỷ, thần nữ...

(3) “Cố dâm”: Dâm dục thì không có chuyện “Không có ý”, không có chuyện “ngộ dâm”; gặp nạn cưỡng hiếp, hoặc ác nhân bắt để hành dâm... nếu tâm thọ lạc thì phạm, không thọ lạc là không phạm. Thọ lạc như đói được ăn, khát được uống. Không thọ lạc như ăn đồ bất tịnh, phân uế, sắt nóng đâm vào thân.

(4) Phi đạo hành dâm: là nói cư sĩ tại gia Bồ tát, không phải thời, không phải bộ phận sinh dục.

(5) “Tịnh pháp dụ nhân”. Vì mục đích cứu độ hết thảy chúng sanh mà đem pháp thanh tịnh (phạm hạnh) để dạy vẽ giáo hóa cho người. Đây là việc tự tha đều có lợi. Nghĩa là đem pháp thanh tịnh của chính mình mà làm cho người cũng được thanh tịnh như mình, đoạn sạch căn bản ái dục thoát ly sanh tử.

Đây chính là từ tâm, bi tâm của Bồ tát đem tịnh pháp dạy dỗ người.

Giới thứ tư:

Không được vọng ngữ¹.

Đức Phật dạy, nếu Phật tử tự mình vọng ngữ², hoặc bảo người vọng ngữ, phương tiện vọng ngữ, nhân vọng ngữ, duyên vọng ngữ, cách thức vọng ngữ, nghiệp vọng ngữ. Cho đến, không thấy nói thấy, thấy nói không thấy³, thân vọng ngữ, tâm vọng ngữ⁴.

Đã là Bồ tát, lẽ ra phải luôn luôn có chánh ngữ, chánh kiến. Thế mà trái lại, làm cho chúng sanh khởi tà ngữ, tà kiến, tà nghiệp⁵. Bồ tát như vậy phạm Ba la di.

(1) Nói dối, tự mình biết điều đó không thật mà cứ dối trá mê hoặc mọi người, tâm và khẩu trái nhau. Vọng ngữ, gồm các hình thái: Nói dối, nói thêm bớt, nói dâm thọc, nói thô tục.

(2) Tự mình vọng ngữ: Chưa chứng đắc, nói đã chứng đắc, tự mình không phải là thánh nhân, mà nói ta là thánh nhân, chưa chứng đắc pháp thượng nhân (pháp tu của thánh nhân: 37 trợ đạo, thiền định tam muội,... các pháp tu này, hàng phàm phu rất tôn trọng) mà nói đã chứng đắc pháp thượng nhân. Nói như vậy là dối mình và dối người, mắc tội đại vọng ngữ.

(3) Không thấy nói thấy; thấy nói không thấy:

Đây chỉ là hình thức tiểu vọng ngữ. Trong 6 thức trước, đều có thể vọng ngữ. Ở câu này chỉ nêu lên 3 thức: Kiến (nhãn thức), thân (thân thức), tâm (ý thức).

Ở luật tạng, rút gọn 6 thức trong 4 loại: Kiến, Văn, Xúc, Tri: 1/ Kiến: thuộc nhãn thức. 2/ Văn: thuộc nhĩ thức. 3/ Xúc: thuộc tỷ, thiệt, thân thức. 4/ Tri: thuộc ý thức. Vì vậy, vọng ngữ gồm 8 loại:

1. Bất kiến ngôn kiến.
2. Kiến ngôn bất kiến (nhãn)
3. Bất văn ngôn văn.
4. Văn ngôn bất văn (nhĩ)
5. Bất xúc ngôn xúc.
6. Xúc ngôn bất xúc (tỷ, thiệt, thân)
7. Bất tri ngôn tri.
8. Tri ngôn bất tri (ý)

(4) Thân tâm vọng ngữ: thân vọng ngữ: Ra dấu, gạt đầu, đưa tay. Tâm vọng ngữ: Có tội mà không phát tội. (phú tàng)

Nói dối phát ra nơi miệng. Như vậy khẩu vọng ngữ. Nhưng miệng không tự phát ra lời nói được, mà phải phát xuất từ nơi tâm ý. Như vậy là tâm vọng ngữ.

(5) Tà ngữ, tà kiến, tà nghiệp: Ngôn ngữ bất chánh, kiến giải bất chánh, hành động bất chánh.

- Tà kiến: Kiến giải bất chánh là nhân của ngôn ngữ bất chánh.

- Tà nghiệp: Hành động bất chánh là quả của ngôn ngữ bất chánh.

Giới thứ năm:

Không được bán rượu, nấu rượu, uống rượu¹.

Đức Phật dạy, nếu Phật tử, tự mình bán rượu, hoặc bảo người bán rượu²; nhân bán rượu, duyên bán rượu, cách thức bán rượu, nghiệp bán rượu. Tất cả loại rượu³ đều không được bán, không được nấu, không được uống. Rượu là nguyên nhân sanh nhiều tội lỗi⁴.

Đã là Bồ tát thì lẽ ra phải làm cho tất cả chúng sanh phát sanh trí tuệ sáng suốt. Thế mà trái lại, đem sự say mê điên đảo cho chúng sanh. Bồ tát như vậy, phạm Ba la di.

(1) Cô tửu: Chữ cô có nghĩa là bán, mua, Cô tửu là bán, mua rượu, hoặc tự mình nấu rượu, đem bán cho người, hoặc mua về bán lại cho người. Ở đây bao gồm các trình thái cấm chế về rượu như: mua bán rượu, nấu rượu và uống rượu: không những rượu mà còn nghiêm cấm sử dụng các kích thích tố làm mê loạn tâm trí như: xì ke, thuốc phiện, thuốc lá, bia bọt... Rượu và các loại này là những độc tố làm người cuồng loạn tâm, tê liệt trí tuệ, không còn nhận ra phải trái.

(2) Tự cô giáo nhân cô tửu: Tự cô: đích thân bán, giáo nhân là sai người khác vì mình bán để thu lợi về mình; là đồng

phạm tội trọng. Tự mình uống rượu, phạm khinh; bán cho người khác uống phạm trọng.

(3) Nhất thiết tửu: Các loại rượu bằng tằm: ngũ cốc (gạo nếp); các loại trái cây, rễ, lá cây thuốc, các loại hoa, cam giá (đường mía), bồ đào (nhò), lật tử (trái lật) hoặc tươi hoặc khô. Các loại này, hoặc nấu, cô, ngâm, lên men có sắc có hương, có vị...

(4) Rượu là nguyên nhân khởi sinh tội lỗi: Tứ phần luật dạy: có 36 điều lỗi. Trước hết là bất hiếu với cha mẹ, bất kính Tam bảo, và cuối là rớt vào nước đá mà chết, vào nước sôi mà mất mạng.

Luận Đại trí đồ nói có 35 lỗi: Hiện tại đói khổ, thiếu thốn, đòi sau ngu si...

Luật dạy có thứ rượu để chữa bệnh, nhưng không vì vậy mà say sưa. Đó là luật chế cho hàng cư sĩ, hàng xuất gia thì tuyệt đối không được uống, nấu, mua bán, vì làm như vậy là tà mạng.

Giới thứ sáu:

Không được nói lỗi tứ chúng¹.

Đức Phật dạy, nếu Phật tử tự mình nói lỗi của tứ chúng là: Bồ tát xuất gia, Bồ tát tại gia², Tỳ kheo, Tỳ kheo ni; hoặc bảo người nói³ lỗi tứ chúng⁴; nhân nói, duyên nói, cách thức nói, nghiệp nói.

Đã là Bồ tát, lẽ ra khi nghe kẻ xấu trong hàng nhị thừa, ngoại đạo⁵, đem lời công kích Pháp một cách phi pháp, phi luật, thì phải luôn luôn sanh tâm xót thương, giáo hóa cho hạng người này, để họ sanh

khởi lòng tin đối với đại thừa. Thế mà Bồ tát trái lại, nói lỗi tứ chúng, Bồ tát như vậy, phạm Ba la di.

(1) Những lỗi lầm của tứ chúng có thể do sở học không thấu đáo, do hành trì không cẩn mật, do thiếu tế nhị và do nghiệp lực (danh lợi, vi kỷ...). Những lỗi lầm như vậy, không thể không có trong đời sống thực tế, hay đời sống tôn giáo. Khi người đồng đạo vấp phải những lỗi lầm, chúng ta không nên phú tàng, không nên chỉ trích một cách vô trách nhiệm giữa đám đông mà nói ra đúng luật để xây dựng cho nhau. Không nên rêu rao, xuyên tạc. Nếu có lỗi thì cử tội đúng giới luật, theo tinh thần yết ma.

Nêu lỗi lầm tứ chúng là một tổn thương lớn cho Phật pháp, làm tín đồ mất đức tin vào Tăng bảo, tội nặng hơn là phá pháp hủy tượng. Nhất là đã thọ Bồ tát giới mà đi nói lỗi tứ chúng là trái với bản nguyện hộ trì chánh pháp, tổn thương tâm từ bi lợi sanh của Bồ tát. Hàng Thanh Văn nặng về tự lợi, nên phạm vào học xứ này, tùy theo tính cách có lớn có nhỏ và kết tội có nặng có nhẹ. Còn Bồ tát vì nặng về lợi tha, nên nếu chỉ vì ác tâm mà nói xấu, đều kết trọng tội, không luận lớn nhỏ.

(2) Xuất gia tại gia Bồ tát: Xuất gia Bồ tát, tức là 2 chúng xuất gia, Tỷ kheo, Tỷ kheo ni thọ tâm địa giới. Tại gia Bồ tát, tức 2 chúng Ưu bà tắc (Cận sự nam) và Ưu bà di (Cận sự nữ) thọ Bồ tát giới. Còn Tỷ kheo, Tỷ kheo ni là những người chỉ thọ cụ túc giới mà chưa thọ Bồ tát giới.

(3) Bảo người khác nói: Có 2 ý nghĩa: 1. Tự mình có tư oán với người khác, rồi nhờ một người thứ ba nói các lỗi lầm

người kia để mình thỏa mãn. 2. Người khác có tâm tư thù với mình mà mình không có cơ hội, nên nhờ một người thứ ba nói thay cho mình.

(4) Tội quá: Tội là các tội khinh, trọng. Quá là các lỗi: 5 nghịch, 10 ác. Căn cứ vào lỗi để định tội.

(5) Ngoại đạo ác nhân: Chỉ hàng ngoại đạo tà kiến điên đảo, không tin Phật pháp, làm đoạn tuệ mạng Phật, khiến chúng sanh đọa lạc. Chẳng hạn, ở Thiên Trúc có 96 tà đồ, ở Trung Hoa có Bách gia chư tử.

Nhị thừa (Thanh Văn, Duyên Giác) cũng gọi là người xấu ác, vì hàng nhị thừa không thể tiếp tục tuệ mạng Phật pháp.

Giới thứ bảy:

Không được tự khen mình, chê người¹.

Đức Phật dạy, nếu Phật tử tự khen mình chê người, bảo người khác khen mình chê người; nhân chê người, duyên chê người, cách thức chê người, nghiệp chê người.

Dĩ nhiên, đã là Bồ tát thì phải nên vì tất cả chúng sanh mà nhận lấy những điều khinh chê khổ nhục. Chuyện xấu thì mình nhận lấy, việc tốt thì nhường cho người². Nếu Bồ tát tự phô trương tài đức của mình, mà đìm chê việc tốt của người³, làm cho người khác chịu nhiều khổ nhục. Bồ tát như vậy, phạm Ba la di.

(1) Khen mình chê người: Khen mình là khen mình có đức hạnh, tu lục độ vạn hạnh, tham thiền nhập định... để mong được cung kính, cúng dường. Chê người, chê bai những lỗi lầm, yếu kém của người khác, nhằm hạ thấp uy tín người khác.

(2) Tôn mình lợi người, ỷ ác dương thiện cho người là bản hạnh lợi sanh của hạnh Bồ tát. Khen mình chê người, lợi mình tổn hại người thì không phải là từ tâm, thiện tâm của Bồ tát.

Khen mình chê người là thói thường của người tầm thường, nhưng không có nơi những người có đức khiêm cung. Lại càng không có nơi những người có đức tầm quý, từ tâm.

(3) Nếu làm tự thân hủy tha, sẽ có 2 điều bất lợi:

- Tổ cáo cái thiếu học, thiếu tu, thiếu đức hạnh và chấp ngã của mình. Tự khen mình bao nhiêu thì sẽ làm cho mình càng xấu đi, thấp kém đi bấy nhiêu.

- Chê người là làm nhục chí phát triển khả năng và thủ tiêu tài năng đức hạnh và ý chí của người khác. Tóm lại, học giới này:

+ Tăng cường chất liệu nuôi dưỡng đức khiêm tốn, đức vô ngã vị tha nơi người thọ Bồ tát giới.

+ Đồng thời nuôi dưỡng và phát triển khả năng và đức hạnh của người khác.

Giới thứ tám:

Không được lẩn tiếc, xua đuổi¹.

Đức Phật dạy, nếu Phật tử, tự mình lẩn tiếc, bảo người lẩn tiếc²; nhân lẩn tiếc, duyên lẩn tiếc, cách thức lẩn tiếc, nghiệp lẩn tiếc³.

Là Bồ tát thì khi thấy những người nghèo cùng khổn khó⁴ đến cầu xin cấp dưỡng, phải tùy hoàn cảnh mà cung cấp⁵ vật dụng cần thiết cho họ. Đã không như vậy, mà Bồ tát lại vì ác tâm, sân tâm, đến nỗi không thể ban bố cho họ được một đồng tiền, một cây kim, một ngọn cỏ. Thậm chí có người đến cầu nghe pháp mà cũng không nói cho họ được một câu pháp, một bài kệ⁶, một mảy may vi trần giáo pháp, mà lại còn la mắng, xua đuổi, nhục mạ người ấy. Bồ tát như vậy, phạm Ba la di.

(1) Hai chữ Xan tích và gia hủy trong hán văn: Xan tích: Thuộc về tâm sở tham. Gia hủy: Thuộc tâm sở tham và sân. Hai tâm sở này không có trí tuệ, nên nó được nhiếp vào tâm sở si.

Tánh tham (Xan tích): Đọa ngã qui. Tánh sân (Gia hủy): Đọa địa ngục. Tánh ngu si (Xan+hủy: si): Đọa súc sanh. Như vậy, Xan tích gia hủy (Tham, sân, si) là ba độc hại, là bất thiện nên Phật cấm.

Xin tài vật, cầu giáo pháp mà không cho, gọi là xan tích (lẩn tiếc). Sân hận mạ lị gọi là gia hủy. Bồ tát làm như vậy là rất trái với tâm từ bi và tổn thương hạnh lợi tha.

Tự mình lẩn tiếc (tự xan): Miệng nói ra. Biểu hiện trên gương mặt. Lẩn tránh nơi khác. Hoặc nói năng nặng lời. Tay cầm gậy gộc đánh đuổi.

(2) Giáo nhân xan: Dạy bảo người khác cất giấu tài pháp không bố thí. Bảo người khác xua đuổi, mạ lị. Miệng nói ra hoặc viết thơ đến sai bảo.

(3) Bốn câu đầu này chỉ đề cập đến xan tích (lấn tiếc) mà chưa nói đến gia hủy. Vì trước hết do mình lấn tiếc rồi sau đó mới có gia hủy (mắng đuổi). Nếu không có lấn tiếc mà chỉ có đánh mắng (gia hủy) thì thuộc tội khinh cầu.

(4) Nhất thiết bần cùng nhân: Tất cả những người nghèo cùng khổ. Nhất thiết: là chỉ tăng tục nam nữ già, trẻ, xa, gần, oán, thân đều phải được xem bình đẳng không phân biệt. Bần cùng: có 2 loại bần cùng: 1. Thân bần cùng: thiếu thốn cơm, áo nhà ở; xin cơm ăn, áo bận, nhà ở thì Bồ tát tùy phương tiện mà cho. 2. Tâm bần cùng: Tâm không an ổn thiếu pháp, thiếu tinh thần, xin giáo pháp, xin an ủi, thì Bồ tát tùy phương tiện, tùy căn cơ mà chia xẻ. Vì vậy mà chánh văn gọi là “Tùy sở tu nhất thiết cấp dự”.

(5) Cung cấp: Tức là “Cấp dự” trong chánh văn. Kinh Quyết nghị tỳ ni, nói về việc cung cấp (bố thí) như sau:

Bồ tát tại gia, hành nhị thí: tài và pháp. Bồ tát xuất gia hành tứ thí: giấy, mực, bút, pháp. Vì Bồ tát xuất gia không có của cải, chỉ có giấy mực bút là những thứ dễ xin được và có thể dùng để biên chép dịch thuật kinh sách, nên cũng gọi pháp thí. Còn hàng Bồ tát đặc nhân (tu nhân) hành 3 thí: Vương vị, thê tử. Đầu, mắt, da, thịt. Hàng phàm phu Bồ tát thì tùy lực, tùy hoàn cảnh mà hành thí.

Tuy nhiên cũng có những trường hợp không nên thí pháp: 1. Người cầu pháp căn cơ ám độn; 2. Không phải là hạng người pháp khí (người không có khả năng chứa đựng được chánh pháp) thì không dùng được trong Phật pháp; 3. Người

nghe giáo pháp vì điều, không tin và trở lại phỉ báng; 4. Người cận sự nữ cầu pháp không có người cận sự nam hoặc người thân trong phòng thì không nên nói; 5. Nếu thấy người cầu pháp vì sau đó, trở về làm lợi cho ngoại đạo, đã không nói pháp mà còn phải ha trách.

Cũng có những người không nên cho tài: 1. Có tiền sẽ tạo ác. 2. Do có tiền mà chước họa, hại mạng.

(6) Kệ: Âm phạm Giàtha. Cũng đọc già tha, già đà, kệ đà. Dịch là tụng, phúng tụng. Kệ là những bài thi ca gồm 4 câu (tứ cụ kệ) 4 hàng. Để ca tụng công đức Phật, Bồ tát, để gom đại ý của một bài kinh, một buổi thuyết pháp; hoặc bày tỏ lòng cảm mến công đức Tam Bảo.

Kệ còn là 1 bài trường thi, có thể cả 100 câu, dùng để trùng tuyên lại, giải thích thêm về một bài thuyết pháp.

Giới thứ chín:

Không được vì tâm sân hận, không chịu tiếp nhận sự sám hối của người¹.

Đức Phật dạy, nếu Phật tử, tự mình sân, bảo người sân²; nhân sân, duyên sân, cách thức sân, nghiệp sân.

Đã là Bồ tát thì phải làm sao cho tất cả chúng sanh, được tăng trưởng căn lành, nhất là đức tánh không gây gổ³ và luôn luôn sanh khởi tâm từ bi, tâm hiếu thuận⁴ với hết thảy chúng sanh.

Đã không như vậy, mà trái lại, đối với hết thảy chúng sanh, cho đến những loài không phải chúng

sanh⁵, Bồ tát dùng lời thô ác mạ lị⁶, dùng tay chân, dao gậy đánh đập, thế mà lòng vẫn chưa nguôi giận. Người ta đến trước mình để nói lời thành thật cầu xin sám tạ, vẫn cứ ôm lòng giận hờn không cho sám hối, không chịu giải tỏa. Bồ tát như vậy, phạm Ba la di.

(1) Sân tâm bất thọ hối: Tâm sân hận, không chịu tiếp nhận sự sám hối của người. Hoặc người xúc phạm đến mình hoặc mình xúc phạm đến người, mà người kia biết lỗi, thành tâm đến xin sám hối; thế mà Bồ tát lại ôm lòng giận hờn, tỏ vẻ không bằng lòng cho sám hối. Bồ tát mà như vậy là trên trái với đạo dưới lỗi với tâm tiếp độ chúng sanh và giữa thì đánh mất bản nguyên tâm địa.

(2) Giáo nhân: có 3 cách: 1. Mượn người này gây gổ người kia để rửa hận cho mình; 2. Làm cho người này giận hờn người kia để mình thủ lợi; 3. Xúi cho 2 người có vấn đề mâu thuẫn nhau để mình ở giữa vui sướng.

(3) Tức “Vô tránh chi sự” trong chánh văn. Chỉ người có đời sống tâm linh an lạc thanh thoi, không vướng mắc vào tranh chấp, cãi cọ hơn thua. Tức đức tánh không gây gổ.

(4) Bồ tát đã xem chúng sanh như con, nên nữ nào nhẫn tâm hủy nhục (mạ nhục). Đó là hạnh từ bi. Xem chúng sanh như cha mẹ thì đâu dám trái nghịch. Đó là hạnh hiếu thuận của Bồ tát.

(5) Phi chúng sanh: tức chỉ Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát. Hiền thánh và biến hóa nhân.

(6) Mạ nhục: Là khẩu nghiệp bất thiện (miệng la mắng...); thân nghiệp bất thiện (tay đánh đập); ý nghiệp bất thiện (ý do bất tức).

Thực tập học giới này đem lại cho chúng ta nhiều lợi ích: Nuôi dưỡng thiện căn. Tự giải trừ những oán kết. Nuôi lớn tâm nhu hòa nhẫn nhục, từ bi. Thực tập Bồ tát đạo một cách bình đẳng. Chúng sanh không oán ghét nhau, không oán ghét Phật pháp.

Giới thứ mười:

Không được hủy báng Tam Bảo¹.

Đức Phật dạy, nếu Phật tử tự mình hủy báng Tam bảo, bảo người hủy báng Tam bảo; nhân hủy báng, duyên hủy báng, cách thức hủy báng, nghiệp hủy báng.

Đã là Bồ tát khi nghe ngoại đạo và những người xấu ác², buông lời hủy báng giáo giới của Phật³, thì tâm mình đau nhức như bị ba trăm mũi nhọn đâm vào tim gan, hướng hồ tự mình đem lời hủy báng. Đã không phát khởi tâm chánh tín, tâm hiếu thuận; mà trái lại, còn trợ giúp cho người xấu ác, kẻ tà kiến hủy báng Tam Bảo. Bồ tát như vậy, phạm Ba la di.

(1) Báng Tam Bảo: Đập phá tượng Phật, ngăn cấm người theo Phật pháp là báng Phật. Không phân biệt được tà chánh, lầy tà làm chánh, cho chánh là tà, phi báng kinh luật Phật, cho

là không phải do Phật nói, không phải kinh điển đại thừa là báng pháp. Cho rằng đi tu là yếm thế, là tiêu cực, những người đọc tụng kinh luật là mê tín, không phải đệ tử Phật. Đó là báng Tăng.

Tam Bảo là ruộng phước để chúng sanh gieo trồng căn lành, phước đức tự thân, Bồ tát phỉ báng là tự đánh mất mầm móng thiện căn của Bồ tát và của chúng sanh. Tội ấy không nhỏ.

(2) Ngoại đạo cập dĩ ác nhân: Ở Ấn Độ và Trung Hoa, các học phái khác (dị học) cho đến Bồ tát, nếu tâm hướng ngoại cầu pháp, đều gọi là ngoại đạo. Không tin đại thừa, không tin Tam Bảo cho nên bỏ tâm đại đại giới mà tập theo dị đạo tà giáo, bài bác không có thiện ác quả báo, đều gọi là ác nhân (xem thêm chú thích (5) của trọng giới thứ 6)

(3) Túc “nhất ngôn báng Phật” trong chánh văn. Một lời phỉ báng thôi mà còn đau lòng như 300 mũi dao nhọn đâm, huống nữa là nhiều lời! huống nữa là tự mình phỉ báng Tam Bảo!

Phỉ báng Tam Bảo, thật sự thì không ai phỉ báng được. Bởi vì thể của Tam Bảo rộng lớn bao la, rực sáng như mặt trời mặt trăng, không thể chỉ dùng bàn tay mà che ánh sáng được. Làm việc này chẳng khác nào ném búa lên hư không, chỉ sẽ rơi xuống hại thân ta mà thôi.

Kết thúc 10 giới nặng.

Các bậc thiện học¹ Bồ tát, đó là mười giới nặng² của Bồ tát. Các vị hãy học hỏi và thực tập. Trong mười giới nặng này, không nên hủy phạm bất cứ học

giới nào, dù chỉ bằng mảy may cát bụi, huông nữa là hủy phạm cả mười học giới. Nếu người đã phạm thì hiện thân người ấy, đã không thể phát Bồ đề tâm, lại còn mất luôn địa vị Quốc vương³, Chuyển luân vương⁴. Nếu người xuất gia thì cũng mất luôn địa vị Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni⁵; không những vậy mà còn mất luôn các phẩm vị mười Phát thú, mười Trưởng dưỡng, mười Kim cang, mười Địa và quả vị Diệu giác Phật tánh thường trú; tất cả đều mất hết⁶. Thân sau lại phải sanh vào ba đường dữ. Để rồi trải qua hai kiếp, ba kiếp không nghe nói đến danh từ cha mẹ và danh hiệu Tam bảo⁷. Bởi vậy, không nên hủy phạm bất cứ một học giới nào. Tất cả các vị Bồ tát đang học, sẽ học và đã học mười học giới ấy, phải nên học hỏi thực tập và đem tâm cung kính mà phụng trì.

(1) Thiện học. Bồ tát hành trì Bồ tát hạnh cẩn mật, không trái với bốn nguyên tâm địa, hiểu rõ nghĩa lý Bồ tát giới về danh chúng tánh tướng, gọi là thiện học. Còn người nào trang trải hết lòng thương để đem lại lợi ích cho chúng sanh thì gọi là nhân giả.

Vậy, thiện học hay nhân giả là mỹ ngữ mà đức Phật dùng để tán thán công hạnh của người hành trì các học giới Bồ tát Phạm Võng.

(2) Ba la đề mộc xoa: là dịch âm từ Phạn ngữ Pratimoksha. Hoa dịch là Biệt giải thoát, biệt giải thoát luật

nghi: Có nghĩa là luật nghi có khả năng đưa hành giả thoát khỏi từng đối tượng cá biệt của nghiệp đạo, để rồi ung dung vượt thoát sinh tử. Cũng dịch là bảo giải thoát là phương tiện quý nhất để giải thoát, tức giới pháp của Tỷ kheo, Tỷ kheo ni, Bồ tát.

(3) Thất quốc vương vị: Có nghĩa là không còn tư cách để đảm nhiệm nghĩa vụ cầm quyền trị dân. Người xuất gia thì mất phẩm vị làm Tỷ kheo, không còn tư cách để làm trưởng tử Như Lai; thừa sự chánh pháp. Chuyển luân vương vị, cũng vậy, không còn tư cách cầm quyền nhiều châu thiên hạ.

(4) Quốc vương, chuyển luân vương: Quốc vương là vua một cõi, một nước. Chuyển luân vương là vua của vài ba cõi thiên hạ (vài ba châu).

Chuyển luân vương cũng gọi Chuyển luân thánh vương, Chuyển luân thánh Đế. Gọi tắt là Luân vương. Có nghĩa là bậc Thánh vương, cai trị khắp hoàn cầu (tứ châu). Ông có 32 tướng tốt. Khi một vị Chuyển Luân Vương lên ngôi, có đủ 7 báu: 1. Luân bảo; 2. Tượng (voi) bảo; 3. Mã (ngựa) bảo; 4. Mani châu; 5. Nữ bảo (ngọc nữ); 6. Chủ tạng thân; 7. Chủ binh thần. Ông ngồi trên báu tuần quanh 4 châu, nên gọi chuyển luân vương.

Chuyển luân vương cai trị 1 cõi thiên hạ, ngự trên xe, bánh làm bằng sắt, gọi Thiết luân vương. Cai trị 2 cõi thiên hạ, ngự trên xe bánh bằng đồng, gọi là Đồng luân vương. Cai trị 3 cõi thiên hạ, ngự trên xe bánh bằng bạc, gọi là Ngân luân vương. Cai trị 4 cõi thiên hạ. Ngự trên xe bánh bằng vàng, gọi là Kim luân vương. Thường gọi là Chuyển luân thánh vương. Các vua này do nhiều đời tu tập giữ giới hạnh nghiêm túc, nên có quá báu thù thắng này.

(5) Tỷ kheo, Tỷ kheo ni vị: Tỷ kheo, Tỷ kheo ni là do đắc giới mà có tên. Nếu phạm các trọng tội này thì danh nghĩa Tỷ kheo, Tỷ kheo ni không còn. Tỷ kheo, Tỷ kheo ni vị, là phẩm vị phước đức trí tuệ ở thế gian và xuất thế gian đã mất, thì 10 phát thú, 10 trường dưỡng, 10 kim cang, 10 địa là nhân vị cũng mất. Nhân vị đã mất thì quả vị (quả chứng) diệu giác cũng mất không còn. Vì vậy, quả vị Phật tánh thường trú Diệu giác đều mất hết. Hiện tại mất lợi ích lớn, hậu thân còn đọa 3 ác đạo.

(6) Túc “Nhất thiết giai thất” trong chánh văn: Giới pháp xem là đại địa. Muôn vàn hạt giống thiện pháp đều từ nơi mảnh đất giới pháp mà sinh trưởng. Nay không có đất (giới pháp đã bị phá hủy) thì hạt giống Phật tánh biết gieo vào đâu. Giống Phật chưa gieo thì mầm Phật có đâu mà sinh trưởng. Cho gọi là nhất thiết giai thất.

(7) Phụ mẫu Tam bảo danh tự: Phụ mẫu là cha mẹ. Cha mẹ là tiếng gọi cảm tình thương cuối cùng. Tam bảo là Phật Pháp Tăng là tiếng gọi lòng hướng thiện. Con người ta không thể thiếu tình thương yêu cha mẹ trong cuộc sống. Và đời sống tâm linh con người ta cũng cần nhiều hình ảnh có thể gọi đều thiện, đều phải để cân bằng cuộc sống đời thường nhiều bất trắc.

Phạm giới, làm điều ác, tội nặng, dẫn vặc lương tâm đến độ 2, 3 kiếp mà không hề được nghe âm thanh gọi tình thương cha mẹ để nghĩ tưởng công ân sinh thành giáo dưỡng; 2. Tiếng gọi lòng hướng thiện của Tam bảo để có cơ hội trở về. Đây mới là điều vô phước, chứ thiếu cơm ăn, áo bận và khổ đau nhiều chưa hẳn là điều vô phước.

Đức Phật qui định “hiếu là giới”. Quả báo cực nặng của sự phạm giới là không được nghe tên cha mẹ. Rồi lại nâng danh từ cha mẹ lên ngang với Tam bảo. Đây là một đặc trưng của Bồ tát giới vậy.



D.2. Bốn tám giới khinh¹

Đức Phật bảo các Bồ tát: Như trên, Như Lai đã nói xong mười giới pháp Ba La Đề Mộc Xoa. Nay Như lai sẽ nói bốn mươi tám giới nhẹ²

(1) Khinh: Tức khinh cầu, âm Phạm là Đột Cát La, dịch là ác thuyết, ác tác. Lời nói bất thiện gọi là ác thuyết; hành động bất thiện gọi là ác tác. Tội này nhẹ hơn 10 giới nặng trước, nhưng chúng làm ô nhiễm bản nguyên tâm địa của Bồ tát. Nếu không biết để sám hối. Chúng sẽ làm chướng ngại tâm địa, khó thành tựu Thánh quả.

Hỏi pháp mà không đáp đúng, gọi là phạm tội trọng; vì giận, lười biếng, kiêu... không đáp, thì phạm tội khinh cầu. Khinh cầu tội có:

Tùng sanh khinh cầu và Độc đầu khinh cầu:

. Đối với bất cứ giới nào trong 10 trọng, có tâm ý muốn phạm nhưng chưa thực hiện, gọi là tùng sanh khinh cầu. (Từ 10 trọng mà sanh)

. Điều đã làm không từ trong 10 trọng sanh, mà chỉ riêng khởi, thì gọi là độc đầu khinh cầu.

Khinh cầu từng sanh lại có cô phạm và ngộ phạm:

. Cố ý phạm, thì hạnh sám độn cát la ồ tác (Độn Các La, là ồ tác). Tự sám để tự sửa, không cần cầu sám.

. Ngộ phạm, thì hành sám trách tâm (tự ăn năn).

(2) Bốn tám giới nhẹ: Chia làm 2 phần: Tổng quát và nêu giới tướng 48 khinh cầu.

a. Tổng quát:

Kết thúc văn trước và mở đầu văn sau: Phật dạy các vị Bồ tát rằng: “Như Lai đã nói xong 10 Ba La Đề Mộc Xoa. Còn 48 học giới khinh, sẽ nói như sau:

b. Nêu giới tướng 48 khinh cầu.

Chia làm 3 lần 10 và 2 lần 9 (để dễ nhớ).



Lần 10 thứ nhất:

Giới thứ nhất:

Không được không tôn kính thầy bạn¹.

Đức Phật dạy, nếu Phật tử², khi sắp nhận địa vị Quốc vương hoặc Chuyển luân vương, hay các quan chức, trước hết phải lãnh thọ giới Bồ tát³. Như vậy, tự thân các vị Quốc vương, Chuyển luân vương, bách quan ấy sẽ được các vị Hộ pháp thiện thần che chở, cứu hộ và được chư Phật hoan hỷ⁴.

Khi đã lãnh thọ giới Bồ tát rồi, luôn luôn sanh tâm cung kính, tâm hiếu thuận. Mỗi khi thấy các vị Hòa thượng, Thượng tọa, A xà lê⁵, Đại đức, các người cùng sở học, cùng kiến giải, cùng sở hành, thì hãy đứng lên tiếp đón, lễ bái, thưa hỏi⁶. Đã không hành xử như vậy, Bồ tát trái lại, sanh tâm kiêu mạn, tâm sân si khinh lờn, không chịu đứng lên tiếp đón lễ bái, và cũng không như pháp cúng dường đầy đủ. Lẽ ra, Bồ tát phải hy sinh thân mạng⁷, địa vị, con cái, tài vật thất bảo để cung cấp cúng dường đầy đủ.

Nếu Bồ tát không như vậy, phạm tội khinh cầu.

(1) Dù ai ở bất cứ địa vị nào, tu sĩ, nhất là vua quan, cũng không có quyền bất kính với bạn bè và mọi người.

Sư hữu: là sư Tăng. Là bậc chân tu mô phạm của nhân thiên. Đối với chúng ta, Thầy là bậc sanh giới thân và nuôi lớn tuệ mạng của chúng ta.

Bạn, gọi là thiện hữu, là người có công năng giúp đỡ ta tu tâm lập đức, mọi điều thiện đều từ đó mà phát sanh. Như muốn vượt biển, ngoài sức tự chèo chống lèo lái, còn phải có buồm đặng trợ lực.

(2) Chỉ có những người thọ Bồ tát giới, hành Bồ tát đạo mới được gọi là Phật tử. Tỷ kheo không được gọi là Phật tử, cư sĩ, 5 giới thì gọi là cận sự nam, nữ. Đó là đặc điểm mà Bồ tát giới Phạm Võng dùng danh từ Phật tử.

(3) Tại sao trước phải thọ Bồ tát giới: Vì những lý do sau:
a. Vì ở địa vị nhà cầm quyền, dễ tạo tội ác, nên trước phải Thọ Bồ tát giới để răn mình cho dân nhờ. b. Tự mình lập đức để cảm được sự giúp đỡ của thiên long bát bộ quỷ thần. Nhờ đó mà một nước vua tôi, dân cư an ổn. Vua tôi có phước thì thần dân được nhờ. c. Ông vua có đạo nhân đức, hộ pháp thiện thần ủng hộ, nước mạnh, dân được nhờ. d. Do vua tôi đều tôn sùng Tam bảo mà thọ giới thì được quỷ thần hộ vệ, thánh thể khương ninh, quốc giới an ổn, mưa thuận gió hòa, tam tai bát nạn không có. Do đó muôn dân được lợi lạc.

(4) Chư Phật hoan hỷ vì Tâm địa giới này do thiên bách ức Phật lưu truyền, đời đời bất dứt. Nay vua tôi đều tín thọ, thần dân cũng đều thọ trì, ai nấy đều làm điều thiện, đều là Phật tử, nên Phật hoan hỷ.

(5) A xà lê: Âm tiếng Phạn, dịch là Quý phạm sư. Bậc thầy pháp tắc mô phạm. Có 5 nghĩa: 1. Thầy trao truyền 10 giới Sa di. 2. Thầy trao truyền 250 giới, tức Tỷ kheo đại giới. 3. Vị giáo thọ sách tấn chúng Tăng tu học hằng nửa tháng. 4.

Thầy dạy đạo Pháp, kinh, luật... 5. Bậc thầy có đủ khả năng trí tuệ làm y chỉ cho mọi người khác.

(6) Có tôn ty thứ đệ thì thế đạo mới còn. Đạo đức lễ giáo sờ dĩ còn, là chính ở chỗ này, chỗ thừa thượng tiếp hạ. Một trong những điều răn mình là biết hạ mình, khiêm cung, lễ độ.

(7) Tức “Tự mai thân” trong chánh văn. Đây là chỉ sự hy sinh bản thân, sự cung kính cao độ, đem tư tưởng, sức lực mà hiến cúng. Như Thường Đề Bồ tát vì muốn nghe pháp mà phải tự cắt thịt cúng dường cho ngài Đàm Vô Kiệt; Phật Thích Ca vì cầu được nghe kinh Niết bàn mà phải cắt xẻo 3 cân thịt bán cho người chữa bệnh trong 1 tháng, để đủ tiền cúng dường nghe pháp.

Quốc thành: là chỉ địa vị. Có nghĩa là hy sinh địa vị vua chúa, quan quyền. Bách vật, là chỉ tư dụng nơi tư thân.

Giới thứ hai:

Không uống rượu.

Đức Phật dạy, nếu Phật tử đã thọ Bồ tát giới thì không được cố ý uống rượu¹, vì rượu là nguyên nhân phát sanh vô số lầm lỗi². Tự tay mình bưng rượu mời người khác uống, mà phải chịu năm trăm kiếp làm người không có tay thay, huống là tự mình uống. Cũng không được nài ép, xúi giục, hay bắt buộc người khác³ uống rượu, hoặc luyện tập cho các loài vật khác uống rượu, huống nữa tự mình uống.

Bất cứ rượu gì cũng không được uống...Nếu Bồ tát cố ý uống hay bảo người khác uống rượu, phạm tội khinh cầu.

(1) Buôn bán rượu, tự tay đem rượu mời người uống, phạm tội trọng, vì chính mình đã đưa người vào con đường tội ác. Mình uống rượu chỉ phạm khinh cầu, vì chỉ thiệt hại cho một mình mình.

(2) Tử sanh quá thất: Rượu là nguyên nhân đưa đến 36 tội lỗi, và từ đó phát sanh nhiều tội lỗi khác, nên gọi là quá thất vô lượng.

Kinh quý vấn Mục Kiến Liên chép: Quý hỏi: một đời tôi ngu ngốc si mê, chẳng hiểu tội vì nguyên nhân nào mà chịu như vậy? Mục Liên: Đời trước do bụng rượu mời người nài ép người uống rượu, khiến mất trí nên phải chịu báo ngu si

Kinh Chánh pháp niệm xứ chép: Đem rượu mời tăng, mời những vị đã thọ giới cấm, mời các vị tu thiền, các vị tịnh cư... làm cho các vị ấy vì rượu mà rối loạn tâm trí. Người mời đọa địa ngục khiêu hoán (rên la cả ngày đêm).

Luận đại thừa: Vị Bồ tát tu bố thí ba la mật, ai xin gì phải cho nấy mới trọn vẹn. Nếu có người xin rượu thì sao? Kinh tối thượng thọ trả lời: Bồ tát khi cho phải có điều kiện, nếu người xin bằng lòng:

- Người hãy sanh chánh niệm, họ bằng lòng thì cho.
- Uống xong bảo họ từ nay phải bỏ ngay, họ bằng lòng thì cho.

Nếu người không bỏ rượu thì ta rầy quở trách, giải thích cho hiểu tai họa của rượu mà bỏ.

(3) Giáo nhất thiết nhân: tức chỉ phi nhân, Quỷ thần, Súc sanh (phục rượu). Không nên cúng rượu cho quỷ thần. Chữ nhất thiết ở đây là chỉ tăng, tục, già, trẻ, nam, nữ, trí, ngu... đều không được mời bất cứ loại rượu nào.

Rượu sanh vô lượng tội, sao có nơi dạy uống mà không say thì có thể cho phép. Trả lời: Đây là phương tiện tạm khai cho hàng tại gia Phật tử; còn tăng sĩ xuất gia thì không được phép. Uống rượu mà vì mục đích vị tha, bệnh tật, thì được nhưng không được say sưa. Như trường hợp vua Ba Tư Nặc, vì say mà sai lính giết người đầu bếp- Mạc Ly phu nhân, đang tu bát quan trai, nghe vậy bà trang điểm lộng lẫy, thân hành đến cung vua; cùng vua uống rượu cả đời bà không hề uống rượu. vua ham vui nên quên lệnh cho giết người đầu bếp. Vua tỉnh rượu, bà thuật chuyện cho vua nghe. Nhà vua hối hận, hai ông bà cùng nhau đến chùa sám hối.

Giới thứ ba:

Không được ăn thịt¹.

Đức Phật dạy, nếu Phật tử đã thọ Bồ tát giới mà có ý ăn thịt; tất cả các loại thịt của chúng sanh, đều không được ăn. Ăn thịt chúng sanh là đoạn mất hạt giống từ bi, hạt giống Phật tánh. Người ấy làm cho mọi người thấy đều lánh xa, bỏ đi nơi khác². Vì lẽ đó, các vị Bồ tát đều không được ăn bất cứ một loại thịt nào của chúng sanh³. Bởi vì ăn thịt thì có vô lượng tội lỗi.

Nếu Bồ tát cố ý ăn thịt, phạm tội khinh cấu.

(1) Ăn thịt và sát sanh là 2 nhưng rất quan hệ nhau. Sát là tổn hại mạng sống. Ăn thịt là tổn hại gián tiếp. Do đó phải nói là không sát không ăn thịt. Hồi giáo không ăn thịt heo. Ấn giáo không ăn thịt bò. Phật giáo không ăn bất cứ 1 thứ thịt nào. Vì ăn thịt thì bên trong đoạn tâm từ bi, tuyệt chủng tử Phật tánh. Bên ngoài chúng sanh thấy mà lánh xa. Kinh Niết Bàn dạy: Ăn thịt là đoạn từ bi vì tâm từ bi là tâm vô thượng bồ đề. Từ bi đã đoạn thì hạt giống Phật tánh cũng đoạn thì làm sao thành thánh quả.

Có người hỏi, ăn chay có thật sự phát triển tâm từ bi không? Có phải là điều kiện để mau thành Phật? Ăn chay không có khả năng bồi dưỡng tâm từ bi. Hãy theo dõi kỹ hằng ngày những người ăn chay, thì mới có câu trả lời chính xác. Không như chỗ thô thiển của thế gian mà cho là mê tín. Mà chính ăn chay phát xuất từ tâm bất nhẫn, tự tha đồng thể, tâm đại từ bi của Phật.

(2) Vì tập khí sát chưa dứt, nên chúng sanh thấy tránh xa. Chuyện con chim Cáp (sẻ) trong lòng bàn tay của Xá Lợi Phất, nó run sợ, không ăn uống gì, khi bay sang Phật nó không còn sợ nữa. Bởi vì tập khí sát nơi Xá Lợi Phất chưa dứt.

(3) Nếu các vị Bồ tát không ăn thịt thì không còn phân biệt tại gia xuất gia nữa, không còn nói đến vấn đề Kiến-Văn-Nghi. Tỷ kheo Thanh Văn được phân biệt các loại tịnh tịnh nhục sau:

1. Ba loại tịnh nhục: Mắt không thấy. Tai không nghe. Tâm không nghi (Kiến-Văn-Nghi).

2. Năm loại tịnh nhục: 1. Kiến. 2. Vằn. 3. Nghi. 4. Do Sư tử ăn còn. 5. Do tự nó đã chết.

3. Chín loại tịnh nhục: 1. Kiến; 2. Vằn; 3. Nghi; 4. Thịt không vì mình mà giết; 5. Thịt tự nó giết; 6. Do chim thú giết; 7. Thịt khô; 8. Do thình lình gặp; 9. Thịt đã giết trước.

Tại sao Phật chế Tỷ kheo ăn các loại thịt này:

Phật thành đạo, chúng ngày càng đông, theo Phật hành hoá đó đây bất thường, ở thì tại núi rừng, thức ăn tăng đoàn do đàn việt cung cấp, nên cấp gì ăn nấy.

. Ăn đồ xứ nóng rau quả khó trồng, nếu đòi hỏi e phiền thí chủ.

. Vì thứ đệ khát thực, không đến 2 lần trong ngày, không báo trước, thí chủ ăn gì cúng nấy.

Về sau, do một thành viên tăng bệnh, không đi khát thực được theo đoàn. Do đó đức Phật cho lập bếp núc, và từ đó Phật đã không cho Tỷ kheo ăn thịt nữa.

Giới thứ tư:

Không được ăn các thứ cay nồng.

Đức Phật dạy, nếu Phật tử đã thọ Bồ Tát giới thì không được ăn năm loại cay nồng¹ như: tỏi, kiệu, hành, nếm, hẹ. Năm loại ấy, làm gia vị có trong bất cứ thức ăn nào, đều không được ăn.

Nếu Bồ tát cố ý ăn, phạm tội khinh cầu.

(1) Ngũ tân, ngũ vị tân: là 5 vị cay nồng. Theo Ngài La Thập thì

1. Đại toán: tội (còn gọi là Hồ: tội tây)
2. Các thông: Kiệu
3. Từ thông: Hành
4. Lan thông: Ném
5. Hưng cừ: Hẹ. Không có ở Trung Hoa, không biết là loại gì. (có khi là Riêng)

Đều có chữ thông. Thông là hành và các loại tương cận

Xem ra cả 5 loại này đều là tuế toái, không cần thiết.

Tại sao không được ăn? Vì:

- Hôi miệng, hôi hơi thở. Nói chuyện hơi ra khó chịu.
- Kích thích thú tính, kém thanh tịnh.
- Tụng kinh, trì chú, thiền quán không linh.

Kinh Lăng nghiêm chép, ăn 5 loại này, có các lỗi: 1. Ăn được nấu chín, tăng thêm dâm niệm; ăn sống, tăng nóng giận, cau có. 2. Thuyết pháp, tụng kinh. Do mùi hôi ấy mà chư thiên không đến nghe. 3. Ngạ quỷ liếm môi, ở chung với quỷ. 4. Chư thiên, hộ pháp thiên thần không ủng hộ, do đó ma vương thường đến quấy phá. 5. Phước đức tiêu hao.

Giới thứ năm:

Không được không khuyển dạy sám hối tội lỗi¹.

Đức Phật dạy, nếu Phật tử đã thọ Bồ tát giới, hề thấy bất cứ người nào² phạm vào 8 giới³, 5 giới, 10 giới; những người ấy đã phạm cấm giới và tạo tội thất nghịch⁴ hoặc các tội để phải chịu 8 nạn⁵. Tất cả những người phạm tội như vậy, Bồ tát nên khuyên bảo sám hối, để giới thể được trở lại thanh Tịnh.

Bồ tát đã không khuyên bảo sám hối, mà trái lại cùng ở chung⁶, cùng thọ nhận lợi dưỡng, cùng bố tát⁷, cùng một chúng tụng giới mà không cử tội, cũng không khuyên bảo sám hối.

Bồ tát như vậy, phạm tội khinh cầu.

(1) Vì như vậy là cùng nhau làm tổn thương, ô nhiễm Đạo, nhất là không như pháp cử tội, khuyên sám, lại cùng cư trú, cùng nhận cúng dường, cùng bố tát tụng giới. Đây là nguyên nhân làm suy chánh pháp. Thanh Văn còn phải cảm ky, huống là Bồ tát hộ trì chánh pháp, tội nặng trăm lần.

Bồ tát lấy hạnh lợi tha làm trọng, đâu được phép thấy người lầm lỗi mà không từ tâm khuyên sám. Phú tàng lỗi người là làm tăng trưởng ác tâm, trái hạnh Bồ tát.

(2) Đây là chỉ cho: Người, phi nhân, thiên, long, bát bộ, quỷ thần, những người thọ giới, chưa thọ giới.

(3) Bát giới: Tức bát quan trai giới, bát trai giới. Bát giới trai, nghĩa là sự chấp trì (nhận giữ) 8 qui luật, tức là 8 giới cấm và một trai thực (ăn chay đúng ngo), nên gọi là bát trai giới. Những giới cấm này giúp hành giả đóng bít các cánh cửa phiền não tội lỗi, nên gọi là quan. Chữ quan trong bát quan trai là cánh cửa.

Bát giới là Sát, Đạo, dâm, Dối. Rượu. Xoa ướp dầu thơm. Giường cao. Ca múa xướng hát.

Ở kinh Trì Địa lại kê: sát. Đạo. Dâm. Vọng. Huỷ (chê bai). Nã (xúc nã). Sân hận. Báng (huỷ báng).

(4) Thất nghịch: 1. Giết cha; 2. Mẹ; 3. Làm thân Phật chảy máu; 4. Giết Hòa thượng; 5. Giết A xà lê; 6. Phá hoại tăng; 7. Giết thánh nhân (A la hán).

(5) Bát nạn: 1. Địa ngục; 2. Ngạ quỷ; 3. Súc sinh; 4. Sanh trường thọ thiên (vô tướng thiện); 5. Sanh Bắc Cu Lô Châu (cuật đơn việt: Uhara Kura); 6. Đui, điếc, câm, ngọng; 7. Thế trí biện thông; 8. Sanh trước Phật, sau Phật.

Sanh 8 chỗ này đều là Chướng đạo, không thấy Phật, không được nghe Pháp, cho nên gọi là nạn.

- Sát, đạo, dâm, vọng: Cầm quả địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

- Tu vô tướng định; Cầm quả sanh trường thọ thiên, thọ 500 kiếp, không biết Tam bảo.

- Tạo phước thế gian: Cầm quả sanh Bắc Cu Lô châu (phía bắc núi Tu di: Người bình đẳng, sung sướng an vui, muốn chi được nấy, sống lâu 1000 tuổi.)

- Tâm tà kiến, nghe pháp không hoan hỷ: Cầm quả đui mù.

- Bất tín Tam bảo, phỉ báng pháp sư: Cầm quả câm, ngọng.

- Không tin pháp xuất thế, đam mê thế pháp: Thế trí biện thông.

- Tạo nghiệp nặng phước bạc: Cầm quả sanh không gặp Phật.

(6) Túc đồng trú trong chánh văn: Đồng ở trong một đại giới.

Đồng thọ lợi dưỡng: Đồng chia đều lợi dưỡng của tăng.

(7) Bồ tát, gọi đủ là Bồ Sái Đà (upavasatha) âm là Ưu Bồ Đà Bà. Có nghĩa là diệt các ác, tăng trưởng các thiện. Chữ Bồ

Sái, có nghĩa là trưởng dưỡng. Chử đà có nghĩa tịnh trừ. Dịch chung: Trưởng tịnh: Có nghĩa là nuôi lớn thiện pháp, thanh tịnh tự tâm, đoạn trừ điều bất thiện.

Giới thứ sáu:

Không được không cúng dường¹, không kính pháp.

Đức Phật dạy, nếu Phật tử đã thọ Bồ tát giới, khi thấy các vị Pháp sư Đại thừa, hoặc các vị cùng học, cùng kiến giải, cùng sở hành Đại thừa, từ nơi khác đến trung tâm tu học của Tăng, hoặc nhà cửa, thành thị, thôn ấp, dù từ xa xôi trăm dặm ngàn dặm mà đến, đều phải đứng lên đón tiếp, đưa tiễn, đánh lễ cúng dường². Mỗi ngày ba phen cung cấp cúng dường. Cho dù phải tốn vài ba lạng vàng³ để mua sắm thức ăn uống, giường nằm, chỗ ngồi, y phục, thuốc men, mọi vật dụng cũng phải cung cấp đầy đủ cho vị pháp sư ấy⁴. Ngoài ra, mỗi ngày, ba lần đánh lễ, thỉnh cầu Pháp sư thuyết pháp, để được nghe pháp. Ngày ngày hành trì như vậy, mà trong tâm không hề có mảy may phiền bức. Vì sự thỉnh pháp, mà phải tán thân thất mạng, cũng không biếng lười, mệt mỏi.

Bồ tát nếu không như vậy, phạm tội khinh cấu.

(1) Cúng dường cho pháp sư là nói giả sử, chứ không phải là điều bắt buộc, đòi hỏi. Vì đó là bổn phận hộ trì Tam bảo của hàng tại gia cư sĩ.

(2) Nói đến Thí chủ và Pháp sư. Thí chủ thì vì pháp vong thân, hao tổn của cải vật chất phụng sự, cúng dường. Còn pháp sư thì sao? Để xứng đáng với sự cung phụng cúng dường của Thí chủ. Vị Pháp sư phải: 1. Thông hiểu giáo lý; 2. Siêng năng rao giảng chánh pháp; 3. Không làm khó dễ, gây phiền nhiễu cho thí chủ; 4. Thiếu dục tri túc; 5. Không vướng mắc vào danh lợi thế sự.

Nếu không có các đức tánh tối thiểu này, thì tên gọi pháp sư đã không còn huông là sự cúng dường.

Khéo nói để đòi hỏi cúng dường. Khéo tổ chức để được hiến cúng, rồi đem sự hiến cúng ấy khoe khoang mình là người có phước, có đức rồi tiêu xài phung phí, thì đó là hạng buôn Phật bán pháp để ăn xài.

(3) Đã thực hành Bồ tát đạo thì phải trọng pháp khinh tài. Bồ tát thân mạng còn bỏ thay, huống nữa là vàng bạc của cải. Ở đây muốn nói đến sự cung kính tột độ, tâm vị pháp khinh của cải vật chất.

Cho nên vị pháp sư thọ dụng sự cúng dường phải sanh tâm tầm quý, cố gắng trau dồi đời sống đạo hạnh, mới xứng đáng với sự cúng dường.

(4) Phải được phát xuất từ tâm cung kính, mà không do áp bức, bắt buộc phải cung cấp.

Tiền kiếp A nan, cúng lúa cho 1 Sa di: A nan kiếp làm thân nam nhi của người đi buôn. Một hôm thấy 1 Sa di khát thực vừa đi vừa tụng 1 bài kệ. A nan hỏi lý do tụng kệ. Sa di thưa: thầy tôi ở núi dạy tôi khi đi khát thực phải tụng bài kệ

này. Xin được một đấu lúa chở về thì tụng được 1 bài kệ. A nan hỏi nếu không chở lúa thì tụng được bao nhiêu kệ? Sa di thưa: 10 bài. Ngày mai chú đừng đi khát thực nữa, tôi sẽ cúng và chở lúa về đây cho chú, để chú có thì giờ tụng kệ nhiều hơn. Sa di hoan hỷ và từ đó ngồi tĩnh tọa 1 nơi để tụng kệ và được học hỏi thêm.

A nan xin cho Sa di được 9 đấu, thì Sa di được thông bác kinh luật. A nan nhờ phước báo ấy, đòi đòi được làm đệ tử Phật và đa văn, chứng tam minh, lục thông và được Phật truyền tâm ấn.

Giới thứ bảy:

Không được lười biếng không nghe pháp.

Đức Phật dạy, nếu Phật tử, đã thọ Bồ tát giới thì bất cứ nơi nào¹ có giảng kinh, giảng luật² diễn giải Phật pháp³, nơi đó dù là một ngôi nhà rộng lớn mà có thiết trí chỗ giảng pháp, thì các vị Bồ tát tân học⁴, cũng nên đem kinh luật đến đó lắng nghe, tiếp nhận và hỏi han⁵ vị pháp sư ấy. Hoặc ở chỗ núi rừng, dưới gốc cây, nơi tăng xá, có giảng thuyết giới pháp Bồ tát, tất phải đến lắng nghe, tiếp thu và hỏi han.

Bồ tát không hành xử như vậy, phạm tội khinh cầu.

(1) Túc cụm từ “Nhất thiết xứ” trong chánh văn. Là chỉ chỗ thường trú của chư tăng, nhà tại gia cư sĩ, đại trạch xá

trung (chỉ chốn vương cung, quan trường), các nơi này thường thỉnh pháp sư giảng kinh thuyết pháp thì nên đến nghe, nếu không là phạm khinh mạn, lười biếng.

(2) Tỳ ni: Vinaya: luật: Dịch là diệt, có nghĩa là diệt trừ tội ác; Thiện tri, Công năng trừ diệt tội ác cho mình và người. Lại nữa, Tỳ là khử, Ny là chân. Trừ khử hết tội lỗi thì chân tánh hiển lộ, có nghĩa là hiển bày bản nguyên tâm địa.

(3) Kinh luật là chỉ giáo pháp, giới pháp, tức là Bồ tát tâm địa giới. trong chánh văn Bồ tát giới thường dùng kinh luật hay kinh luật đại thừa, tức chỉ Bồ tát giới Phạm Võng: Kinh là Phạm Võng kinh; Luật là tâm địa giới pháp, tức Bồ tát tạng.

(4) Ở đây là để nhắc nhở, khuyến khích các vị mới thọ Bồ tát giới, nghe pháp, học giới để nỗ lực tu tập, không nên sanh tâm kiêu mạn phân biệt tâm cự.

(5) Lắng nghe, lãnh thọ, hỏi han: Là thể hiện tinh thần hành Bồ tát đạo; tức văn, tư, tu ba môn tuệ học, có đủ 3 yếu tố này mới bước vào được pháp môn đại thừa tâm địa. “Thính” là tai lắng nghe (văn), “Thọ” là tâm nạp thọ (tư); “Tu vấn” là hỏi han, nghe mà suy nghĩ chưa thấu đạt thì hỏi han chỗ nghi. Chỗ nghi đã rõ thì nương đó để tu (tu).

Giới thứ tám:

Không được bỏ Đại thừa, hướng Tiểu thừa¹.

Đức Phật dạy, nếu Phật tử, đã thọ Bồ tát giới mà có tư tưởng phản bội kinh luật thường trú của Đại thừa², cho rằng những kinh luật ấy không do chư Phật tuyên thuyết. Rồi chỉ thọ trì đọc tụng những kinh luật tà kiến của nhị thừa Thanh văn và ngoại đạo ác kiến³.

Bồ tát hành xử như vậy, phạm tội khinh cầu.

(1) Ở đây có nghĩa là không được phản bội kinh luật Đại thừa, tức là Bồ tát giới này. Giới thứ 7 nói bất cứ ở đâu có giảng thuyết kinh luật thì đều phải đến để lắng nghe, lãnh thọ, hỏi han. Còn ở đây, giới thứ 8 này thì sợ tâm mình phản bội lại giáo nghĩa trung đạo Đại thừa mà nghiêng về Tiểu thừa tà kiến ngoại đạo. Bởi vì, kinh điển Tiểu thừa và tà kiến ngoại đạo, đoạn mất chủng tử Phật tánh (khô thân đoạn trí) và là nguyên nhân làm chướng ngại đạo Bồ Đề. Cho nên Phật cấm.

(2) Trong chánh văn là “Đại thừa thường trú kinh luật”: là chỉ Bồ tát giới Phạm Võng mà bản nguyên là Phật tánh thường trú. Ba đời các đức Phật không thêm bớt, nên gọi là kinh luật thường trú.

Tại sao ở đây bảo, thọ trì cấm giới, đọc kinh luật của nhị thừa Thanh văn mà cho là phản bội Đại thừa giới? Giới pháp Thanh văn là Tỷ kheo giới. Giới ấy là bản thể tăng bảo. Như vậy, không thọ trì Tỷ kheo giới, thì không phải tăng bảo. Như thọ trì mà cố chấp rằng: Chỉ có giới pháp ấy là do Phật chế, rồi bài bác Bồ tát giới không thăng tiến thêm hưởng tới quả vị chánh giác, cho nên bảo là phản bội Đại thừa. Đức Phật cũng quả trách các Tỷ kheo là “khô thân đoạn trí”.

(3) Trong chánh văn “Nhất thiết cấm giới”. Là chỉ ngoại đạo giữ rất nhiều loại cấm giới như: Không ăn thịt trâu, bò, heo, chó... Có đạo thờ bò, trâu, ngựa, heo..., thờ lửa, nước, mặc áo dơ, đứng co một chân, lấy kim châm vào thân... Ở Ấn độ có 66 loại tà kiến ngoại đạo, họ chủ trương “Khổ tận tức lạc”.

Học giới thứ 8 này, đức Phật nhằm răn dạy Bồ tát đã phát tâm thọ Bồ tát chánh giới, thì không được trái với chánh nhân tâm địa, để có thể đánh mất quả Phật đạo. Đức Phật ân cần chỉ dạy Bồ tát phải nhắm đến chánh nhân thành Phật, chứ không nên học theo nhị thừa Thanh văn, chỉ đoạn kiến, tư hoặc, cuối cùng chứng Niết bàn “Khô thân đoạn trí”. Mất đại dụng lợi tha, nên Phật quả là ác kiến, ác nhân chứ không phải quả trách người hành trì giới Tỷ kheo Thanh văn. Phải phân biệt rõ thế nào là đại tâm, tiểu tâm. Giáo pháp Đại thừa mà đức Phật nói ra, nhằm thuyết minh thể tướng của pháp thân, thật tướng tâm địa thường trú bất sanh bất diệt. Nó là Thầy của chư Phật, là mẹ của Bồ tát. Cho nên gọi là thường trú kinh luật. Nay ôm lòng hoài nghi, lại cho là không phải Phật thuyết, để chỉ trì pháp nhị thừa Thanh văn. Như vậy là bôi đại hướng tiểu vậy.

Giới thứ chín:

Không được không chăm sóc người bệnh.

Đức Phật dạy, nếu Phật tử đã thọ Bồ tát giới, hề thấy người bệnh tật¹, thì nên khởi tâm giúp đỡ thường xuyên, như phụng sự cúng dường chư Phật vậy. Trong tám thứ ruộng² làm phát sinh phước đức, thì sự chăm sóc cho người tật bệnh là thứ ruộng phước thù thắng nhất³.

Trong trường hợp nếu cha mẹ hoặc chư Tăng bệnh tật, các căn không vẹn toàn⁴, chịu trăm thứ bệnh

tật dày vò, thì Bồ tát phải nên thăm viếng, chăm nuôi, để người bệnh được bình phục⁵.

Là Bồ tát mà vì tâm giận hờn, đã không chăm nuôi người bệnh, thậm chí nơi Tăng phòng, chốn thành thị, thôn ấp, trong núi rừng, nơi hoang dã, hoặc đi giữa đường gặp người bệnh tật, cũng không cứu giúp⁶.

Bồ tát hành xử như vậy, phạm tội khinh cầu.

(1) Trong chánh văn “Nhất thiết bệnh tật nhân”: chỉ cho tất cả từ tam thừa thánh nhân, sư Tăng phụ mẫu đến anh em, bà con quyến thuộc, đến chúng đệ tử và mọi loài... Nếu có tật bệnh thì Bồ tát có bổn phận phải thăm nuôi, giúp đỡ, an ủi, cúng dường.

(2) Bát phước điền: tám loại ruộng để gieo giống phước đức. Đó là: 1. Phậ; 2. Thánh nhân; 3. Sư tăng. Đây là 3 loại gọi là kính điền, có nghĩa là 3 thửa ruộng thuộc về cung kính, phải được cung kính hết mình. 4. Hoà thượng; 5. A xà lê; (quĩ phạm sư); 6. Cha; 7. Mẹ. Bốn loại này gọi là ân điền: Ân sinh thành giáo dưỡng; 8. bệnh nhân. Loại cuối cùng này gọi là Bi điền: Thi thiết tình thương (Bi) đối với mọi chúng sanh.

Trên thì cung kính cúng dường...dưới thì thăm nuôi, chăm sóc, nhờ đó nuôi lớn phước đức tự thân vô lượng. Như gieo giống vào ruộng tốt.

(3) Đệ nhất phước điền: Trong 8 loại phước điền, thăm nuôi, chăm sóc bệnh nhân là loại được kể là có phước đức lớn nhất, vì:

• Bồ tát khi phát đại tâm thọ Bồ tát giới; lấy lợi sanh làm mục đích tối thượng, lấy lợi tha để thành tựu tư lợi; lấy cứu khổ ban vui cho chúng sanh làm sự nghiệp chân chính của Bồ tát.

• Cho nên Bồ tát đích thật phải không phân biệt thù, bạn.

• Thấy Phật phải cung kính, thấy Tăng, cha, mẹ phải cung kính thì quá dễ dàng. Thấy chúng sanh đau khổ, tàn tật mà giúp đỡ chăm sóc, đó mới là điều khó. Ai làm được là cao quý nhất.

(4) Các căn không vẹn toàn: Mắt, tai, mũi, lưỡi, tay chân, lục phủ ngũ tạng không hoàn bị... là một điều bất hạnh nhất, Ở đời không có niềm khổ đau bất hạnh nào lớn hơn.

(5) Trong chánh văn là “Cúng dường linh sai”: Bồ tát nếu gặp người khốn khó bệnh tật, nỗ lực tìm kiếm phương tiện thuốc thang, cơm cháo; bản thân không tài sản thì nỗ lực khuyến hoá khát cầu nơi mọi người, để họ có cơ hội biết đến cái khổ nơi người khác mà phát tâm.

(6) Người thăm nuôi bệnh nhân, phải có 5 đức tánh: 1. Phải biết bệnh nhân nên, không nên ăn gì; 2. Không nhòm góm các thứ bất tịnh; 3. Thật sự có từ tâm, không vì cơm áo, không vì danh lợi; 4. Có khả năng khuyên lơn, an ủi, để người bệnh vui; 5. Chăm sóc thủy chung, không phiền não, không thối thất.

Ở đây chúng ta nên đề cập đến vấn đề cúng dường cha mẹ:

• Kinh Tỳ ni mẫu chép: Cha mẹ nghèo phải khuyên cha mẹ thọ Tam Qui Ngũ Giới trước khi muốn cúng dường, nếu cùng ở chùa.

- Gương hiếu của Thiên sư mà mẹ là người làm nghề bán cáy (cua)
- Không ở chùa mà đã đầy đủ thì cũng nên hạn chế cho cha mẹ hưởng thụ của thí chủ.
- Đem của đàn na thí chủ cho cha mẹ hoặc giúp người bệnh hoạn tàn tật, phải bạch xin đại chúng.

Giới thứ mười:

Không được tàng trữ khí cụ giết hại chúng sanh¹.

Đức Phật dạy, nếu Phật tử đã thọ Bồ tát giới, thì không được tàng trữ² các loại khí cụ giết hại chúng sanh như: dao, gậy, cung, tên, rìu, búa và mọi thứ khí giới chiến tranh, cũng như các loại dùng để bẫy lưới săn bắt, giết hại chúng sanh.

Tất cả các loại ấy đều không được tàng trữ.

Đã là Bồ tát thì cho dù đối với kẻ giết hại cha mẹ mình, cũng không được báo thù³ thay, huống là những loài chúng sanh khác. Như vậy, đối với tất cả khí cụ sát hại, đều không được tàng trữ.

Bồ tát cố ý tàng trữ, phạm tội khinh cấu.

Đây là mười giới nhẹ thứ nhất, các vị nên học hỏi thực tập và đem tâm cung kính mà phụng trì.

(1) Khí cụ giết hại chúng sanh có hai thứ: 1. Khí giới chiến tranh; 2. Dụng cụ giết hại, bắt, bẫy sinh vật.

(2) Tàng trữ: Cát giữ, mua sắm, làm ra, buôn bán... Cát giữ, mua bán khí giới chiến tranh thì mình đều mắc tội sát sanh hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp. Như vậy là trái với hạnh từ bi của Bồ tát. Vì đây là việc của nhà cầm quyền, giữ gìn bờ cõi. Như Quốc Vương tướng sĩ. Còn Bồ tát thì nên học hạnh của Phật. Cũng cất giữ vũ khí, nhưng là thứ vũ khí để hàng phục ma vương như: Cát giữ gươm trí tuệ để chém ma vương, cất tham, ái; Gậy dũa cảm, để dò đường vượt khó; Cung ý chí để không khuất phục vì lý tưởng Bồ tát đạo; Tên tinh tấn, để không ngừng bước độ sanh; Áo giáp nhẫn nhục, để chịu đựng gian truân; Búa rìu thiền định, để bỏ, đẽo các vọng niệm và giữ vững chánh niệm; Vung lưới đại pháp, để vớt tam giới chúng sanh, ra khỏi sanh tử; Gài bẫy cảnh giác, để sập bắt giặc ba độc.

(3) Sự trả thù không có giá trị đình chỉ tội ác. Thay vì trả thù, Bồ tát dùng phương tiện cảm hóa. Đó là sự giải thích tại sao không trả thù kẻ đã giết cha mẹ mình. Lại nữa, Bồ tát xem chúng sanh đều là cha mẹ của nhau trong nhiều kiếp.

Lần 10 thứ hai

Giới thứ mười một:

Không được làm sứ thần quốc tặc¹.

Đức Phật dạy, nếu Phật tử đã thọ Bồ tát giới, thì không nên đem tâm xấu ác², tâm vì lợi dưỡng mà làm kẻ liên lạc³ giữa quốc gia này với quốc gia kia. Nhất

là hai bên đang giằng trận, khởi binh đánh nhau⁴, giết hại vô số chúng sanh.

Bồ tát còn không được vào ra qua lại chốn quân binh⁵ thay, huống nữa là cố ý nhận làm kẻ liên lạc cho quốc tặc, phạm tội khinh cầu.

(1) Giới 10 cấm tàng trữ dụng cụ sát sanh hại mạng, giới 11 này cấm làm tay sai cho nhà cầm quyền, vào ra chốn quan quyền nịnh bợ, ton hót, báo cáo... hại đồng đạo, làm gián điệp bức hại nhân dân để thủ lợi.

(2) Tâm xấu ác: là kẻ phân biệt với thiện tâm muốn chắm dứt chiến tranh hoặc mâu thuẫn nội bộ, mà trái lại toa rập với chính quyền hại dân hại đạo. Mong cầu chút tư lợi, quyền bính thế lực.

Quân: quân lính, trận: chia từng bày, đội. Quân có 125000 người là một quân đoàn. Chia quân lính thành bày thành đội để đánh nhau gọi là quân trận.

Hợp hội: Là hội binh hiệp chiến. Tập hợp binh đội hiệp chiến gọi là quân trận.

(3) Kẻ liên lạc: Trong chánh văn là quốc sứ. Tên bồi tay sai của chính quyền. Có nghĩa là cam tâm làm kẻ đầy tớ tay sai của nhà nước, tên liên lạc để dò xét báo cáo về những sinh hoạt tôn giáo, tín đồ, tăng lữ để kiếm huân chương, hoặc chút danh lợi thế tục mà đức Thế tôn từng ví là “đờm giải”. Chẳng hạn như: Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Mặt trận, Kế hoạch hóa gia đình...những việc làm này là của người thế tục, còn

người xuất gia là Sứ giả Như lai, là Thích Tử, thì chỉ có một sứ mệnh duy nhất là đem lại sự an lạc cho sinh dân.

(4) Hưng sư tương phạt: Hưng là dấy khởi. Sư là chúng, chỉ số đông, 2500 người là một sư. Bên này bên kia chinh phạt nhau gọi là tương phạt.

(5) Bò tát vào ra qua lại chôn triều đình, quân trận đã không được đức Phật cho phép thay, hưởng nữa là làm tên sai sử, tên liên lạc. Có làm được thì làm vị Quốc sư, tư vấn cho triều đình, hiến kế để vương triều trị dân, giúp nước thái bình thịnh vượng, nhân dân an lạc hạnh phúc. Còn làm Quốc sứ, thì chỉ là một tên tay sai xách dép. (*Xem thêm Tỷ kheo giới Trí Quang dịch trang 31*)

Giới thứ mười hai:

Không được buôn bán¹.

Đức Phật dạy, nếu Phật tử đã thọ Bồ tát giới, thì không được cố ý buôn bán lương dân, buôn bán nô bộc, tỳ thiếp, buôn bán súc vật². Đem ra chợ, buôn bán đổi chác các dụng cụ chôn cất tử thi như quan tài³ và những vật tầm liệm. Những sự buôn bán như vậy, tự mình còn không được làm thay, hưởng nữa là bảo người khác làm.

Nếu Bồ tát cố ý làm những việc ấy hoặc bảo người khác làm, phạm tội khinh cầu.

(1) Buôn bán, không phải là việc làm của người xuất gia, nhất là xuất gia Bồ tát. Bồ tát vì bi tâm, hiểu thuận tâm, xem chúng sanh là cha mẹ, nên không buôn bán người vật, làm cho chúng sanh bị phân chia thọ khổ.

“Phiên” là mua rẽ bán đắt; lấy tiền làm quý gọi là phiên. “Mại”: là đưa vật ra lấy tiền vào. Buôn bán làm hoen ố từ tâm. Vì lợi mình mà quên người, liên hệ tới tội phạm vọng ngữ, trộm cắp. Buôn bán gia súc là sống trên sinh mạng; buôn đồ tầm liệm làm tổn thương bi tâm, sống trên sự chết.

(2) Súc vật, trong chánh văn là “Lục súc” là 6 con vật nuôi trong nhà (gia súc) Ngựa, Bò, Dê, Gà, Chó, Heo.

(3) Quan tài: Quan quách, gỗ, cây tầm liệm, mền quang minh, mũ quan âm... Nếu buôn bán cũng là ác tâm, bất nhân tâm, vì mong người chết nhiều để được bán nhiều lời nhiều.

Kinh Ưu ba tắc chép, làm việc có được tiền bạc hợp pháp, thì phải được phân làm 3 phần: 1. Cúng dường và bố thí; 2. Cung cấp cho cha mẹ, nuôi gia đình và bản thân; 3. Dành phòng khi bất trắc bệnh hoạn, tai nạn.

Giới thứ mười ba:

Không được huỷ báng vô cố¹.

Đức Phật dạy, nếu Phật tử đã thọ Bồ tát giới, mà vì tâm xấu xa ác độc, vô cố² huỷ báng người khác, huỷ báng người hiền đức lương thiện³, huỷ báng Hoà thượng, A xà lê, huỷ báng Quốc vương, quý nhân... Huỷ báng rằng những người này phạm bảy tội nghịch và mười tội trọng.

Là Bồ tát đối với những người được xem như là cha mẹ anh em trong hàng sáu thân quyến thuộc⁴ ấy thì phải sanh tâm hiếu thuận, tâm từ bi. Đã không như vậy mà trái lại, còn gia thêm sự trái ý, nghịch lòng, làm cho cuộc sống bất như ý.

Bồ tát hành xử như vậy, phạm tội khinh cầu.

(1) Lời vu khống không có căn cứ, gọi là báng. Huỷ hoại thanh danh của người, gọi là huỷ. Huỷ báng với người đã thọ giới, phạm khinh; với người chưa thọ giới, phạm trọng.

(2) Vô có, trong chánh văn là “Vô sự” là người kia không tội, mà mình cũng không Thấy, Nghe, Nghi (ba căn), mà cứ huỷ báng, gọi “Vô sự báng tha”.

(3) Lương thiện, trong chánh văn là “Lương nhân”: Người có đạo, ôn hoà, hiền lương, đức độ, Thiện nhân: Người lương thiện, từ ái, nhu hoà. Pháp sư: Vị thầy tuyên dương tam tạng, thánh giáo, bậc thầy của trời người. Sư: Tam sư, Thất chúng: Trên từ Hòa thượng, A xà lê, dưới đến người y chỉ một đêm, trao cho một bài kệ, một câu chú, nghe một pháp thoại... Tăng: Là bậc có đủ ngũ đức, lục hòa. Quốc vương quý nhân: Người có danh, có địa vị trong xã hội, chỉ vương triều quan quân.

(4) Lục thân quyến thuộc: Cha, mẹ, anh, em, vợ, con. Bồ tát lấy chúng sanh làm lục thân quyến thuộc.

Trong thiên hạ chỉ có bậc sư trưởng mới đích thực là thiện hữu của ta, không ai bằng được. Nếu ta tu hành nghiêm cẩn, chân chính thì đó mới chỉ lợi cho tự thân chúng ta, mà

chưa có phần đền ơn đáp nghĩa. Cha mẹ là ân lớn sinh dưỡng ta, nhưng không có khả năng làm cho từng bước giải thoát. Chỉ có bậc ân sư mới có khả năng này. Ấy thế mà nghe thầy la rầy đã giận, bỏ đi và nói lỗi thầy, tội này lớn không gì bằng.

Kinh thiện cung kính chép: Thầy dù có những yếu kém, cũng chưa phải đã xấu, nếu chúng ta nghĩ đến công sức nuôi dạy, thử đem cân lại bên nào nặng. Đệ tử nói xấu thầy, thì có địa ngục “Chùy phát” (Chày, búa bổ vào đầu); làm thân súc sanh một hình bốn đầu; Thân bị hực cháy; có trùng nhọn như kim đục khoét châm chích vào lưỡi, luôn luôn phải ăn đồ bất tịnh.

Kinh Phát giác tín tâm chép: Kể về sáu vị mới phát Bồ đề, gặp Phật và được Ngài thuật cho nghe về tiền kiếp do nói xấu hai vị Tỳ kheo chân tu, nên bị đọa vào địa ngục làm người lé, đui, què, mù, sứt, u mê, ám độn, bị kẻ khác khinh miệt, nghèo nàn, túng thiếu.

Một triết gia nói: “Loài người sợ dĩ hơn súc vật là vì biết nói; nhưng đôi khi lại bị thua súc vật ở chỗ biết nói mà nói bậy”.

Giới thứ mười bốn:

Không được phóng lửa thiêu đốt núi rừng¹.

Đức Phật dạy, nếu Phật tử đã thọ Bồ tát giới mà vì tâm địa xấu xa, phóng lửa² đốt phá rừng đồng nội; nhất là từ tháng tư³ đến tháng 9.

Phóng lửa đốt phá như vậy có thể làm lan sang nhà cửa, phòng ốc, thành thị, thôn ấp, ruộng vườn, cây cối của người khác⁴, cũng như cung miếu, tài vật

thờ cúng quỉ thần⁵. Tất cả những nơi có sinh vật, không được cố ý đốt phá.

Nếu Bồ tát có ý đốt phá, phạm tội khinh cấu.

(1) Phóng lửa đốt phá: Kinh Lăng nghiêm dạy: Tỳ kheo thanh tịnh và các Bồ tát trong lúc đi đường còn không được phép làm tổn thương cây cỏ, côn trùng, huống là nổi lửa đốt phá, hại cả hữu tình vô tình, phá hoại môi trường sống của sinh linh vô tội.

Nguyên nhân nổi lửa đốt phá thì bất nhất, nhưng tội lỗi thì qui về tổn mình, hại người, huỷ hoại môi trường sống chung, không tội nào bằng.

(2) Trong chánh văn là “đại hoả” là đốt phá núi rừng đồng nội. Vì lửa lớn nên tổn hại lớn cho người và vật, có tác hại vô cùng lớn lao về môi trường sinh thái.

(3) Từ tháng 4-9: Trong thời gian này lại càng cấm kỵ phóng hoả nghiêm ngặt hơn, vì mùa thu, mùa hạ, côn trùng, ấu trùng sinh sôi nảy nở nhiều. Nên cấm chứ không phải chỉ cấm trong những tháng này. Sau tháng 9, trong những trường hợp quá khẩn thiết cấp bách, thì Phật dạy phải đọc chú, báo cáo, xua đuổi muông thú côn trùng ra khỏi vùng, để họ tìm nơi trú ẩn, sau đó mới thực hiện.

(4) Thiêu tha nhân gia ốc trạch: Lấy gần để so sánh gần gũi xa. Như nhân phóng hỏa để ngăn cản thú dữ, không cho hại đến thôn ấp thành thị...

Tuy không hại vật cũng không được làm.

(5) Quỉ thần quan vật, nhất thiết hữu sanh vật. Quan () vật chứ không Cung () như ở chánh văn. Nếu chép quan vật

thì phải thêm vương vật. Nhưng nói thành, áp, ốc trạch... là bao gồm cả vương quan vật. Quan vật mà chép Cung vật và “Hữu chủ vật”, ở đây chép “Hữu sanh vật”. Thì phải dịch cả đoạn này là: “Cung miếu và tài vật của quý thần, tất cả những chỗ có sanh vật”.

Theo đại tạng, việc đổi nhóm từ “Hữu chủ vật” thành “Hữu sanh vật” là sai. Vì theo tinh thần văn của học giới này thì cấm phóng lửa đốt rừng, vì thấy tai hại lớn cho muông thú côn trùng và của công. Ngày nay tác dụng tai hại của việc đốt phá rừng núi là sự tàn phá của gió, nước đối với lợi ích dân sinh, môi trường sinh thái lớn lao hơn nhiều. Do đó cho ta thấy quan trọng của học giới này.

Giới thứ mười lăm:

Không được dạy người lệch lạc¹.

Đức Phật dạy, nếu Phật tử đã thọ Bồ tát giới, thì từ hàng đệ tử Phật² cho đến hàng ngoại đạo, kẻ xấu ác, lục thân quyến thuộc, người thiện tri thức..., nhất nhất đều phải hướng dẫn cho họ thọ trì kinh luật Đại thừa, hướng dẫn cho họ thông hiểu kinh luật Đại thừa³, để họ phát Bồ đề tâm, mười tâm phát thú, mười tâm Trưởng dưỡng, và mười tâm Kim cang. Trong ba mươi tâm này, nhất nhất phải hướng dẫn cho họ hiểu rõ thứ lớp và nội dung của các pháp hành⁴.

Là Bồ tát mà vì tâm xấu ác, tâm giận hờn, hiềm ghét, đã không làm như vậy mà lại còn đem kinh luật

nhị thừa Thanh văn và luận thuyết tà kiến của ngoại đạo⁵ để hướng dẫn cho người.

Bồ tát hành xử như vậy, phạm tội khinh cầu.

(1) Trong chánh văn, chữ “tịch” có nghĩa là thiên lệch, lệch lạc. Nghĩa là không đem giáo lý Đại thừa viên đốn chánh pháp mà dạy dỗ cho người, để họ có điều kiện thăng tiến, trái lại, hướng dẫn người bằng giáo lý Thanh văn Tiểu thừa, làm cho người mất hết căn tánh Đại thừa. Lỗi ấy không nhỏ.

Bất cứ ai đều phải hướng dẫn cho họ ba pháp hành:

1. Học hiểu Bồ tát giới (kinh luật Đại thừa);
2. Phát Bồ đề tâm (tu 10 tín tâm);
3. Học hiểu Bồ tát vị. (30 tâm: 10 trú, 10 hạnh, 10 hướng)

Phải theo thứ tự đó, nếu dạy khác đi là mang lỗi tịch giáo.

(2) Trong chánh văn “Tự Phật đệ tử”: là chỉ tam bảo nội chúng, tức chỉ tất cả chúng đệ tử.

(3) Đoạn văn từ: “Ứng nhất nhất giáo thọ trì... thập Kim cang tâm”: Có nghĩa là Bồ tát đem kinh luật Đại thừa để giảng dạy cho người thọ trì; không chỉ thọ trì mà còn làm cho người hiểu rõ nghĩa thú sâu xa của kinh luật Đại thừa, không những chỉ làm cho hiểu biết, mà còn phải làm cho từ sự giảng giải của mình mà phát tâm Bồ đề, từ phát tâm Bồ đề hướng đến 10 phát thú tâm (Trú), khởi hạnh tu hành đi vào 10 trường dưỡng tâm (Hạnh), để hồi hướng về 10 Kim cang tâm (Hướng).

(4) Thứ đệ pháp dụng : Quán hạnh pháp dụng. Sự dụng công tu tập đúng như pháp, và tuân tự theo lớp. Như: Trước hết tu tập tín tâm. Khi lòng đã vững chắc, đối với chân lý, không còn nghi ngờ (Tín); tiếp đó tu thập trú để sự hiểu biết

được chân chính (Giải); tín và giải đã được thành tựu đối với kinh luật Đại thừa, có thể kham thực hiện mà không thối khuất (Hạnh); tiếp đến tu tập Diệu hạnh để hướng về trung đạo đệ nhất nghĩa. Tín, Giải, Hạnh là tam hiền vị, đã được mỹ mãn, vạn hạnh châu viên, tức lên thập địa, chứng quả vị Phật (Chứng). Hành giả hành trì theo phương hướng và tuân tự như vậy gọi là “Thứ đệ pháp dụng”, và phương pháp giảng dạy như vậy, gọi là Bồ tát chánh giáo.

(5) Trong chánh văn, “Hoạnh giáo”. Dạy dỗ ngang nghịch, không như pháp. Đáng đem chánh pháp để dạy dỗ, hướng dẫn tu tập theo chánh pháp, thì lại dạy dỗ, hướng dẫn đi theo tà pháp, tà kiến. Đáng dạy dỗ hướng dẫn theo Đại thừa thì lại dạy dỗ đi theo Thanh văn Tiểu thừa. Đáng đưa người đi đường chánh thì bày đặt đi theo đường tà để cầu mong lợi dưỡng thế tục. Như muốn học kinh luật Đại thừa thì lại dạy ngoại đạo tà kiến, tà chấp phi Phật pháp. Đó là hoạnh giáo.

Giới thứ mười sáu:

Không được vì lợi dưỡng, nói sai¹ giới luật.

Đức Phật dạy, nếu Phật tử đã thọ Bồ tát giới, nếu vì hảo tâm² mà xuất gia, thì trước hết phải học hỏi oai nghi của kinh luật Đại thừa³ để mở mang sự hiểu của mình về nghĩa lý và ý thú của kinh luật ấy. Hễ thấy các vị tân học từ trăm, ngàn dặm đến để cầu học kinh luật Đại thừa, thì nên như pháp nói cho nghe về những khổ hạnh mà Bồ tát có thể phải làm⁴, như thiêu đốt thân thể hoặc một phần thân thể như cánh tay,

ngón tay để cúng dường chư Phật. Nếu không làm được như thế thì không phải là Bồ tát xuất gia. Không những vậy, mà Bồ tát hề gặp cạp, beo, lang sói, sư tử quý thân đang đói ăn, cũng phải nên xả thân, xẻo thịt, cắt tay chân mà cung cấp.

Sau khi nói cho biết những khổ hạnh khó làm như vậy rồi, mới tuần tự nói cho họ nghe về những giới pháp chính yếu, làm cho họ tâm khai ý mở mà lãnh hội giới pháp.

Đã không như vậy, mà Bồ tát lại vì chút ít lợi lộc đến nỗi đối với những điều đáng giải đáp thì không giải đáp, lại nói năng sai lệch văn tự ý nghĩa, đảo lộn thứ tự trước sau của kinh luật⁵. Làm như vậy, vô tình đã hủy báng Tam bảo⁶.

Bồ tát hành xử như vậy, phạm tội khinh cầu.

(1) Trong chánh văn hai chữ “Đạo thuyết” có nghĩa là vì lợi mà thuyết pháp đức Phật đã không cho làm thay, huống nữa là đã vì lợi lộc lại nói pháp không như pháp, không có thứ tự trước sau. Phật dạy “Ta không cho phép các Tỷ kheo vì lợi dưỡng mà thuyết pháp, ta chỉ cho phép các Tỷ kheo thanh tịnh trì giới ngồi trên tòa cao thuyết pháp” Cho nên các Bồ tát tân học, mỗi khi thuyết pháp, trước hết phải làm sao cho người học đạo phải kiên trì chí niệm (Bằng cách nói những khổ hạnh phải hành), sau đó mới trình bày cho thấy rõ tôn chỉ (Bằng cách trình bày Bồ tát giới, Bồ tát vị, oai nghi kinh luật). Như

vậy, gọi là tiền hậu thứ đệ, như pháp thuyết pháp. Nếu không như vậy là đảo thuyết, vì lợi dưỡng thuyết.

(2) Hảo tâm: Là tâm tốt vì Đại thừa chánh pháp, tâm thanh tịnh, quên mình vì người, vì đạo, vì tự tha đều lợi, không lười biếng buông lung, không tránh nặng tìm nhẹ.

(3) Tiên học Đại thừa oai nghi kinh luật: Tiên học là muốn nói trước hết phải có Công đức tự thân, mới kham làm lợi tha. Đại thừa oai nghi kinh luật: Có nghĩa là những oai đức tự thân được xuất phát từ hành trì, đọc tụng kinh luật Đại thừa. Từ đại thừa Bồ tát tạng chứ không phải từ Tiểu thừa tỳ ni (Chỉ đoạn trừ phiền não, chứng Thanh văn). Đây là chánh pháp, trang nghiêm, mô phạm thân tâm của Bồ tát. Vì vậy pháp này phải được học tập trước.

Tiên học: Là hạnh; Quảng khai: Là giải. Hạnh và giải cả hai đầy đủ mới kham làm bậc sư phạm cho hậu sinh.

(4) Thuyết nhất thiết khổ hạnh: Nói lên những điều khổ hạnh phải làm, để thử sức và nung nấu tâm chí người học đạo: Nếu thấy có thể kham làm thì sau mới dạy cho Bồ tát giới và Bồ tát vị. Những điều khổ hạnh khó làm như đốt thân, đốt tay, đốt cánh tay. Đức Thích ca đốt thân thành ngọn đèn để cầu nghe một bài kệ.

Nếu không làm được những việc này để cúng dường chánh pháp, thì đó là kẻ phàm phu, vì nghiệp lực, chấp tướng, thân tướng chưa không, nhân ngã hãy còn; Chứ không phải tư cách, phong thái, của một vị Bồ tát xuất gia vì sự giải thoát sinh tử.

(5) Đảo lộn thứ tự trước sau của kinh luật, trong chánh văn là “Vô tiền vô hậu”. Tiền là trước hết nói cho biết những

điều khổ hạnh phải làm; Hậu, là sau đó dạy cho hiểu về giới pháp để tâm khai, ý giải.

Giảng dạy kinh điển Đại thừa mà trước hết không nói rõ những điều khổ hạnh cần phải làm, để chuẩn bị hành trang, nên gọi là vô tiền; Lại nói đảo ngược trước sau văn tự kinh luật, làm cho nghĩa lý không rõ ràng mạch lạc, gọi là vô hậu.

(6) Báng Tam bảo thuyết: Bồ tát mà nói năng không như pháp là trái với từ bi tâm, mất lòng kính ngưỡng đối với Phật, với pháp, khuất che hảo tâm xuất gia. Người ấy tranh tụng với Phật, với pháp, cãi cọ với Tăng, nên gọi là báng Tam bảo thuyết.

Giới thứ mười bảy:

Không được cậy quyền thế, tham cầu lợi dưỡng¹.

Đức Phật dạy, nếu Phật tử đã thọ bồ tát giới mà tự mình vì miếng ăn thức uống², vì của cải vật chất, vì quyền lợi danh vọng, gần gũi với quan quyền như Quốc vương³, thái tử, đại thần bách quan, để rồi cậy thế tác oai⁴, yêu sách dọa nạt, đánh đập bức hại, cướp đoạt tài sản⁵ của người một cách ngang ngược. Tất cả mọi hành vi ham cầu vì danh vì lợi như vậy, đều là sự tham cầu bất thiện quá đáng.

Đã như vậy, lại còn xúi dục những người khác cũng tham cầu như vậy nữa, thì không còn gì là tâm từ bi, tâm hiếu thuận.

Bồ tát hành xử như vậy, phạm tội khinh cầu.

(1) Ý thế chính quyền để được danh vọng lợi dưỡng, vào ra cửa quyền, gài gủi chức sắc để xin xỏ chức tước, để làm tay sai hại đồng đạo, hại Tam bảo, hạn chế sinh hoạt tín ngưỡng, đó là Bồ tát giả danh, không phải là Bồ tát đích thật xuất gia vì độ sanh, vì sự nghiệp giải thoát, là kẻ sống mượn đạo tạo đời, sống tà mạng.

(2) Tự vị ẩm thực: Có 2 nghĩa: 1. Để phân biệt vì mình chứ không phải vì đại chúng là một tổ chức. Vì đại chúng mà khát cầu cho chúng là đều thiện nhưng cũng không nên hạ mình cúi lòn thay, hướng nữa là mình vì miếng cơm manh áo mà phải cúi lòn kẻ có quyền thế để cầu xin. 2. Để phân biệt với tâm hộ trì chánh pháp. Thân chính quyền để đề bạt chính quyền không nên hạn chế sinh hoạt tôn giáo, tư vấn cho chính quyền về vai trò của tôn giáo trong cộng đồng xã hội, là một điều tích cực, nhưng cũng không nên quá hạ mình năn nỉ thay hướng là vì tư lợi, làm mất danh dự đạo pháp. Cho nên gọi “Tự vị danh lợi”. Bồ tát có vì lợi ích chung, cũng không được cậy quyền thế mà áp bức người khác, yêu sách người một cách bất công phi lý.

(3) Thân cận Quốc vương... là để cậy quyền, làm tay sai, làm bàn tay nối dài của nhà cầm quyền để hại đạo, hại đồng đạo, hạn chế sinh hoạt của Phật tử, của tôn giáo, để mình được hậu đãi, đưa đón lọng tàn vinh thân, vào ra xe ngựa, đi nước này nước nọ.

(4) Thị tác hình thế: Cậy thế của người có quyền uy, đề sát phạt, hà hiếp, áp bức, vu khống người yếu thế, kẻ đơn độc... dựa thế tác oai, hồng hách, hà hiếp.

(5) “Khất sách, đả phách, khiên vãng, hoành thủ tài vật”: Xin, yêu sách, đòi hỏi (Khất sách), không được thì đánh đập, tát, vả (Đả phách), đánh đập không thành thì lôi kéo, dẫn đi nơi khác tù tội (Khiên vãng) để tạo cơ hội tước đoạt tài sản của người lương thiện một cách tai ngược (Hoạch thủ tài sản).

Giới thứ mười tám:

Không được làm thầy mà không hiểu giới luật¹.

Đức Phật dạy, nếu Phật tử đã thọ Bồ tát giới, thì phải học hiểu 12 thể loại văn tự trong kinh điển². Tụng giới thì mỗi ngày sáu thời³ trì tụng giới Bồ tát, hiểu rõ nghĩa lý sâu xa về tánh chất của Phật tánh⁴.

Bồ tát đã không hiểu được một câu, một bài kệ⁵ và cũng không hiểu được nguyên nhân Phật chế giới luật, thế mà tự dối rằng mình hiểu biết, thì quả là tự dối mình lại khinh dối người khác.

Bồ tát đã không có vốn liếng kiến thức đối với chánh pháp; đối với các pháp khác lại không thông hiểu gì.

Bồ tát như vậy mà lại làm thầy truyền giới pháp cho người khác, phạm tội khinh cầu.

(1) Muốn làm thầy thiên hạ, trước hết tự mình phải có trí tuệ, xử thế nghiêm minh, vô ngại, nhất là phong cách và đức

độ. Có thể mới gọi là nhân thiên sư phạm. Minh hôn ám, vô trí, bất tài, vô đức, thì làm sao mà làm thầy thiên hạ.

Thầy thuốc không biết nguyên nhân và triệu chứng bệnh lý, và cũng không biết phương thức chữa bệnh, thì làm sao mong được làm thầy thuốc. Người mù lại dẫn đường cho người mù thì cả hai điều xuống hố, vào bụi.

Người xuất gia trước hết phải biết học nghĩa lý và hành trình giới pháp để phát triển trí tuệ và từ tâm. Bên trong đầy đủ trí và đức, bên ngoài phải rõ nguyên nhân và căn cứ đối tượng. Trí năng được như vậy thì Như lai mới hứa khả cho làm bậc mô phạm kẻ hậu học là Như lai trưởng tử.

(2) Học giới này chủ yếu hướng dẫn chúng Bồ tát làm thầy chúng sanh, trước hết phải mở mang trí tuệ bằng cách học và hiểu thấu đáo nghĩa lý Bát nhã bằng 3 trình tự Bát nhã.

1. Văn tự Bát nhã: Đây là bước đầu mà trong chánh văn giới, gọi là hiểu rõ về 12 thể loại văn kinh mà thông thường gọi là 12 bộ kinh. (Trường hàng, trùng tụng, cô khởi...) 3 loại đầu là thể văn trong các kinh; 9 loại sau là những điều, những sự việc.

2. Quán chiếu Bát nhã: tức trì Bồ tát giới...

3. Thật tướng Bát nhã: tức giải kỳ nghĩa lý, Phật tánh chi tánh.

Ta thấy chỉ có mấy câu trong giới này, đã bao quát hết đại tạng giáo nghĩa mà Như lai đã thuyết. Về sau, chư tổ phân giao nghĩa thành 4 môn: Giáo môn, Lý môn, Hạnh môn, Quả môn.

Trong đây:

- “Thập nhị bộ kinh”: Là Giáo môn văn tự Bát nhã.

- “Trì Bồ tát giới”: Là Hạnh môn: quán chiếu Bát nhã.

- “Giải kỳ nghĩa lý, Phật tánh chi tánh”: Là Lý và Quả môn: thuộc Thật tướng Bát nhã.

Nương nơi Thật tướng Lý môn, để thiết lập Văn tự Giáo môn; nhờ Văn tự Giáo môn mà khởi quán chiếu Hạnh môn. Nhân quán chiếu Hạnh môn mà thể nhập được Thật tướng Lý quả môn.

Nếu chúng ta không hiểu được Văn tự Thánh môn, thì làm sao mà Khởi Quán chiếu Hạnh, Giải tương ưng. Nếu không phải do Phương pháp tu Hạnh giải tương ưng, thì không làm sao thể nhập Thật Tướng Lý Quả.

Cho nên sơ học Bát nhã, Bồ tát trước phải học 12 thể loại kinh văn, để khởi Giải tuệ. Giải tuệ tuy đã khởi, nhưng nếu không khởi hạnh tu tập để làm vốn liếng, thì chỉ luống công cho sự giải tuệ mà thôi. Cho nên phải trung giới.

(3) Nhất nhật lục thời trì Bồ tát giới thì phải siêng năng cần mẫn, ngày đêm 6 thời: Đầu đêm, giữa đêm, cuối đêm, mai, trưa, chiều không nên lười biếng.

(4) Giải kỳ nghĩa lý, Phật tánh chi tánh: Người thọ giới, tuy đã trì tụng Đại thừa kinh luật, nhưng nếu không hiểu ý chí của giới pháp, thì cũng không thể đạt được cứu cánh Phật quả, cho nên đã trì tụng thì phải hiểu thấu đáo nghĩa lý.

Giải kỳ nghĩa lý tức rõ tánh chất của Phật tánh, Phật tánh là giác tánh, là cái tự tánh giác ngộ vốn có của hết thảy chúng sanh. Tự tánh ấy nơi thánh không tăng nơi phàm không giảm, nơi thánh không tịnh nơi phàm không uế.

Nếu biết tự tánh này, vốn không cấu tịnh tăng giảm thì trọn ngày xem kinh, vẫn không thấy có kinh nào để xem, trọn ngày trì giới, vẫn không vướng mắc vào việc trì giới, vẫn không thấy giới điều nào mà trì cả, trọn ngày tham thiền tìm

tâm, nhưng không có tâm nào để tìm cả. Xem kinh như thế, trì giới như thế, tham thiền như thế, thì đó là tinh thần thực tập của người dân thiên sư phạm.

(5) Giới luật nhân duyên: Chỉ những nhân duyên khiến Phật chế giới, mối tương quan giữa mỗi học giới. Bồ tát không thông suốt kinh luật, không giải thông được một câu kinh, một bài kệ, không học hiểu 12 loại thể tài kinh văn, không trì tụng Bồ tát giới, cũng không rõ nhân duyên Phật chế giới luật. Như vậy thực đáng hổ thẹn, huống nữa, không thông mà dối nói thông. Như vậy là kẻ đem mình tự dối gạt mình, lại khinh dối người khác, thật đáng hổ thẹn. Nhất là không chút vốn liếng kiến thức Phật pháp mà lại muốn làm thầy người khác, trao giới pháp cho người khác!

Giới thứ mười chín:

Không được nói hai lưỡi.

Đức Phật dạy, nếu Phật tử đã thọ Bồ tát giới, vì tâm địa xấu xa, thấy vị Tỷ kheo trì giới¹ hoặc bất cứ ai, tay bưng lò hương² cúng dường chư Phật, hoặc thấy người thực hành hạnh Bồ tát³, thấy vậy mà tâm sanh đố kỵ, đến trước người khác phỉ báng, chê bai, nói xấu những người hiền thiện.

Bồ tát mà không từ chối bất cứ một điều xấu ác nào như vậy, phạm tội khinh cầu.

(1) Tỷ kheo trì giới: Là để phân biệt không là phải danh tự sa môn, Tỷ kheo bán thế, mà đây là các vị hiền thánh Tăng, có giới hạnh cao minh.

(2) Thủ túc hương lư: Tay bưng lư hương (Niệm hương), lễ bái tụng niệm... là những cử chỉ thực tập của người hành Bồ tát hạnh, trì Bồ tát giới. Những việc này là những sự tướng mà hành giả trong những bước đầu tu tập phải có để từ đó khởi hạnh thăng tiến bước hành trì kế tiếp, nhằm đi đến sự phá chấp.

Lư hương: là lò đốt hương: 1 trong 18 vật tùy thân của Tỷ kheo Bồ tát, có 2 ý nghĩa:

Tiêu biểu cho tín căn: Thâm nhập pháp giới, tín là đầu.

Tiêu biểu cho tịnh hạnh: Thành tựu viên mãn ngũ phẩm pháp thân, đầu do hạnh này.

18 vật tùy thân: Bồ tát giới kinh dạy các vị Bồ tát khi thực tập hạnh đầu, khi đi du hoá các phương, cách xa chỗ ở lối 100 dặm, nên đem theo mình đầy đủ 18 vật này: 1. Tích trượng; 2. Thân rửu mặt + xà phòng; 3. Y; 4. Bình, chai (Nước sạch: Tịnh thủy); 5. Bát; 6. Tọa cụ; 7. Dương chi (tắm); 8. Hương lộ; 9. Đũa lọc nước; 10. Khăn tay; 11. Dao cạo; 12. Hỏa toại (dụng cụ đánh lửa, trên đời cao để thông báo); 13. Nhiếp tử (cái nhiếp để nhổ râu, nhổ gai, kẹp tóc); 14. Thăng sần (giường dây, võng); 15. Kinh; 16. Luật (phạm võng); 17. Tượng Phật; 18. Tượng Bồ tát (Văn thù, Phổ hiền, Di lặc).

(3) Thực hành hạnh Bồ tát: Thực hành hạnh Bồ tát chứ không phải hạnh Thanh văn, chỉ lo tự lợi, không lo lợi tha. Người kia đã thành Bồ tát hạnh, cũng giống như mình vậy, đều là Bồ tát, đều là người chính đáng cả, cùng nhau chuyển pháp

lợi sanh. Như vậy, đâu được phép đâm thọc nhau, để mình thủ lợi.

Giới thứ hai mươi:

Không được không phóng sanh¹ cứu hộ.

Đức Phật dạy, nếu Phật tử đã thọ Bồ tát giới, vì lòng từ bi, phải thực hành hạnh phóng sanh. Chúng ta phải quán chiếu sâu để thấy rằng, tất cả những người phái nam, phái nữ đều là cha là mẹ chúng ta. Chúng ta đã từ nhiều đời, không ai không từ cha mẹ mà thọ sanh. Cho nên chúng sanh trong sáu đường đều là cha mẹ của chúng ta. Nếu chúng ta giết hại để ăn thịt, tức là chúng ta đã ăn thịt cha mẹ của chúng ta, mà cũng chính là ăn thịt tiền thân của chúng ta vậy. Tất cả các yếu tố đất, nước² là thân trước của chúng ta. Yếu tố gió lửa³ là gốc gác của tự thân chúng ta. Chúng ta đời đời thọ sanh đều không ra ngoài khuôn khổ phép tất đó. Bởi vậy, chúng ta thường hành phóng sanh, và khuyến khích người khác phóng sanh. Khi thấy người giết hại chúng sanh, thì phải tìm phương tiện cứu giúp⁴ để chúng được thoát nạn. Ngoài ra, lại phải giáo hoá, giảng thuyết về Bồ tát giới để giúp người giải thoát giới. Nếu gặp ngày huý nhật cha mẹ, anh em⁵ thì nên thỉnh Pháp sư giảng diễn kinh luật đại thừa. Nhờ đó mà giúp người mệnh chung được thấy như

thật, được sanh làm người hoặc trên các cõi trời. Bồ tát không hành xử như vậy, phạm tội khinh cầu.

Đây là mười giới nhẹ thứ hai, các vị nên học hỏi, thực tập và đem cung kính mà phụng trì.

(1) Phóng sanh: Phóng thả sinh vật, không giết hại, cứu hộ: cứu giúp lúc chúng sanh hoạn nạn.

Phóng sanh là pháp trì: Không sát sanh là chỉ trì. Mỗi giới đều có 2 phần: Chỉ và tác. Tức chỉ trì và tác trì. Chỉ là ngăn lại, không sát sanh, tức giữ giới sát chỉ trì. Tác là thực hạnh, thực hành phóng sanh (tác trì).

Phóng là phóng tính: Cứu là cứu hộ. Không thực hành phóng cứu là Bồ tát đã để đánh mất tâm hạnh từ bi, nên không phóng thả sinh vật, không cứu thoát sinh vật.

(2) Nhất thiết địa thủy thị ngã tiên thân: Chúng ta sống, không phải chỉ sống có một đời này mà đã có vô số đời kiếp trước. Mà đời nào cũng đều chịu sự tác thành của 4 đại và sinh ra từ cha mẹ chúng ta. Cho nên loài nào cũng là cha mẹ chúng ta, và tứ đại trong thân thể chúng sanh nào cũng thân thể cũ (tiên) của chúng ta. Như vậy xem ra chúng ta và chúng sanh chỉ đồng một thân không sai khác.

Địa thủy là thân trước của chúng ta: Ngày xưa khi thọ thai, trước hết do 2 yếu tố, xích, bạch, gọi là thủy thổ, tức là tinh cha (bạch) và huyết mẹ (xích) hoà hợp kết tụ thành một, đây là giây phút nghiệp thức xâm nhập để tạo thành thân của ta.

(3) Nhất thiết phong hoả vì ngã bản thể: Con người lấy ba yếu tố Thọ, Noãn, Thức làm thể. Ở đây theo kinh Niết bàn:

“Thọ”: Thọ mạng, mạng sống là hơi thở: Chỉ “Phong”.

“Noãn”: Hơi ấm, nóng: Chỉ “Hoả”.

“Thức”: Xích bạch (Thủy, Thổ: Huyết mẹ tinh cha): Chỉ “Thức”.

Như vậy:

Địa, Thủy tức Thủy Thổ; “Xích bạch” Tinh cha huyết mẹ.

Địa + Thủy = Xích + Bạch = “Thức”

Phong + Hoả: Phong: Hơi thở, “Thở” (mạng sống)

Hoả: Ấm, nóng: “Noãn”

Lấy: Thọ + Noãn + Thức

Hoặc: Phong+Hoả+Địa+Thủy(xích bạch)

Thức

Thị ngã
bản thể

Nói rõ hơn, thân ta lấy Thọ, Noãn, Thức làm bản thể. Nếu không có yếu tố này, thì sự liên kết của tinh cha huyết mẹ để thành sắc thân tứ đại, ngũ uẩn sẽ không tồn tại. Vì vậy mà nói, phong hoả là gốc gác (là bản thể) của thân chúng ta.

(4) Ứng phương tiện cứu hộ: đây là muốn nói dùng tài lực, nhân lực hoặc ái ngữ lực, làm phương tiện cứu hộ. Còn câu tiếp “Thường giáo hoá...” là nói về dùng giáo pháp làm phương tiện cứu hộ chúng sanh.

Phương tiện tài vật thì có hạn: Chỉ cứu khổ được cái khổ nhất thời trong đời người.

Phương tiện bằng giáo pháp thì vô cùng nên có thể cứu được cái khổ của kiếp sống luân hồi sanh tử.

(5) Nhược phụ mẫu... Đây là thuyết minh về sự cứu hộ chúng sanh... sau khi đã qua đời. Muốn cứu hộ, giúp đỡ cha mẹ, quyến thuộc anh em để làm tròn hiếu đạo, đền ơn đáp

nghĩa cho người đã quá cố được siêu thoát thì chỉ nên tụng kinh bái sám, giảng thuyết kinh luật Đại thừa, phóng sanh bố thí giúp đỡ kẻ nghèo để hồi hướng công đức chứ không nên bày bố rườm rà linh đình mà tạo thêm tội ác cho mình và cả những người quá vãng.

Lần 10 thứ ba

Giới tứ hai mươi mốt:

Không được giận dữ đánh đập báo thù¹.

Đức Phật dạy, nếu Phật tử đã thọ giới Bồ tát giới, không nên vì giận dữ mà báo thù bằng sự giận dữ², vì sự đánh đập mà báo thù bằng sự đánh đập. Dù người ta có giết hại cha mẹ, anh em, bà con quyến thuộc của mình, cũng không được đem tâm báo thù³. Hay vị quốc vương bị kẻ khác giết hại, cũng không được báo thù⁴.

Giết hại sự sống để trả thù sự sống, là điều không thuận lẽ đạo hiếu thuận. Lại cũng không được nuôi nô bộc, tỳ thiếp⁵, đôi lúc vì giận dữ mà đánh đập nhục mạ. Làm cho ngày ngày dấy khởi ba nghiệp, tạo vô lượng tội, huông nữa tạo các tội ngũ nghịch.

Xuất gia Bồ tát đã không có tâm từ bi, lại đang tâm thù báo, ngay cả với những người bà con quyến thuộc⁶.

Bồ tát hành xử như vậy, phạm tội khinh cầu.

(1) Trong học giới 20 dạy phải thực hành phóng sanh và cứu hộ vì từ bi tâm. Cũng dạy ta thực tập nhân duyên quán để biết rằng, tất cả người nam là cha ta; tất cả người nữ là mẹ ta. Trong nhiều kiếp chúng ta đã từng thay nhau làm cha mẹ nhau. Nay có người vì nóng giận mà đánh đập trả thù ta, thì người đó cũng chính là cha mẹ ta mà thôi. Nghĩ quán như vậy, đứa con nào mà lại đem tâm sân hận đánh đập cha mẹ để trả thù ư?

- Vã lại sân là một tâm sở xấu nhất trong những căn bản phiền não. Nó làm tăng trưởng ác tâm, chướng ngại chánh đạo, trái đạo Bồ đề.

- Nay Bồ tát phát nguyện độ sanh, lấy từ tâm làm gốc. Nếu khởi tâm sân, thì trái với bản nguyện, bỏ chúng sanh, mất bản tâm từ bi. Vì vậy mà Phật cấm kỵ.

(2) Bất đắc dĩ sân báo sân: Bồ tát hành đạo thì phải “Tâm không cảnh tịch”, “Nhân ngã song vong”; Cho nên không được ôm lòng bất nhân bất nghĩa, thù oán.

(3) Kẻ giết hại cha mẹ mình mà không trả thù vì 2 lí do:
1. Có thể nghiệp trước cha mẹ mình đã chưa trả hết. Nay không giải kết cho cha mẹ mà lại gây thêm thì ích gì? 2. Tất cả chúng sanh đều là cha mẹ mình, thì lẽ nào chúng ta giết cha mẹ để trả thù cho cha mẹ, oán kết chồng chất thêm mãi.

(4) Thế gian kẻ gây thù thì phải bị trả thù, mà đức Phật lại dạy không nên báo thù vì lẽ, Bồ tát đạo Đại thừa lấy phương tiện thiện xảo làm cứu cánh, cho nên tất cả mọi Phật sự đều vì sự giáo hoá chúng sanh, đoạn trừ phiền não trói buộc, ra khỏi luân hồi sanh tử tam giới, khiến chúng sanh vĩnh đoạn nguồn

gốc sanh tử để giải thoát. Như vậy, làm sao có thể giết lẽ sống để trả thù cho một lẽ sống, làm cho sinh loại đời đời giết hại lẫn nhau không thôi!

Lại như chúng ta đã biết, chúng ta và chúng sinh thay nhau làm cha mẹ nhau; các thiện nam tín nữ đều là cha mẹ ta. Nay giết sanh mạng để trả thù cho sanh mạng, tức là đã giết hại đa sanh phụ mẫu để trả thù cho kim sanh phụ mẫu, thì đâu có thuận lẽ đạo.

(5) Người xuất gia không được nuôi nô bộc tỳ thiếp, vì lẽ thường phải la lối đánh đập hằng ngày, khởi tâm ác nghiệp: Đánh đập: thân nghiệp. La lối nhục mạ: Khẩu nghiệp. Nóng giận: ý nghiệp.

(6) Nếu chúng ta không chấm dứt được sự báo thù thì làm sao ngăn được tâm thù oán, của người kia? Cho nên ta không báo thù thì tất người kia cũng không khởi tâm giết hại.

Giới thứ hai mươi hai:

Không được kiêu mạn¹, không chịu học hỏi.

Đức phật dạy, nếu Phật tử đã thọ Bồ tát giới, vì mới xuất gia², kiến thức chưa có, mà lại ý mình thông minh tài trí³, sang quý hơn, tuổi tác hơn, hoặc ý dòng họ cao sang, phước đức hơn người...

Vì tính khí kiêu mạn như vậy, mà không chịu học hỏi kinh luật giới pháp với các vị Pháp sư đã học trước mình. Mặc dù các vị Pháp sư như vậy⁴, có dòng dõi không cao sang, giai cấp thấp, tuổi tác nhỏ, hoặc nghèo khó, sáu căn không hoàn bị... Nhưng lại là

những bậc đức hạnh vẹn toàn, thông suốt kinh luật Đại thừa, oai nghi đáng kính.

Bồ tát tâm học, nếu vì tâm kiêu mạn, chỉ biết dòm ngó giai cấp địa vị dòng họ của vị Pháp sư mà không chịu đến học hỏi đệ nhất nghĩa để với vị Pháp sư, thì không phải là Bồ tát đích thực.

Bồ tát hành xử như vậy, phạm tội khinh cấu.

(1) Kiêu mạn; Ý vào thành quả việc làm của mình mà sanh tâm chấp trước, ngênh ngang không chịu lắng nghe phục thiện. Kiêu là 1 trong 20 tùy phiền não, nó thuộc kiêu tùy. Mạn: Nhờn, láo khinh thường, không có tâm khiêm tốn; ý vào mình, cao ngạo với người. Mạn là 1 trong 5 căn bản phiền não.

2 loại phiền não này, làm chướng ngại lớn trên bước đường học đạo của hành giả. Do đó, các thiện công đức không thành tựu được.

(2) “Sơ thi xuất gia, vị hữu sở giải”: Muốn nhắc nhở chúng ta rằng, từ khi mới phát tâm xuất gia, xa trần thoát tục, vì đang mới mẻ trong bước đầu, nên kiến thức chưa rộng, đạo lực chưa sâu. Đối với đệ nhất nghĩa đế, với vô ngã, vô pháp... là giáo lý cao sâu chưa hề có chút đỉnh nhận thức. Cho nên, không nên khởi tâm kiêu mạn.

(3) “Tự thị thông minh hữu trí...” Giá trị của sự đi xin ăn thì dòng họ Sakya không ai làm, nhưng dòng họ khất sĩ thì ai cũng phải làm, phải sống. Mà lại “tự ý mình thông minh, có trí để kiêu mạn, nhưng không biết rằng, cái thông minh ấy chỉ là

cái sở tri kiến của xuất thế pháp. Tri kiến như thế chỉ là 1 tai nạn trong tám nạn mà Phật Giáo mong thoát khỏi.

Ý mình có 7 thứ mà giới kinh này dạy: 1. Thông minh; 2. Tuổi tác lớn; 3. Học rộng; 4. Sang quý; 5. Dòng họ quyền uy; 6. Phước đức nhiều; 7. Giàu tiền của.

Các loại này chỉ là thứ tư hữu cao quý nhất của thế tục, chỉ là cỏ rác đờm giải mà Thế Tôn đã dạy, chứ không phải tài sản xuất thế.

Ấy thế mà Bồ tát xuất gia lại ý vào các thứ tạm bợ ấy mà sanh tâm kiêu mạn, mà không chịu học hỏi kinh luật nơi các vị Pháp sư Đại thừa đã đi trước mình. Như vậy là đã uống phải độc dược, còn thuốc chân giải thoát trước mặt thì lại không chịu uống.

(4) Người đến với vị Pháp sư cầu học: Theo Kinh Trì địa, người cầu học với vị Pháp sư là chỉ cần để lãnh hội ý nghĩa sâu xa trong kinh luật mà thôi. Không nên dòm ngó 5 điều sau: 1. Không nên để ý đến vị Pháp sư ấy có phạm giới hay không phạm giới; 2. Hèn hạ hay cao sang hơn mình; 3. Dung mạo đẹp xấu; 4. Lời nói hay dở; 5. Trôi chảy, lưu loát hay không (y pháp bất y nhân).

Chuyện kể, Ngài Trừ Cái Chương: Bạch Phật, Con muốn học 6 chữ “Đại minh Đà La Ni chú”, nay biết học với ai, xin Phật chỉ dạy. Đức Phật dạy, ở Ba La Nại, hiện có 1 vị Pháp sư hàng ngày trì tụng 6 chữ ấy. Nhưng rất khó gặp (vị Pháp sư ấy) mà kiến giải của ông sáng như Phật. Người nên đến đó mà thọ giáo. Nhưng người không được sanh tâm kiêu mạn, nghi ngờ mà thối thất tâm Bồ đề. Vì Pháp sư ấy rất nhiều vợ con, rượu chè bê tha, ăn mặc không đúng đắn, mất hết uy nghiêm.

Trừ Cái Chướng Bồ tát nghe Phật dạy, cùng bạn bè đến cúng dường, lọng đèn đón rước, yết kiến đánh lễ cầu pháp, mà không hề khởi tâm bất kính.

Ngày xưa là vậy đó.

• Kinh Viên Giác dạy: Chỉ cầu được chỗ kiến giải chân chính, không nên quán sát hình tướng.

Giới thứ hai mươi ba:

Không được kiêu mạn¹, (thuyết pháp sai trái) nói năng lệch lạc, bất chính.

Đức Phật dạy, nếu Phật tử, sau khi Phật diệt độ, muốn phát tâm thọ Bồ tát, thì trước hết phải đối trước tượng Phật, tượng Bồ tát, tự mình phát lộ sám hối² trong thời gian 7 ngày, 14 ngày, 21 ngày hoặc một năm, cốt để thấy hảo tướng. Nếu đã được thấy hảo tướng là có thể thọ giới và đắc giới. Nếu chưa thấy được hảo tướng thì dù có đối trước tượng Phật, Bồ tát mà thọ giới, thì cũng không được gọi là đắc giới.

Trong trường hợp đối trước vị Pháp sư đã thọ giới trước mình, để truyền giới cho, thì không cần thiết phải có thời gian hành sám 7 ngày, 14 ngày, 21 ngày... để cầu thấy hảo tướng... Tại sao? Vì các vị Pháp sư này, đã được lớp lớp các vị Pháp sư tương tục truyền thọ³ cho nhau từ vị này đến vị khác. Vì vậy mà không cần thời gian sám hối để cầu thấy hảo tướng. Cho nên đối trước các vị Pháp sư như vậy mà

thọ giới thì sẽ đắc giới. Đắc giới là bởi tâm cung kính cẩn trọng cùng cực được phát sinh trong lúc ấy.

Trường hợp ở nơi xa ngàn dặm, không có vị Pháp sư đủ điều kiện trao truyền Bồ tát giới, thì có thể đến trước hình tượng Phật, Bồ tát mà tự mình phát nguyện lãnh thọ giới pháp. Nhưng với điều kiện phải sám hối để thấy hảo tướng mới đắc giới.

Nếu vị Pháp sư ý mình kiến giải kinh luật và các học giới Đại thừa, chỉ biết giao du bè bạn với quốc vương, thái tử, các nhà quyền quý; còn tâm học Bồ tát, có đến hỏi han tìm hiểu nghĩa lý kinh luật, thì lại đem tâm xấu ác, khinh mạn, không nhiệt tình giải đáp, để làm âm lòng người hỏi.

Bồ tát hành xử như vậy, phạm tội khinh cầu.

(1) Về kiêu mạn, đã có dịp giải thích. Về tịch thuyết, là nơi cái thấy lệch lạc bất chính, Kiên mạn tịch thuyết tức kiêu mạn bất chính.

(2) Toàn bộ giới 23 này ta thấy có 2 phần rõ rệt, về việc cầu thọ Bồ tát giới:

a. Sau Phật diệt độ, không có vị Pháp sư để cầu giới: từ “Nhược Phật tử... nhi yếu kiến hảo tướng”: Ở đây, ta thấy Phật hướng dẫn cho người phát tâm cầu thọ Bồ tát giới với 3 trường hợp:

1. Trường hợp không có Pháp sư để cầu giới: Tự mình đến trước tượng Phật, tượng Bồ tát, tự phát thệ nguyện thọ

giới. Thì phải sám hối trong thời gian 7 ngày trước tượng Phật, nếu thấy xuất hiện những điềm tốt, thì tâm nguyện thọ giới của mình đã thành tựu và đắc giới. Nếu vẫn chưa thấy được hảo tướng (điềm lành), thì phải tiếp tục sám hối đến 2 tuần, 3 tuần cho đến 1 năm, cốt là để thấy hảo tướng. Nếu đã thấy hảo tướng là được phép đến trước tượng Phật, Bồ tát để tâm niệm thọ giới. Nếu chưa thấy hảo tướng thì tuy có đến trước hình tượng Phật, Bồ tát mà phát nguyện thọ giới thì cũng không đắc giới pháp.

2. Trường hợp có vị Pháp sư đã thọ giới Bồ tát trước mình trao truyền giới pháp cho. Trường hợp này không cần phải có thời gian sám hối để thấy hảo tướng. Mà chỉ cần đến trước vị Pháp sư như vậy mà cầu xin trao Bồ tát giới cho, là đắc giới ngay, tại sao? Đối trước các vị Pháp sư như vậy vì họ là người đã được lớp lớp các vị Pháp sư tương tục truyền thọ cho nhau từ vị này đến vị khác, không hề gián đoạn. Hơn nữa, đắc giới một phần mà nhờ tâm chí thành khẩn của giới tử cầu giới lúc đó.

3. Trường hợp ở xa, có Pháp sư nhưng Pháp sư không đủ điều kiện trao giới pháp: Trường hợp này người cầu giới được phép đến trước tượng Phật, Bồ tát, tự thệ nguyện, xin thọ giới, nhưng phải được thấy hảo tướng mới đắc giới.

Đó là 3 trường hợp, nay trở lại phần 2.

b. Có Pháp sư nhưng tâm bất chính: Từ “Nhược Pháp sư tự ý giải kinh luật... khinh cầu tội”: Pháp sư ý tài, kiêu mạn, bất chính, xấu ác, không tích cực tiếp dẫn cho chúng sanh... Pháp sư như vậy không đáng được làm thầy.

Trên đây là nội dung tổng quát toàn văn học giới thứ 23, sau đây cần lưu ý thêm vài ý nghĩa căn bản.

(3) Truyền trao Bồ tát giới có 3 nghi:

a. Phật tại thế: Mình đích thân đến trước Phật cầu giới, và được Phật đích thân trao giới: gọi là thượng phẩm.

b. Phật diệt độ: Trước giới sư đã thọ giới trước mình, để cầu giới và được trao truyền như pháp; gọi là trung phẩm.

c. Ở xa xôi, nơi thôn dã, không Pháp sư, tự mình đến trước tượng Phật, Bồ tát phát nguyện thọ giới, nếu có sự thành tâm thấy tướng tốt, gọi là hạ phẩm.

* Xưa, ngài Chân Biểu luật sư, có chí cầu giới pháp, thệ nguyện được Phật Di Lặc đích thân truyền giới cho Ngài. Do chí nguyện tha thiết cầu giới nên Ngài lên trên đỉnh cao 1 hòn núi, tìm 1 hang đá vào đó ở, ngày đêm 6 thời sám hối, qua 7 ngày, Ngài thấy đức Địa Tạng hiện thân, cầm tích trượng đứng cạnh khích lệ và tán thán. Ngài lại càng tinh tấn gấp bội. Đến tuần thứ hai, Ngài thấy 1 ác quỷ xô Ngài từ núi cao xuống hang sâu; quỷ hiện nhiều hình dạng quái dị, không hề nao núng mà càng tinh tấn hơn. Đến tuần thứ 3, thấy núi cao hang sâu đều bằng phẳng, đất đá biến thành vàng bạc đá quý, giữa đó có đức Di Lặc xuất hiện, với vô số Bồ tát tùy tùng. Di Lặc xoa đầu và bảo thiện tai, thiện tai đại trượng phu, tâm cầu giới như vậy, dù cao như núi Tu Di cũng không bằng. Đức Di Lặc trao y bát, truyền giới cho Ngài và cho pháp hiệu Chân Biểu.

* Còn Nam Nhạc Huệ Tư thì mong thấy 42 Vị Phạm Tăng họp và làm pháp kiết ma trao giới Tỳ kheo cho Ngài.

* Sa môn Đạo Tấn cầu giới với Đàm Vô Sám; ngài dạy hãy về sám hối 7 ngày. Hành sám xong Đạo Tấn đến yết kiến thì bị quở trách. Đạo Tấn không phân nản gì, lui về kiết thất sám hối ba năm. Một hôm ông trông thấy Phật và Thánh Chúng trao giới cho. Hôm sau, đến để trình cho Đàm Vô Sám

hay về giấc mộng lành này. Ông mới đến cách 10 bước thì Đàm Vô Sấm ngạc nhiên đứng dậy đón tiếp và cất tiếng khen rồi dẫn đến trước Phật trao giới cho Sa môn Đạo Tấn.

Giới thứ hai mươi bốn:

Không được không học kinh luật Đại thừa, lại học tập tạp luận ngoại đạo thế tục¹.

Đức Phật dạy, nếu Phật tử đã thọ Bồ tát giới, đối với kinh luật, giáo pháp Đại thừa² đã được đức Phật chỉ dạy đầy đủ chánh kiến³, chánh tánh, chánh pháp thân, mà không nỗ lực học hỏi, thực tập.

Bồ tát trái lại, bỏ kinh luật Đại thừa quý như trân bảo vô giá, để học tập sách vở thế tục ngoại đạo, nhị thừa tà kiến ngoại đạo⁴, như A Tỳ Đàm, tạp luận⁵ và sách vở sấm ký... những thứ ấy làm đoạn mất Phật tánh, là nhân duyên chướng ngại Thánh đạo, không phải là người thực hành Bồ tát đạo.

Bồ tát cố ý hành xử như vậy, phạm tội khinh cấu.

(1) Kinh luật Phật được ví như thuyền bè đưa chúng ta thoát khỏi bể khổ sanh tử. Nếu không có chiếc thuyền này, chúng ta vĩnh viễn không thoát được bể ái sanh tử. Chẳng lẽ nay, đã có kinh luật Phật là một vinh hạnh lớn, thế mà không chịu học tập tu luyện, lại học tập tà kiến tạp luận nhị thừa, ngoại đạo cam chịu sanh tử luân hồi.

(2) Kinh luật Đại thừa: kinh: Tu đa la. Luật tỳ nại da. Kinh luật Đại thừa là chỉ Bồ tát tạng, không phải là Thanh văn tạng. Kinh luật Đại thừa là Đại thừa pháp, dạy làm Phật.

(3) Chánh kiến, chánh tánh, chánh pháp thân: Chánh kiến: Kiến giải về Phật tánh, tức chánh pháp Đại thừa (thuộc “Lý”). Chánh tánh: Là thực hành những đức tánh của Phật tánh (thuộc “Hạnh”). Chánh pháp thân: Thành tựu Phật tánh, thành tựu Pháp thân (thuộc “Quả”).

Tóm lại:

Chánh kiến; Chánh giải về Phật tánh: “Lý”.

Chánh tánh: Thực hành các đức hạnh Phật tánh: “Hạnh”.

Chánh pháp thân: Thành tựu Phật tánh: “Quả”.

(4) Tà kiến tiểu thừa ngoại đạo: Tà kiến: Những kiến thức phủ nhận Phật tánh, không có căn bản Phật tánh. Tà kiến như vậy, bao gồm cả nhị thừa, ngoại đạo và sách vở thế tục. Loại sách báo này đoạn Phật tánh, nguyên nhân chương đạo.

(5) A tỳ đàm tạp luận: (Abhidharma): Luận. Chỉ các bài luận nói trong thời kỳ phân chia bộ phái, có sự tranh chấp giữa 2 khuynh hướng Tiểu thừa và Đại thừa, mà không nói ở thời kỳ nguyên thủy. Cũng không nói về giới luật Thanh văn mà chúng ta đang chung thân hành trì.

Giới thứ hai mươi lăm:

Không được tri chúng vụng về gây rối loạn¹.

Đức Phật dạy, nếu Phật tử đã thọ Bồ tát giới, sau khi Thế tôn diệt độ², bất cứ đảm nhận một nhiệm vụ nào³, hoặc chủ sự thuyết pháp, chủ sự hành pháp, chủ sự tăng xá, chủ sự giáo hoá, chủ sự tọa thiền, chủ sự

vãng lai giao tiếp, đều phải có tâm từ bi khôn khéo giải hoà mọi mâu thuẫn⁴ trong chúng, bảo toàn tài sản Tam bảo. Không được tiêu dùng vô độ tài sản Tam bảo như tài sản của riêng mình⁵.

Bồ tát trái lại, làm cho Tăng chúng tranh chấp, rối loạn và nhất là tự mình mặc sức tiêu dùng của Tam Bảo.

Bồ tát hành xử như vậy phạm tội khinh cấu.

(1) Đầu đề của học giới này dịch đúng theo tinh thần nội dung, thì phải: “Phải khôn khéo trong việc nhiếp chúng để không lạm dụng, không gây mâu thuẫn, trong khả năng của các chức vụ giữ gìn, phụng sự Tam bảo”.

Nếu là vị trụ trì Tam bảo thì phải biết mình biết người, biết pháp biết nhân để khéo điều hoà mọi sinh hoạt của Tăng chúng và giữ gìn của Tam bảo. Không làm được như vậy là không phải Bồ tát chân thực.

(2) Nói Phật diệt độ, là nói đời mạt pháp cách Phật rất xa, nhân tâm mặc trác. Thời còn Phật không ai dám làm điều bất thiện. Phật còn thì Phật là chủ, Phật diệt thì phải ai nấy đều làm chủ tự mình, không vượt ngoài giới hạn của một người xuất gia, trưởng tử Như lai.

(3) Ở đây có 6 chức vụ tất cả:

1. Thuyết pháp chủ: Là vị thay Phật tuyên dương Chánh pháp.

2. Hành pháp chủ: Vị học thông kinh luật, giới đức tinh nghiêm. Học hành vẹn toàn khiến chúng noi gương chung học.

3. Tăng phòng chủ: Là vị chủ sự tăng phòng, biết thượng trung hạ toạ, An cư, Tụ tứ, Bồ tát, họp chúng và các kiền độ. Là vị tự chủ, Tri sự. Giám tự, Giám viên... coi sóc chùa, chúng. Đây là ở Trung hoa. Ấn độ người lập chùa gọi là chủ, người lớn nhất gọi là Thượng toạ. Khi nào cần việc gì thì họp chúng.

- Kiền độ: Dịch ý: Uẩn, tụ, chúng, phân đoạn, phân loại, biên tập, sắp xếp, qui tụ các pháp cùng loại vào một chỗ. (tương đương: Phạm, tiết).

Những nghi thức tác pháp trong sinh hoạt tăng đoàn như: Thọ giới, Bồ tát, An cư, Tụ tứ... và những điều văn qui định sự sinh hoạt hằng ngày của tăng. Ví dụ: 1.Thọ giới kiền độ, 2.Bồ tát kiền độ, 3.An cư kiền độ, 4.Tụ tứ kiền độ, 5.Bì cách kiền độ (qui định phép dùng da thú), 6.Dược kiền độ (ăn uống).

4. Giáo hoá chủ; Chủ sự giáo hoá: Thầy dạy cho biết tội phước, để cải thiện đời sống, dạy cho tín kính Tam bảo, ăn chay lễ Phật, nghe pháp...

5. Tọa thiền chủ; Chủ sự tọa thiền: Chủ trì việc thực tập thiền, Tọa thiền, hành thiền, quán thiền. Theo dõi hơi thở, giữ chánh niệm... (để điều phục ma cảnh).

6. Hành lai chủ: Chủ sự công việc ra vào, đến đi. Là vị coi ngó, cắt cử chúng Tăng quân phân phó hội, phó trai tiếp đón tiền khách Tăng, như vị tri khách.

Những vị chủ sự này, nắm giữ một phần hoặc toàn quyền tài sản của Tam bảo thì phải:

Về tư lợi, không được lạm dụng tài sản chung.

Về lợi tha, phải hoá giải những mâu thuẫn, gây tranh chấp trong chúng.

(4) “Ứng sanh từ tâm...”: Đây là lời khuyên, vì sanh tâm từ bi thì sẽ cùng với chúng sanh được an vui. “Thiện hoà đầu tranh”, có nghĩa là những mâu thuẫn trong chúng, nếu chưa sanh khởi, thì đừng để phát sinh, sinh khởi rồi phải nỗ lực khôn khéo dập tắt ngay. “Thiện thủ Tam bảo vật”, có nghĩa là của cải Tam bảo thường trụ, không lạm dụng thất thoát. Dùng có chừng mực, đúng đắn, có độ lượng, hợp lý. Vật Tam bảo có 3 cách sử dụng: 1. Vật thuộc về Phật, có liên hệ đến Phật, thì chỉ dùng cho Phật (chú tượng, sơn tượng...); Vật thuộc về pháp, chỉ dùng cho pháp (in kinh, sách, tu bồ kinh sách, ấn tống kinh sách); Vật thuộc về Tăng, chỉ sử dụng cho Tăng sự (giúp đỡ cho Tăng học hành, phương tiện sinh hoạt hằng ngày của Tăng, tứ sự cúng dường...); 2. Đây là của cải Tam bảo, phải giữ gìn, không được lấy làm của mình, riêng dùng cho mình, cho gia đình mình và mặc lòng tiêu xài; 3. Của cải Tam bảo phải giữ gìn như chính giữ gìn pháp tài của mình, không để “hoặc” và “nghiệp” xâm phạm phá hoại.

Giới thứ hai mươi sáu:

Không được riêng thọ lợi dưỡng, không quan tâm đến khách Tăng¹.

Đức Phật dạy, nếu Phật tử đã thọ Bồ tát giới, ở trong một trú xứ mà mình là người ở trước, sau có vị Tỷ kheo hoặc Tỷ kheo Bồ tát, từ xa đến nghỉ lại trong trú xứ ấy, hoặc trong nhà cửa, hoặc tại thôn ấp thành thị, hoặc trong các nhà nghỉ tạm do quốc vương xây dựng², cho đến các nơi an cư kiết hạ, các đại hội thiết lập để làm phước, trai tăng bố thí... mình là Tăng sĩ

cụ trú, thì phải nghinh đón tiền đưa, cúng dường ăn uống, chăm sóc phòng ốc, giường chiếu, chăn nệm, tọa cụ... mỗi mỗi phải cung cấp đầy đủ, không được thiếu sót.

Trong trường hợp nếu không có sẵn của cải vật chất thì dù có hy sinh bản thân, con cái hay cắt da xẻo thịt³, thì cũng phải nỗ lực cung ứng đầy đủ cho khách Tăng.

Nếu thí chủ cung thỉnh chư Tăng, thì các vị khách Tăng cũng được dự phần lợi dưỡng. Cho nên vị chủ sự Tăng, phải theo thứ tự mà thỉnh⁴ khách Tăng thọ thỉnh. Nếu chư Tăng cụ trú, chỉ thọ thỉnh riêng mà không mời khách Tăng, thì vị chủ sự Tăng, thọ vô lượng tội⁵, không khác gì loài vật, không phải Sa môn, không phải dòng họ Thích⁶.

Bồ tát hành xử như vậy, phạm tội khinh cầu.

(1) Đây là dạy về một trong sáu hoà kinh, lợi hòa đồng quân. Tăng phải đầy đủ đức lục hòa, thiếu một trong 6 đức hòa kinh này thì toàn bộ Tăng thể đều mất, không còn là Tăng nữa. Vì tánh cách quan trọng như vậy cho nên đức Phật dạy chư Tăng không được riêng thọ lợi dưỡng, mà phải đồng thọ.

(2) Trong chánh văn “Quốc vương trạch xá”: Các quốc gia nào Phật giáo là quốc giáo, các vua, quan chức luôn luôn lập ra nhiều nhà cửa ở khắp nơi để làm chỗ nghỉ chân tu sĩ

hành khát và khách bộ hành nghỉ ngơi chốc lát, nhất là ở Ấn độ, xứ nóng bức. “Đại hội” là chỉ nơi có hội lễ lớn tập phước, trai tăng, bố thí, giúp đỡ bạn nghèo.

(3) “Ứng mãi tự thân”: Sử dụng chất xám, đem thân làm mướn, đem tài năng sức lực, tư tưởng của chính mình ra mà kiếm tiền để cúng dường, giúp đỡ, cung cấp vật dụng. “Cát tự thân nhục” để bố thí chúng sinh, là nói với tại gia Bồ tát, còn đối với người xuất gia là nói giả sử, để tự xét mình với các giá trị tinh thần mà người xuất gia phải có, thịt tự thân mà chẳng còn coi ra gì huống nữa là vật chất của cải bèo bọt của thế tục. Nói vậy là đề cao việc trọng ã khách Tăng.

(4) “Ứng thứ đệ sai”: Tăng chúng thì đông đảo, còn thí chủ thì nhà chật, của ít, không thể thỉnh một lần hết thầy Tăng đến một chỗ. Do đó vị chủ sự Tăng phải cắt đặt sai thỉnh ngày này số này ngày mai số khác, có khách Tăng thì phải quan tâm sai thỉnh, không được thiên vị mất hòa khí. Trừ khi vị khách Tăng ấy và nhà thí chủ không tương ưng nhau. Kinh ngạ quỷ vấn Mục Liên dạy: Ngạ quỷ hỏi Mục Liên: Suốt ngày tôi đói khổ, tìm đến nhà xí kiếm ăn, lại bị đại lực quỷ đánh lén đầu không cho kiếm ăn, là vì sao? Mục Liên trả lời: Vì kiếp trước làm chức chủ sự Tăng mà lẩn tiếc, không cúng dường chăm sóc khách Tăng. Thí chủ cúng dường không chia cho khách Tăng. Đàn việt cúng chúng mà không quân phân cho chúng, để riêng dùng nên tội lớn phải chịu.

(5) Thí chủ thỉnh Tăng cúng dường, vị chủ sự không sai khách Tăng đi thọ thỉnh, thì cuộc phó hội ấy, có bao nhiêu đồ vật và tùy giá trị đồ vật đó mà luận tội chủ sự nặng hoặc nhẹ, cho nên gọi là vô lượng tội.

(6) Dự súc sinh vô dị. Phi Sa môn. Phi thích chủng tánh: Không khác gì súc sanh. Không phải là Sa môn. Không phải con chủng tánh Thích Ca. Không có lời quở trách nào nặng hơn.

Vị chủ Tăng sự mà: Không niềm nở đón tiếp khách Tăng; không mời khách Tăng đi thọ thỉnh; không chia phần lợi dưỡng cho khách Tăng; chỉ riêng mình đi thọ thỉnh... làm như vậy: Không hợp tình người, trái lời Phật dạy, phi nhân loại nên “Dự súc sanh vô dị”. Trong đạo không hợp Tăng thể, trái lời Phật dạy, hoàn toàn đánh mất tinh thần lục hoà, cho nên gọi là “Phi Sa môn”. Trên không hợp tâm Phật, không biết tôn sư trọng đạo, cho nên gọi là “Phi thích chủng tánh”.

Giới thứ hai mươi bảy:

Không được thọ biệt thỉnh¹.

Đức Phật dạy, nếu Phật tử đã thọ Bồ tát giới, thì bất cứ trường hợp nào, cũng không nên thọ biệt thỉnh² để thu nhận lợi dưỡng về cho riêng mình. Bởi vì lợi dưỡng này, thuộc về mười phương Tăng, mà thọ nhân riêng biệt như vậy là lấy của mười phương Tăng làm của riêng mình. Và như vậy cũng là xâm phạm đến tài vật của Phật, của Thánh nhân, Sư Tăng, Phụ mẫu và người bệnh tật.

Trong tám loại phước điền này, mà Bồ tát chỉ dùng riêng một mình, phạm tội khinh cầu.

(1) Thọ biệt thỉnh là nhận mời trai tăng riêng, nhận cúng dường riêng, chứ không lợi hoà đồng quân cho chư Tăng; nhất là không chia xẻ cùng khách Tăng. Cho nên thọ biệt thỉnh là phá pháp lục hoà nên Phật răn cấm để giữ hòa hợp Tăng, không bị tan rã.

(2) Biệt thỉnh: Nôm na mời riêng, mời cúng dường riêng 1 vài người mà không thông qua pháp thứ đệ sai của chúng Tăng; ý nói ưa ai mời nấy, cả thí chủ mời và thành viên Tăng nhận lời đều sai trái tăng, pháp. Cho nên học giới 27 này và học giới 28 sau cấm thọ biệt thỉnh và cấm biệt thỉnh. Thí chủ thỉnh và Tăng thọ dưỡng đều phải thông qua pháp thứ đệ của Tăng pháp mới có ích lợi cho cả hai.

Trong trường hợp có khách Tăng, vị chủ sự Tăng tại trú xứ, có bổn phận hỏi han để sắp xếp sai thỉnh, bất luận vị khách Tăng ấy lưu lại lâu hay mau.

Thí chủ muốn cung thỉnh Tăng, thì đến chùa hỏi vị chủ sự Tăng trình bày ý muốn, chủ sự Tăng theo đó mà thỉnh tuân tự. Thí chủ muốn thỉnh mười phương Tăng, thì chư Tăng đi ít hay đi nhiều đều là đại diện 10 phương Tăng. Do đó thí chủ có phước lớn, mà chư Tăng cũng như pháp.

Giới thứ hai mươi tám:

Không được thỉnh Tăng riêng biệt¹.

Đức Phật dạy, nếu Phật tử đã thọ Bồ tát giới thì không luận là Bồ tát xuất gia², Bồ tát tại gia hoặc các nhà thí chủ³, khi muốn cung thỉnh chư Tăng để cúng dường tạo phước đức và cầu nguyện⁴, thì hãy đến Tăng phòng, gặp vị tri sự mà thưa rằng: Nay chúng

con muốn cung thỉnh chư Tăng cúng dường cầu nguyện. Bấy giờ vị tri sự bảo cho thí chủ biết rằng: Nếu thỉnh chư Tăng theo Tăng pháp thứ tự thỉnh, như vậy là thỉnh mười phương hiền thánh Tăng. Nếu thỉnh riêng biệt như người thế tục, thì dù thỉnh được 500 vị A La Hán thánh Tăng cũng không bằng thỉnh một phạm Tăng theo Tăng pháp thứ tự thỉnh⁵.

Thỉnh riêng biệt là pháp ngoại đạo. Trong Phật giáo từ bảy đời các đức Phật⁶, không có quy chế thỉnh riêng, vì không thuận lẽ đạo.

Nếu cố ý thỉnh riêng, phạm tội khinh cầu.

(1) Đây là giới điều răn các thí chủ không nên tự ý cung thỉnh Tăng riêng lẻ không đúng pháp. Học giới này từ học giới 27 ở trên mà có. Nghĩa là người nhận lời mời (thọ thỉnh) đã không nhận riêng; thì thí chủ cung thỉnh cũng không nên thỉnh riêng, kinh Bát Nhã nói: “Bất trú tướng bố thí, kỳ phước đức đẳng như hư không, trú tướng bố thí, tắc hoạch phước hữu hạn”. Vì vậy, đức Phật chế định giới này.

(2) Xuất gia Bồ tát: là người thế phát nhiếp y, thọ đại giới và Bồ tát tâm địa giới; còn người tại gia Bồ tát chỉ thọ 6 giới trọng và 28 giới khinh.

(3) Trong chánh văn là “Đàn việt”: Đàn việt là danh từ chỉ người cúng thí. Đàn là đàn na, dịch là hảo thí, người ưa làm việc bố thí để mong vượt khỏi những tâm lý tham lam bòn xén trong thế gian.

(4) Có người phát nguyện độ sanh. Hoặc muốn cầu gia đạo bình an. Hoặc cầu đạo nghe pháp. Hoặc cầu siêu thoát sinh cõi trời, người. Hoặc cầu sanh cõi Phật... Tất cả mọi sở nguyện sở cầu đều nên hướng về Tam bảo mà cầu, vì Tam bảo là thừa ruộng tốt nhất, từ đó sanh trưởng những thiện pháp. Ở đây chư Tăng sẽ hướng dẫn thí chủ như pháp thực hiện.

(5) Tại sao biệt thỉnh, dù thỉnh được 500 vị Thánh tăng, không bằng thứ đệ Thỉnh, dù chỉ được một phạm Tăng? Vì không như Tăng pháp thứ đệ như Phật dạy, biệt thỉnh có thể đưa đến phá lục hoà. Biệt thỉnh thì tâm trú trước, thiên ái.

Biệt thỉnh là pháp ngoại đạo. Trong phật giáo không có tâm phân biệt lựa chọn, không có tâm trước tướng cầu mong. Hơn nữa trong Phật giáo từ những đức Phật trước đến nay không có pháp biệt thỉnh. Biệt thỉnh cầu nguyện là không hợp hạnh hiếu đạo. Vì trên, trái lời dạy của bảy đức Phật. Giữa, trái với tâm bình đẳng, võ tướng. Dưới, chúng sanh mất lợi ích.

(6) Bảy đức Phật: Tức quá khứ Thất Phật: Kinh “Tam kiếp tam Thiên Phật danh” kể:

1. Quá khứ trang nghiêm kiếp: có 1000 Phật. 3 đức Phật cuối cùng là:

998: Phật Tỳ Ba Thi.

999: Phật Thi Khí.

100: Phật Tỳ Xá Phù.

2. Hiện tại Hiền kiếp: có 1000 đức Phật. 4 đức Phật đã thành chánh giác là:

0001: Phật Câu Lưu tôn.

0002: Phật Câu Na Hàm Mâu Ni.

0003: Phật Ca Diếp.

0004: Phật Thích Ca Mâu Ni. (Đây là thất Phật)

0005: Phật Di Lặc (Sẽ thành Phật)

...1000 sẽ là Phật Lô Lô Chí.(Phật cuối cùng hiện tại hiện kiếp)

3. Vị lai Tinh Tú kiếp: Có 1000 đức Phật.

0001: Phật Nguyệt Quang...

1000: Phật Tu Di Tướng.

Giới thứ hai mươi chín:

Không được sinh sống bằng Tà mạng¹.

Đức Phật dạy, nếu Phật tử đã thọ Bồ tát giới mà vì tâm xấu, tâm vụ lợi dưỡng², buôn bán sắc đẹp của người con trai, con gái; hoặc tự tay xay giã, làm thức ăn; hoặc xem tướng cho kẻ nam người nữ; giải mộng tốt xấu, đoán thai trai gái; hoặc sử dụng chú thuật, công nghệ tiểu xảo; điều khiển súc vật, luyện tập chim ưng để lùng bắt muông thú; hoặc pha chế trăm ngàn thứ độc dược như nọc rắn, nọc sâu³, vàng bạc sống... để giết hại sinh mạng. Như vậy, còn đâu là tâm từ bi, tâm hiếu thuận!

Bồ tát cố ý hành xử như vậy, phạm tội khinh cầu.

(1) “Tà mạng tự hoạt”: Tà mạng là sự sinh sống không chân chánh, thiếu nhân cách, thiếu từ tâm, trái giới luật Phật chế. Trái với tà mạng là chánh mạng. Sự sinh sống chân

chánh. Tự hoạt: Đòi sống chỉ nghĩ đến mình, trái với tự hoạt là vị nhân. Tà mạng tự hoạt, đòi sống sinh kế không chân chánh và chỉ để lợi mình.

Phật tử, Bồ tát, Tỷ kheo nên lấy pháp khát thực mà sinh sống. Xin giáo pháp, xin cơm đàn na để nuôi sống đời sống phạm hạnh thanh tịnh chân chánh, chứ không thể nuôi sống sắc thân bằng những sinh hoạt không chân chính, gọi là tà mạng.

Các sinh hoạt tà mạng thì nhiều, nhưng tóm tắt thì có 8 lỗi như được kể trong học giới này:

1. Buôn bán nam nữ sắc. Việc làm này làm ly tán cốt nhục, đòi phong bại tục... Đạo hay đời đều không được phép.

2. Tự tay làm lấy thức ăn: Như xay, giã, sàng... Phật dạy pháp thực của Tỷ kheo là nhờ người tịnh nhân trao, mình nhận rồi mới được phép ăn. Không cho Tỷ kheo tự mình tìm kiếm mưu sinh, mất oai nghi, tăng trưởng lòng tham. (Điều này để riêng cho xuất gia).

3. Xem tướng đàn ông đàn bà. “Chiêm”: chiêm, tự tiện chiêm đoạt cái phúc cái họa của người, không phải sở hành của Sa môn.

4. Giải, đoán điềm mộng đã thấy: Tức đoán việc lành việc dữ cho người, đây cũng không phải việc làm của Sa môn.

5. Đoán thai nam nữ: Đoán mò cho người mang thai, con trai hay bé gái. Cũng không việc làm chân chánh của Tỷ kheo, lại sinh tâm khởi nhiễm tâm.

6. Chú thuật, nghề nghiệp tiểu xảo: Chú là dùng các thần chú để đuổi tà xua ma quỷ, thu nhiếp hồn phách của người. Thuật là các loại huyền thuật, huyền sự để mê hoặc người.

Công xảo: Công nghệ tinh xảo. Đây cũng không phải việc làm chính đáng của Sa môn.

7. Điều Ưng: Điều luyện (luyện tập) các loài chim muông để săn bắt như chim Ưng, chó săn... để đánh bắt sinh mạng người vật. Những việc này đạo tặc điều cấm.

8. Chế độc dược: Độc dược có vô số thứ, ở đây chỉ nêu 3 loại:

a. Hòa trộn chế biến các loại nọc rắn độc để hại người, hại vật.

b. Hòa chế sanh kim, sanh ngân độc, vì vàng sống, bạc sống (chưa qua chế biến) tính chất nó rất độc, có thể giết hại người vật.

c. Hòa chế độc của sâu cỏ trùng để giết hại sinh mạng người vật.

(2) Ác tâm vị lợi: vì ác tâm chứ không phải thiện tâm vì đạo. Vì tư lợi cho mình, chứ không phải vì cứu giúp cái khổ của chúng sanh.

(3) Trong chánh văn là “Cổ độc”: Là độc của loài “Sâu cỏ”. Bắt 100 con hoặc 1000 con sâu cỏ này, nhốt chung vào một cái hộp, để chúng ăn lẫn nhau. Con nào được sống sót gọi là cỏ. Dùng phân con cỏ này, hoặc bắt nó tán nhỏ ra làm độc dược. Người bị độc sâu cỏ này, phát điên hoặc bị bệnh cỏ trướng. Bắt 100 hoặc 1000 con nhốt chung lấy phân của những con còn lại làm độc dược, gọi là “Cổ độc”. Việc làm này bất cứ đạo hay đời đều bị cấm kỵ.

Giới thứ ba mươi:

Không được không trân quý thời gian tốt¹.

Đức Phật dạy, nếu Phật tử đã thọ Bồ tát giới mà lại vì tâm địa xấu xa², tự mình huỷ báng Tam bảo, mà bên ngoài thì giả hiện tướng thiết tha cung kính. Mở miệng thì nói toàn tánh không mà khi làm thì toàn tướng có. Không từ bỏ bất cứ một mối lợi nhỏ nhất nào. Thậm chí còn tham gia vào công việc của thế tục³, vì thế tục làm mai đưa mối cho trai gái gặp nhau, gây nhiều hệ lụy buộc ràng, Không chịu giữ gìn trai tịnh sáu ngày mỗi tháng⁴, ba tháng mỗi năm⁵. Lại còn sát sanh trộm cắp, phá trai phạm giới.

Bồ tát hành xử như vậy, phạm tội khinh cầu.

Đây là mười giới nhẹ thứ 3, các vị nên học hỏi, thực tập và đem tâm cung kính mà phụng trì.

(1) “Hảo thời”: Thời gian tốt, thời gian tu tập, hành thiền bái sám... phải trân trọng, không nên lãng phí, trôi qua. Thời gian thấm thoát qua mau, không nên lười biếng, hững hờ. Nhất là trân trọng quý kính các ngày lục trai (14,15,23,29,30,1). Tam nguyệt trì trai (1,5,9) và các ngày vía Phật, Bồ tát. Trong những ngày này, chúng ta thực hiện 1 pháp hành nào đó để tạo công phước cho tự thân, chẳng hạn tụng 1 bộ kinh, tọa thiền, bố thí, phóng sanh... Ta phải biết quý trọng thời giờ, nhất là những tướng đến sự vô thường, để tăng cường trai tịnh... Vì đây là những ngày quý nhất.

Hơn nữa, những ngày, tháng, năm trai tịnh này, là những thời gian mà các vị Thiên vương tuần tra các việc thiện ác phước báo, nếu không có tâm kính trọng sẽ thất lợi.

(2) Dĩ ác tâm...: Vì ác tâm nên huỷ báng Tam bảo, mà bên ngoài thì giả bộ thiết tha cung kính. Tâm ấy không phải là tâm Bồ tát, tâm từ bi hiếu thuận tu hành của Bồ tát xuất gia. Miệng thì nói “Không” mà làm thì “Có”, không những thân mà còn miệng thì huỷ báng Tam bảo. Tâm bất chính thì thân không đoan; thân không đoan nên trăm việc không thật.

(3) Kinh Lý bạch y: Sửa sang sắp đặt công việc nhà của người thế tục. Làm quản gia, chủ trì, cai quản cho một gia đình cư sĩ. Bạch y, người áo trắng, chỉ người cư sĩ tại gia. Đây không phải là một việc làm của tỷ kheo. Tham gia, gánh vác, sửa sang, sắp đặt của nhà cư sĩ, dễ dàng đưa đến tiếng tăm không tốt cho người xuất gia. Để dành thời gian này cho việc trau dồi tam vô lậu học để giải thoát. Nhất là xen vào các công việc nhà thế tục như mai mối nam nữ, chạy mỗi đưa đường dẫn lối cho trai gái... không hề dính gì đến sự nghiệp giải thoát của người xuất gia.

(4) Lục trai nhật,...: Kinh tử Thiên vương chép: Chư thiên có bốn phận trong các ngày trai là quan sát các việc thiện, ác của nhân gian. Mỗi vị trời, trấn giữ 1 cõi và quan sát các việc thiện ác.

- Từ 8-23 hàng tháng: Là thời của các sứ thần quan sát ghi chép các việc thiện ác của nhân gian:

- 14 và 29: Sai các Thiên tử đi tuần hành.

- 15 và 30: Tứ Thiên vương đích thân quan sát.

- 28: Sai nhật nguyệt, ngũ tinh, các vì sao này xuống nhân gian quan sát lẽ thiện ác về trình lại các thiên Đế thích, Tứ

thiên vương. Khi chết, mới mở sổ ra xem và tùy tội phước mà xử trị.

(5) Tam nguyệt trai: Cũng theo kinh Tứ Thiên Vương, ba tháng trai trong năm (1,5,9), gọi là Tam thiên nguyệt: là 3 tháng hành, thuộc của thiên Đế Thích tuần tra. Thiên Đế Thích dùng gương sáng soi các cõi để thấy rõ các việc thiện ác của chúng sanh hiện lên trong gương. Gương này để lại trong cung điện của Thiên Đế Thích. Hàng năm được chiếu như sau:

Tháng 1: Chiếu Nam Thiên Bộ châu.

Tháng 2: Tây Ngưu Hoá châu.

Tháng 3: Bắc Cu Lô châu.

Tháng 4: Đông Thắng Thần châu.

Tháng 5: Nam Thiên Bộ châu.

Tháng 6: Tây Ngưu Hoá châu.

Tháng 7: Bắc Cu Lô châu.

Tháng 8: Đông Thắng Thần châu.

Tháng 9: Nam Thiên Bộ châu.

Tháng 10: Tây Ngưu Hóa châu.

Tháng 11: Bắc Cu Lô châu.

Tháng 12: Đông Thắng Thần châu.

Như vậy mỗi năm, bức gương này chiếu soi cõi Nam Thiên Bộ châu của chúng ta 3 lần, các việc thiện ác của chúng sanh. Phạm những động tâm cử niệm thiện ác của chúng ta đều được chiếu hiện rõ ràng trong gương. Cho nên Phật tử trong những tháng này nên trai giới, phóng sanh, tác thiện, bố thí, làm phước... Đã không làm mà còn sát sanh, trộm cắp, phá trai, phạm giới, làm tổn hại phước đức của người, của mình.

Kết thúc mười học giới thứ 3:

Tổng kết văn 10 giới trước.

Khuyên răn, nên thời thời, khắc khắc, tâm tâm niệm, hành trì tu tập học giới này, không được lơ là lãng quên.

Lần 9 thứ nhất

Giới thứ ba mươi mốt:

Không được không cứu sanh chuộc mạng¹.

Đức Phật dạy, nếu Phật tử đã thọ Bồ tát giới, sau khi Thế Tôn diệt độ², trong thời buổi nhiễu nhương, thấy ngoại đạo³, hoặc kẻ bất lương, hoặc kẻ đạo tặc đem hình tượng Phật, hình tượng Bồ tát đi bán, bán kinh bán luật⁴, bán dụng cụ thờ cúng cha mẹ. Hoặc thấy những kẻ xấu này, mua chuộc bắt ép Tỷ kheo, Tỷ kheo ni, các vị Bồ tát mới phát tâm Bồ đề, đem bán cho các quan lại sai sử, hoặc bán cho những người khác làm nô bộc tỳ thiếp.

Bồ tát khi thấy tình cảnh như vậy, nên sanh tâm thương xót, tìm mọi phương tiện cứu giúp⁵, đồng thời, khuyến hoá mọi người bỏ tài sản để chuộc lại tượng Phật, tượng Bồ tát, các Tỷ kheo, Tỷ kheo ni, các vị Bồ tát mới phát tâm và tất cả kinh luật.

Bồ tát nếu không làm như vậy, phạm tội khinh cấu.

(1) Bồ tát có phận sự hộ trì Tam bảo, cứu hộ chúng sanh. Nếu thấy Tam bảo lâm nạn mà không cấp tốc cứu hộ, thì Tam bảo bị suy vong và chúng sanh nương vào đâu mà tu tâm hành thiện, tức mất ruộng phước hạt giống, không biết gieo vào đâu.

(2) Phật diệt hậu: Phật còn tại thế thì hiếm có việc này, chỉ sau Phật diệt độ mới có những việc thất từ bi tâm.

(3) Ngoại đạo: Là những người chấp nhiều thứ tà kiến, trái với chánh kiến, chánh giải. Ác nhân: Là những người đoạn tuệ mạng Phật. Hai hạng người này luôn luôn tranh chấp với Phật, với Tăng, trộm vật Tam bảo.

(4) Kinh Luật... Kinh để khai tâm mở tánh để chúng đắc lẽ chân thường. Luật để ngăn ngừa tam nghiệp, làm thanh tịnh sáu căn thành tựu giải thoát, nở nào đem bán. Bán kinh luật là huỷ diệt pháp bảo.

Bán đồ thờ, hình tượng cha mẹ, tượng Phật, tượng Bồ tát. Phật là đại từ phụ, Bồ tát đại từ mẫu, năng dự chúng sanh lạc, năng bạt chúng sanh khổ... Đáng để cung kính cúng dường lễ nào thấy bán mà không động từ tâm. Nếu bán và thấy bán mà không tìm phương tiện chuộc lại là phá huỷ Phật bảo.

Tăng Ni là người làm ruộng phước cho nhân sinh, là trụ thế Tăng bảo, ép bán, áp chế là phá huỷ Tăng bảo.

Tóm lại, tượng Phật, tượng Bồ tát, kinh luật, dụng cụ thờ cúng, Tỷ kheo Tăng ni, Bồ tát phát tâm... là tổng thể đạo lực tứ chúng của Phật pháp, đem ra buôn bán, trộm cắp là một trọng tội đối với Tam bảo.

(5) Trước tình trạng đó, Bồ tát tìm phương tiện cứu giúp, bằng cách khuyến hóa xin tài vật để chuộc lại:

• Tượng Phật, Bồ tát: Để như pháp cúng dường, khiến mọi người thấy vậy mà phát tâm nương tựa, được phước, diệt tội.

• Kinh luật: Để pháp luân tồn tại, và lưu chuyển trong thế gian, nhờ đó chuyển mê khai ngộ.

• Tỷ kheo, Tỷ kheo ni: Để khiến họ ly khổ nạn, tiếp tục an ổn hành hoá.

Đó là phận sự hộ trì Tam bảo, là thực hành Bồ tát đạo. Nếu không là Bồ tát không như pháp hành đạo.

Giới thứ ba mươi hai:

Không được tổn hại chúng sanh.

Đức Phật dạy, nếu Phật tử đã thọ Bồ tát giới, không được buôn bán các loại dụng cụ mang tính tổn hại chúng sanh, như cung tên, đao, gậy¹, cân non, đầu nhỏ²... Hoặc dựa thế quyền, tước đoạt tài sản³ của người, đem tâm độc ác, trói giam hại người⁴, phá hoại thành quả của kẻ khác; hoặc nuôi mèo, chồn, heo, chó⁵... Bồ tát cố ý hành xử như vậy, phạm tội khinh cầu.

(1) Dao, gậy, cung tên... Là những khí giới mang ác tính, làm tổn thương sinh mạng, khởi ác tâm.

(2) Cân non, đầu nhỏ... Tổn hại của cải vật chất kiếm sống của chúng sanh, nhất là trong các sinh kế buôn bán giao dịch.

(3) Cây thế tức đoạt tài vật: Thương tổn từ tâm của Bồ tát, tổn hại tài sản của chúng sanh, gián tiếp giết hại chúng sanh.

(4) Cây quyền uy thế lực trói buộc giam cầm người: Là việc làm của kẻ cầm quyền, tổn hại nhân thể người khác, tổn thương từ tâm của Bồ tát, phá hoại sự nghiệp, thành quả của người khác đều không phải là tâm của người xuất gia.

(5) Mèo, Chồn, Hồ, Lang, Sói... Là những loài ăn thịt các loài khác, tổn thương tâm từ bi, thương tổn sinh mạng chúng sanh, Bồ tát không được làm.

Giới thứ ba mươi ba:

Không được tà tâm phóng túng¹.

Đức Phật dạy, nếu Phật tử đã thọ Bồ tát giới, không được đem tâm xấu ác, cố ý đến xem nam nữ đấu võ², quân tướng dàn trận đánh nhau, hoặc những nơi giặc cướp tranh dành nhau của cải cướp được³.

Cũng không được xem đánh trống thổi kèn⁴, đánh đàn sắt, đàn cầm, đàn tranh, đàn không hầu, thổi ống tiêu, ống địch, hoặc những lời ca điệu múa của các ca sĩ, nhạc công⁵.

Lại cũng không được cờ bạc⁶, bói toán⁷, từ trò du hí cho đến đồng bóng xin xăm, coi quẻ, đoán việc tốt xấu. Cũng không được làm liên lạc cho kẻ đạo tặc trộm cướp.

Những việc như trên, nhất thiết không được làm.

Nếu Bồ tát cố ý làm, phạm tội khinh cầu.

(1) Trong chánh văn là “Tà nghiệp giác quán”. “Tà nghiệp” là trái lại với chánh nghiệp. “Giác quán”. Giác, là sáng suốt, không phải mê, quán là quán sát. Thể của giác thì vốn không có tà chánh. Sở dĩ có tà có chánh là do quán sát. Giác quán phân biệt tư duy. Trong quán sát:

- Nếu bị vật lay chuyển thì gọi tà nghiệp giác quán.
- Nếu không bị vật lay chuyển thì gọi chánh nghiệp giác quán. Sở dĩ có giới thứ 33 này là do sợ sơ tâm của Bồ tát chưa vững, sự quán chiếu chưa thuần thục.

(2) “Quán nhất thiết nam nữ đẳng đẩu”: Là nói về sự tương ứng của tà nghiệp giác quán. “Quán” là chủ thể năng quán; “Nhất thiết nam nữ đẳng”... Là cảnh đối tượng sở quán: Nam nữ vui chơi nhảy múa, hoặc nam nữ giận nhau, đẩu võ... Hoặc quân đội đánh nhau.

(3) “Kiếp tặc đẳng đẩu”: Kẻ đạo tặc tranh đoạt nhau tài sản cướp được.

Tất cả các điều (2) (3) đều có quan hệ đến nhãn căn (con mắt xem), làm tâm động. Đây chính là để can ngăn nhãn quan cốt ngăn ngừa tâm vọng động, tâm không bị cảnh làm lay động. Muốn cho nhãn căn được thanh tịnh, thì tâm cũng tịnh thân. Vì thế đức Phật luôn dạy chúng ta hãy luôn cộng chiến với ma ngũ âm là vậy.

(4) Không được nghe các loại âm thanh: Thối, đánh... Trên đây vừa nói đến gia đình họ mắt; Nay nói đến gia đình họ tai. Gia đình họ mắt, không được tà quán, thì gia đình họ tai không được tà thính. Nhờ đó mà nhĩ căn được thanh tịnh, không bị vật tiềm đoạt sai sử.

(5) Về ca vũ: 1. Bối: Loa thổi, Con ốc, dùng vỏ ốc làm kèn, tù và... thổi lên để tấu nhạc; 2. Giác: Sừng, mỏ sừng, có nơi dịch là còi sừng, tù và làm bằng sừng trâu, mõ bằng sừng trâu. Quân đội dùng còi bằng sừng làm còi lệnh, rúc lên làm cho ngựa đói phương hoãn sợ mà chạy loạn. (Rợ Hồ dùng còi sừng thổi lên làm cho ngựa Trung Quốc kinh hoảng); 3. Cầm: Đàn cầm, còn gọi là nhã cầm. Đây là một loại nhạc cụ. Xưa có 5 giây, nay 7 giây dài 3m6; 4. Sắt: Đàn sắt, xưa có 50 giây, nay 25 giây. Do nhạc sĩ Bào Hy sáng chế; 5. Tranh: Đàn tranh, Có 15 giây, do Mộng Điềm sáng chế; 6. Địch: Ống sáo, ống tiêu, làm bằng ống tre có 7 lỗ, thổi dọc gọi là tiêu, thổi ngang gọi là địch; 7. Không hầu: Đàn không hầu, một loại nhạc khí có 24 giây. Giống đàn cầm, đàn sắt nhưng nhỏ hơn, do Sư Duyên sáng chế. Đây là 7 loại nhạc khí. Âm thanh do nhạc khí mà có. Ngoài ra còn có “Ca khiêu kỹ nhạc”: Là tiếng hát lời ca là âm thanh từ con người phát ra. Hễ vào tai thì cũng làm cho tâm vọng động. Nên không được nghe ngóng.

(6) Về cờ bạc: Xư bồ Vi Kỳ: Cũng chính là để cho thân căn được thanh tịnh; 1. Xư bồ: Xư là cây Xư, một thứ cây gỗ vô dụng. Người bắt tài vô tướng không dùng được vào việc gì cả gọi là xư tài. Xư bồ: Là đánh xư bồ, là tên gọi một loại cờ bạc ngày xưa ở Trung Quốc. Còn gọi là đánh ngũ mộc; 2. Vi kỳ: Cờ vây, cờ dịch, tục truyền do vua Nghiêu chế; 3. Ba la là tiếng Ấn, Tắc hý là tiếng Hoa. Một trò chơi dùng hoa ngữ và Ấn ngữ ghép chung làm một. Một trò chơi làm cho đối phương bí lối đi nên phải thua. Nay gọi là cờ tướng; 4. Đạn kỳ: Cờ đạn, vật tròn, viên đạn tròn chọi vào lỗ, chọi vào nhau (bi da); 5. Lục bát: Cờ lục bát. Cờ song lục. Hai phía đất, 2 phe, vùng đất bên này vùng đất bên kia; 6. Phách cúc: Đá cầu, bóng, đá

banh; 7. Trịch thạch: Nay là đầu Hồ. Hồ là Bình đựng, rượu. Đầu là gieo, ném, đôi. Đầu Hồ là một trò chơi, lấy những que nhỏ, vật nhỏ ném vào một cái bình, ai ném vào bình được nhiều là người thắng cuộc. Xưa ném bằng đá, nay bằng que; 8. Khiên đạo, bát đạo: Chướng ngại vật, tấn thoái lưỡng nan, để đua ngựa; 9. Hành thành: Trên một thành cao, đi hoặc chạy trên đó, ai không bị té là thắng cuộc, cũng chỉ là cờ bạc

(7) Bói toán: 1. Trảo cảnh: Dùng thuốc đã được chú thuật, bôi lên móng tay, bóng loáng như gương soi, để đoán điềm tốt xấu hiện ra trên đó. Hoặc bôi lên gương, lên vách tường cũng vậy. Người Trung Hoa gọi là phép bói ngời sáng; 2. Thi thảo: Cỏ thi, lá nhỏ, dài, có từng kẻ nhỏ. Cỏ thi mọc trên mộ vua Văn Vương. Một bụi có cả trăm nhánh. Bông nhỏ giống hoa Kim cúc. Xưa dùng để bói, gọi là bói thi, bói dịch; 3. Dương chi: Cành dương. Bói bằng cành dương liễu. Vị thần ghé bên tai người mách bảo điềm phúc họa tốt xấu cho người biết; 4. Bát bồn: Túc chén bát, kiểu bói bằng nước đựng trong chén bát; 5. Độc lâu: Cái đầu lâu, không nơi nương tựa. Dùng đầu lâu chú nguyện vào cho linh rồi nghiêng tai nghe mách thăm về việc tốt xấu; 6. Bốc: Bói bằng mai rùa; 7. Phệ hoặc thệ: Bói toán bằng cỏ thi.

Dùng chung ba loại: Ca vỹ. Cờ bạc. Bói toán cho dễ nhớ.

Giới thứ ba mươi bốn:

Không được khởi niệm nghĩ đến Tiểu thừa¹.

Đức Phật dạy, nếu Phật tử đã thọ Bồ tát giới, thì phải hộ trì giới cấm, cả bốn oai nghi đi-đứng-nằm-ngồi, cả ngày lẫn đêm trong cả sáu thời đọc tụng giới

pháp² ấy; giữ gìn với tâm kiên cố như chất kim cương; giữ như bám vào phao bơi qua biển³ cả; Như vị Tỷ kheo trì giới bị trôi bằng ngọn cỏ non⁴. Như vậy để nơi mình luôn luôn được sanh khởi đức tin cao cả của Đại thừa và tin chắc rằng mình là Phật sẽ thành, mà chớ Phật là Phật đã thành. Tin tưởng như vậy, không một phút giây thôi thất tâm Bồ đề.

Nếu Bồ tát khởi niệm, dù chỉ một niệm thôi, nghĩ tưởng đến nhị thừa ngoại đạo, phạm tội khinh cầu.

(1) Xưa tiền thân Xá Lợi Phất hành Bồ tát hạnh, gặp một bà La môn, năn nỉ xin con mắt của Xá Lợi Phất. Xá Lợi Phất bảo: Mắt ở trong thân tôi, nên mới sử dụng được, nếu rời khỏi thân tôi thì mắt hết tác dụng, ông xin làm gì? Vị Ba La Môn bảo, người tu Bồ tát hạnh, ai xin gì cho nấy, hà tất phải nói dùng được hay không dùng được! Bấy giờ Xá Lợi Phất, móc mắt đưa cho ông. Ông đưa lên mũi người và nói: Thứ thịt sống này tanh hôi, không dùng làm gì được, rồi nhỏ nước bọt và bỏ đi.

Xá Lợi Phất thâm cảm, hành Bồ tát hạnh thật là khó! Chỉ trong một niệm mà bỏ giới, thôi đọa làm Thanh văn đến hai mươi tiêu kiếp. Vì vậy, mà Phật răn cấm giới này.

(2) Đọc tụng giới pháp: Ở đây không những đọc tụng Bồ tát giới, mà nói tắt là thực tập đầy đủ năm hạnh: 1. Thọ trì; 2. Đọc tụng (tụng giới mỗi nửa tháng); 3. Chánh ức niệm (luôn không quên); 4. Giải nghĩa Thú (hiểu ý nghĩa giới tướng); 5. Như thuyết hành (hành trì).

(3) Phù nang: Dụng cụ vượt biển (phao nổi). Xưa có một thương gia, cầm phù nang vượt biển, giữa biển gặp một con quỉ la sát, theo xin chiếc nang. Thương nhân không cho, La sát năn nỉ xin 1/2 cái, cũng không được lại xin 1/4, thương nhân vẫn không thoả mãn. Vì sao? Vì mạng sống người thương nhân là ở chiếc phù nang ấy. Phù nang bị phá rách thủng thì bển bờ không vào được, mạng sống đe dọa. Người xuất gia đối với giới pháp cũng vậy. Giới luật là dụng cụ để vượt biển sanh tử. Giới bị rách, bị thủng thì bển sanh tử không vượt qua được.

(4) Thảo hệ Tỷ Kheo: Vị Tỷ kheo bị trói bằng ngọn cỏ, để chỉ tâm từ bi của vị Tỷ kheo trì giới Phật (không được bứt cỏ, không làm tổn thương cỏ cây).

Chuyện kể, có các vị Tỷ kheo đi qua một khu rừng vắng, bị bọn cướp lấy hết y phục, bình bát tư cụ tuỳ thân. Họ sợ vị Tỷ kheo tố cáo, nên định tâm giết hại. Nhưng trong nhóm họ có người ngăn không cho giết, vì biết các vị Tỷ kheo giữ giới không bứt cỏ non, không dẫm lên cỏ cây nên bàn nhau đem các vị Tỷ kheo buộc vào một bụi cỏ, rồi bỏ đi. Các vị Tỷ kheo không dám cử động, sợ cỏ bị tổn thương, bị chết, nên cam chịu ngồi yên. Thế là bọn cướp thắng trận. Sau nhiều tiếng đồng hồ, may các vị Tỷ kheo gặp được đoàn người đi buôn giúp mở trói cho các vị Tỷ kheo.

Các vị có thể đặt câu hỏi, đây là câu chuyện của Nam tông, sao lại dẫn lại trong kinh điển Đại thừa? Xin thưa. Tiểu thừa Thanh văn không trông cầu làm Phật mà còn giữ gìn giới pháp kiên trì như vậy, huống nữa là Đại thừa kiêm lợi tha.

Giới thứ ba mươi lăm:

Không được không phát đại nguyện¹.

Đức Phật dạy, nếu Phật tử đã thọ Bồ tát giới, thường nên phát đại nguyện, hiếu thuận với cha mẹ, sư Tăng, nguyện được gặp minh sư được gần gũi các bậc thiện tri thức đồng học để được dạy dỗ kinh luật Đại thừa, hướng dẫn thực tập mười tâm Phát thú, mười tâm Trưởng dưỡng, mười tâm Kim cang, mười Địa. Như vậy, để mở mang trí tuệ và như pháp tu hành. Kiên trì giữ gìn giới pháp chư Phật, dù có phải tán thân thất mạng, cũng không một niệm xả bỏ tâm nguyện.

Nếu Bồ tát không phát nguyện như vậy, phạm tội khinh cấu.

(1) Nguyện: Nguyện thì có vô lượng, nhưng ở học giới này thì bao gồm 10 nguyện: 1. Hiếu thuận với cha mẹ; 2. Nguyện được gần gũi thấy có đức hạnh; 3. Nguyện cầu được gần gũi với bạn hiền đồng học; 4. Nguyện cầu được hiểu rõ Đại thừa kinh luật; 5. Nguyện cầu được tu tập mười tâm phát thú (Trú); 6. Nguyện cầu được tu tập mười tâm trưởng dưỡng (Hạnh); 7. Nguyện cầu được mười tâm Kim cang (Hướng); 8. Nguyện cầu được tu tập mười địa (Thánh vị); 9. Nguyện cầu được như pháp tu hành, khai giải Phật thừa; 10. Nguyện cầu được kiên trì giới luật.

• Cha mẹ có công sinh dưỡng, sư Tăng có đức giáo giới thì tất nhiên phải hiếu thuận mà không dám trái. Vậy thì tại sao

phải phát nguyện? Là bởi vì, Tiểu thừa giới, Tỷ kheo vì đạo, đối với cha mẹ, nếu chưa thể chấm dứt được bốn phận phải phụng dưỡng, nên Tỷ kheo xin ăn phải chia xẻ cho cha mẹ phần nữa. Tuy là hiếu, nhưng như vậy không phải lớn lao lắm. Nay trong giới pháp Đại thừa, Tỷ kheo Bồ tát xem chúng sanh như cha mẹ mình. Nếu không phát nguyện hiếu thuận thì e không kịp với tinh thần Thanh văn, tâm không thường, không cùng khắp, nên phải phát nguyện.

• Thầy thì có Đại thừa, Tiểu thừa: chánh kiến tà kiến: Có giải không hạnh, có hạnh không giải... Sai thù. Ở đây cầu thầy tốt là cầu vị thầy chánh tri chánh kiến và hạnh giải kiêm toàn, đạo phong đỉnh đạc. Ở trên nói sư Tăng là nói về sự cung kính thừa sự. Ở đây nói hảo sư là nói về phương diện minh sư cầu đạo.

Giới thứ ba mươi sáu:

Bồ tát sau khi phát nguyện, phải phát thệ¹.

Đức Phật dạy, nếu Phật tử đã thọ Bồ tát giới, sau khi đã phát mười đại nguyện để hành trì cấm giới, thì nay phải phát những lời thệ rằng: Thà đem thân này nhẩy vào hầm lửa, hang sâu hoặc núi đao, quyết không huỷ phạm kinh luật của ba đời chư Phật, để hành bất tịnh hạnh với phái nữ (hoặc phái nam). Lại phát lời thệ rằng, thà dùng trăm ngàn lớp lưới sắt hừng đỏ, quấn vào thân mình, quyết không đem thân phá giới này mà thọ dụng mọi thứ y phục của tín tâm Đàn việt. Lại phát lời thệ rằng, dù miệng này có nuốt

Hoàn sắt nóng, uống dòng lửa cháy, trăm kiếp ngàn đời, quyết không bao giờ đem miệng phá giới này, ăn trăm thứ thức ăn vị uống của tín tâm Đàn việt. Lại phát lời thệ rằng, dù cho thân này có phải nằm ngòì trên hầm lửa lớn, trên lưới sắt cháy đỏ, quyết không đem thân phá giới này để thọ dụng trăm thứ giường nằm, chõ ngòì của tín tâm Đàn việt. Lại phát lời thệ rằng, dù cho thân này có chịu phải đâm chích bằng 300 mũi kim nhọn, đau đớn một kiếp hai kiếp cũng cam chịu, quyết không đem thân phá giới này để thọ dụng trăm thứ thuốc thang của tín tâm Đàn việt. Lại phát lời thệ rằng, dù thân này có nhảy vào vạc nước đồng sôi, trải qua trăm kiếp ngàn đời vẫn cam chịu, quyết không đem thân phá giới này thọ dụng của tín tâm Đàn việt trăm ngàn thứ, phòng xá, nhà cửa, ruộng vườn, đất đai. Lại phát lời thệ rằng, dù cho thân này có bị đánh đập bằng gậy sắt từ đầu đến chân, nát tan như đất bụi, cũng cam chịu, quyết không đem thân phá giới này mà thọ dụng sự cung kính lễ bái của tín tâm Đàn việt. Lại phát lời thệ rằng, dù có phải đem trăm ngàn mũi dao nhọn nung cháy đâm vào mắt cũng cam chịu, quyết không đem tâm niệm phá giới này để nhìn thấy sắc đẹp.

Lại phát lời thệ rằng, thà đem trăm ngàn dao nhọn đâm vào tai, trải qua một hai kiếp, quyết không đem tâm phá giới để được nghe tiếng hay.

Lại phát lời thệ rằng, thà dùng trăm ngàn dao bén xẻo mũi, quyết không đem tâm phá giới để được ngửi mùi thơm. Lại phát lời thệ rằng, thà dùng trăm ngàn dao bén cắt lưỡi, quyết không đem tâm phá giới để được nếm trăm thứ tịnh thực của Đàng việt cúng dường. Lại phát lời thệ rằng, thà dùng lưỡi búa sắt chém bỏ thân thể, quyết không đem tâm phá giới để được đụng chạm vào các thứ súc giác êm dịu. Lại phát lời thệ rằng, quyết làm cho tất cả chúng sanh, ai nấy đều được thành Phật.

Bồ tát không phát những lời thệ như vậy, phạm tội khinh cầu.

(1) Toàn bộ học giới này, tóm thâu trong bốn loại thệ nguyện như sau:

1. Thề không có những hành động phi phạm: Phi phạm hạnh chỉ có 1 lời thệ duy nhất và vấn đề dục tính để làm hành giả phá giới nên đề cập đến trước.

2. Thề không dôi thọ cúng dường: Có 6 loại vì nhu cầu vật chất ăn uống cũng để làm ta phá giới: 1. Thề không thọ dụng y phục, nếu tâm phá giới; 2. Thề không thọ dụng thức ăn uống, nếu tâm phá giới; 3. Thề không thọ dụng giường nằm chỗ ngồi, nếu tâm phá giới; 4. Thề không thọ dụng thuốc men,

nếu tâm phá giới; 5. Thẻ không thọ dụng phòng ốc nhà cửa, đất đai, ruộng vườn, nếu tâm phá giới; 6. Thẻ không thọ dụng sự lễ bái, nếu tâm phá giới, vì thọ dụng lễ bái là phước của chủ, mà tội của Tăng.

3. Thẻ không để nhiệm ô 5 căn, vì 5 căn cũng chứng tỏ những cảm giác có thể làm ta phá giới. (5 căn không tiếp xúc 5 trần bằng tâm (ý thức) phá giới): 1. Thẻ làm tịnh nhãn căn; 2. Thẻ làm tịnh nhĩ căn; 3. Thẻ làm tịnh Tỷ căn; 4. Thẻ làm tịnh thiệt căn; 5. Thẻ làm tịnh thân căn.

Ba loại lời thẻ trên đây gồm 12 lời, là thuộc hạnh tư lợi.

Loại thứ 4 sau đây là thuộc lợi tha, là tổng quát và căn bản.

4. Thẻ độ thoát hết thầy chúng sanh thành Phật, không riêng gì mình thanh tịnh giải thoát.

Giới thứ ba mươi bảy:

Không được mạo hiểm du hành đến những nơi có thể gặp tai nạn.

Đức Phật dạy, nếu Phật tử đã thọ Bồ tát giới, mỗi năm hai kỳ thực hành hạnh đầu đà¹. Mùa đông mùa hạ thì phải toạ thiền, kết hạ an cư. Thực tập hạnh đầu đà thì thường dùng cành dương làm tấm, nước bò kết để tắm rửa, ba y, bình bát, tọa cụ, tích trượng, lò hương, dây lọc nước, khăn tay, dao con, dụng cụ lấy lửa, nhíp, giường giầy, kinh, luật Bồ tát, tượng Phật hoặc Bồ tát.

Vị Bồ tát thực tập hạnh đầu đà, khi du phương hành hóa, đi lại trong vòng trăm dặm, ngàn dặm, thì mười tám vật² này phải luôn luôn mang theo bên mình.

Trong hai kỳ thực tập đầu đà, từ rằm tháng Giêng đến rằm tháng ba và từ rằm tháng tám đến rằm tháng mười, mười tám vật này phải luôn luôn có bên mình, như hai cánh của loài chim vậy.

Đến ngày Bồ tát, tân học Bồ tát³, thường cứ mỗi nửa tháng Bồ tát tụng giới pháp này, tức tụng mười giới nặng và bốn mươi tám giới nhẹ. Khi tụng giới thì phải đứng trước tượng Phật, tượng Bồ tát mà tụng. Nếu chỉ có một người Bồ tát thì một người tụng. Nếu hai người, ba người, cho đến trăm người, ngàn người thì cũng một người tụng, đại chúng lắng nghe. Người tụng ngồi trên cao còn đại chúng thỉnh giới ngồi chỗ thấp hơn, và ai ai cũng đáp y chín điều, bảy điều hoặc năm điều. Nhất là trong mùa kiết hạ an cư, mỗi mỗi đều phải như pháp mà hành trì.

Còn khi thực tập hạnh đầu đà, thì không nên ở những chỗ thường có tai nạn, như ở chỗ biên giới nguy hiểm, chỗ quốc vương hung bạo, chỗ đất đai quá thấp hay quá cao, chỗ có cỏ cây quá âm u rậm rạp, nhiều sư tử lang sói, chỗ hay xảy ra thiên tai bão

lụt, hoả hoạn, chỗ nhiều trộm cướp, đường đi có lắm rắn độc.

Nói tóm lại, tất cả những chỗ nạn xứ⁴ như vậy, đều nên tránh xa, không nên bước vào.

Thực hành hạnh đầu đà hoặc kiết hạ an cư, đều không được thực hành ở nơi có nạn xứ.

Bồ tát cố ý bước vào chỗ có nạn xứ, phạm tội khinh cầu.

(1) Đầu đà: (dhudanga) dịch là đào thải, tu trị, đầu tẩu. Có nghĩa đập rũ sạch trần cấu, phải bỏ mọi phiền não làm vương bận thân tâm. Đây là một hạnh tu gọi là hạnh đầu đà. Kinh pali chép 13 nếp, kinh Trung Hoa chép có 12 nếp, tức là 12 nếp sống gian khổ, đơn bạc.

Luận Du Đà nói về sự tham lam, ăn uống, mặc, ở không thuận cho đời sống phạm hạnh, ví như: lông thú mà không đập rũ thì không thể làm nên thảm, chăn... Đầu đà đập rũ hết mọi sự tham lam để thành tựu phạm hạnh.

Luận Trí Độ nói: Phật pháp chỉ lấy tuệ giác làm căn bản, không lấy khổ hạnh làm ưu tiên. Nhưng 12 hạnh đầu đà giúp cho tuệ giác thành tựu, nên Phật thường khen ngợi, 12 hạnh là :

* **Về mặc:** có hai: 1. 3 y phân tảo; 2. Chỉ may mặc nội 3 y thôi.

* **Về ăn:** Có năm: 3. Thường hành khát thực; 4. Thứ đệ khát thực; 5. Nhất tọa thực; 6. Tiết lương thực (ăn nội trong bát); 7. Không ăn quá ngộ.

* **Vê ở:** Có năm; 8. Ở chỗ vắng, yên tĩnh; 9. Thọ hạ tọa; 10. Lộ địa tọa (đứng, ngồi chỗ vắng); 11. Ở chỗ mờ mịt (để dàng quán sự vô thường); 12. Thường tọa bất ngoa.

(2) 18 Vật tùy thân. Tu hạnh đầu đà và du hóa luôn luôn phải có đầy đủ bên thân 18 vật này: 1. Tắm (chải răng) là tinh khẩu nghiệp; 2. Tháo đậu: Nhu cầu cho rửa, tắm, giặt như bò kết, tro, xà phòng: Tịnh thân nghiệp; 3. Bình thủy: dụng cụ, bình, chai... đựng nước uống: Tịnh ý nghiệp; 4. Bát: Dụng cụ để đựng thức ăn khát được; Tri túc, ly tà mạng thực, chỉ khát thực; 5. Chỉ 3 y: Trừ 3 độc tham sân si; 6. Tọa cụ: An nghỉ phần pháp thân (Giới, định, tuệ, giải thoát và giải thoát tri kiến pháp thân); 7. Tích trượng: Phòng thú dữ, báo hiệu dò nước sâu cạn để lội qua. Cảnh giác tự thân tâm trước mọi ma chướng; 8. Hương: Giới đức luôn ngát hương; 9. Lò trầm: Trì giới kiên cố, biểu hiện đức tin; 10. Đầy lọc nước: Đức từ bi luôn luôn hộ sanh, chuộc mạng; 11. Khăn tay: Lau sạch mồ hôi tầm quý; 12. Nhiếp tử: Dao cạo, hàng phục ma chướng phiền não; 13. Dụng cụ lấy lửa: Khai trí tuệ, phá si ám; 14. Nhíp nhổ râu, gai: Nhổ sạch phiền não; 15. Giường dây: Vững gọn gàng. Pháp toà không toà; 16. Kinh luật: Xiển dương bản nguyên tâm địa; 17. Tượng Phật: Cự quả Như Lai; 18. Tượng Bồ tát: Diệu nhân của Bồ tát để thành tựu Cự quả.

(3) Tân học Bồ tát: Nói tân học Bồ tát là vì các vị này còn mới mẻ, chưa quen biết, chưa hiểu rõ, nên phải nhắc nhở chứ không phải chỉ nhắc nhở tân học Bồ tát mà cựu học thì không. Vì 3 đời chư Phật đều nối tiếp nhau tụng giới.

Ngày xưa Phật còn tại thế, có 1 Tỷ kheo đã chứng La hán, đến ngày tụng giới, tự nghĩ rằng tâm mình đã thanh tịnh, không cần đi Bồ tát tụng giới, ngồi nhà tham thiền nhập định

cũng được. Đức Phật ở tại tịnh xá Kỳ hoàn, quán biết tâm niệm vị A La hán này, Ngài vận dụng thần thông đến nói và hỏi: Hôm sau là ngày gì?

- Ngày chur Tăng tụng giới. Sao Thầy không đi thính giới?

- Bạch, con nghĩ tọa thiền cũng như thính giới.

- Phật dạy rằng: Thầy không đi thính giới thì ai đi? Vẫn biết thầy thanh tịnh, nhưng sau này sẽ có thầy tâm không thanh tịnh. họ cũng theo gương thầy mà không đi thính giới. Thì đó là một tệ trạng bắt đầu manh nha.

Vị Tỷ kheo ấy, vị A La Hán ấy đành lễ sám hối Phật rồi theo Phật về tu viện Kỳ Hoàn cùng chur Tăng tụng giới. Đức Phật không dùng thần thông nữa mà đi bộ để các vị La Hán cùng đi theo. Đức Phật là vậy đó. Ngài trọng ngày Bồ tát, ngày tụng giới như vậy đó. Còn chúng ta, ai nấy nên nỗ lực mà thực hành để làm đồng lương cho hậu thế.

Lại có chuyện kể, ở đất Nghiệp, chùa Bảo Minh, có vị sư hiệu Vân Khâm, làm quản chúng 1 tu viện, ngày 14 tháng tư năm đó, tập chúng Bồ tát, tụng giới, sư thuyết giới. Đại sư lên pháp tòa và bạch chúng rằng: Giới có nghĩa là ngăn lỗi dứt ác, mọi người tu hành đều biết cả, cần gì phải tụng đi tụng lại hoài. Nói xong đại sư hạ tòa. Từ đó Đại sư cải cách và bỏ hẳn ngày Bồ tát tụng giới của chur tăng.

Đến ngày mãn hạ, chúng Tăng họp bàn chuẩn bị lễ Tụ tứ, bỗng không thấy đại sư đâu cả. Mọi người phân nhau tìm kiếm, nhưng chẳng thấy sư đâu cả, và sau đó thấy sư nằm bên 1 ngôi mộ hoang ngoài vườn, cách tu viện lối ba, bốn dặm, toàn thân đẫm máu, mê man bất tỉnh. Chúng đưa sư về tu viện chăm sóc. Sau khi tỉnh lại, chúng hỏi lý do, và đáp: Thấy một

người to cao dữ tợn, tay cầm dao sáng ngời vào tu viện lôi tôi ra và bảo: Ngày tụng giới là ngày truyền thống thiêng liêng của chư Tăng, mà chư Phật, Bồ tát và 10 phương phàm Thánh tăng đều tụng giới bố tát. Sao nhà người dám cãi tổ và huỷ bỏ ngày bố tát? Nói xong, lấy dao rạch cùng mình mấy tôi rồi bỏ đi. Nói xong, sư mê man và được chúng chăm sóc cứu tỉnh. Từ đó sư hối hận và rất tinh tấn tu tập đến lâm chung.

(4) Nạn xứ: Là những nơi thường xảy những bất an, do những tai nạn: Ác quốc giới (quốc nạn): Tức là những quốc gia thường xảy ra: Sát hại lẫn nhau, tranh chấp quyền binh giữa các đảng phái chính trị: Đao binh. Cơ cấn, Thiên tai..., Ác quốc vương: Nhà vua không tin tội phước nhân quả, phước họa...

· Thổ địa cao thấp: Chỗ đất đai cao thấp, gồ ghề, hiểm trở trong việc sinh hoạt, đi lại. Cỏ cây rậm rạp: Nơi thiếu ánh sáng, có nhiều thú dữ, nếu vào ra sẽ gặp tai nạn. Thủy, hoả, phong tam tai. Đạo tặc cư ngụ, Rắn độc nãng ra vào...

Giới thứ ba mươi tám:

Không được trái tôn ty thứ tự¹.

Đức Phật dạy, nếu Phật tử đã thọ Bồ tát giới, nên như pháp thứ tự mà ngồi, nghĩa là thọ giới trước ngồi trước, thọ giới sau ngồi sau, không luận già trẻ. Từ Tỷ kheo, Tỷ kheo ni, quý nhân quốc vương², vương tử cho đến hoạn quan, nô bộc tỳ thiếp... hễ ai thọ giới trước thì ngồi trước, người thọ giới sau cứ tuần tự thứ lớp như vậy mà ngồi. Chớ như kẻ ngoại đạo, người

ngu si³, hoặc già hoặc trẻ, không trước không sau, ngồi nằm không thứ tự tôn ty, như kẻ binh nô.

Nếu Bô tát, không nhất nhất tuân theo thứ tự đúng theo chánh pháp, phạm tội khinh cầu.

(1) Việc này, từ việc Bô tát tụng giới. Từ các việc tập chúng hội họp mà ra. Người tụng ngồi chỗ cao, người nghe ngồi chỗ thấp. Chúng tham dự tụng giới cũng phải có tôn ty thứ tự trước sau cao thấp. Nếu không thì không khác gì ngoại đạo thế tục.

(2) Vua tôi (quốc vương): Ở thế tục, vua là lớn, nên ngồi trên, ngồi trước, tôi là nhỏ, ngồi dưới ngồi sau. Trong đạo, nếu vua thọ giới sau tôi, thì vua cũng phải theo thứ tự ngồi sau. Nếu vua còn câu nệ lễ giáo ở đời, thì vua cũng được ngồi trên ngồi trước để tránh các chương ngại trong pháp hội. Còn đối với hàng xuất gia tại gia thì phải có thứ tự, xuất gia theo xuất gia trước sau, tại gia theo tại gia trước sau, nam theo nam, nữ theo nữ. Mỗi phái đều phải căn cứ giới lập làm chuẩn cho hàng xuất gia.

Thứ tự như vậy là ý niệm bình đẳng, có lý, ý niệm bình đẳng theo giới pháp. Nếu thứ tự theo giai cấp, tuổi tác hay địa vị, nếu bình đẳng một cách hỗn loạn, vô trật tự tôn ty thì đó là binh nô. Có nghĩa là lấy sức mạnh mà dành phần.

(3) Không làm như kẻ ngoại đạo, người ngu si: Có nghĩa là một sự sắp xếp hợp lý, đúng giới luật. Tăng theo Tăng, Ni theo ni, tại gia theo tại gia, nam theo nam, nữ theo nữ, già trẻ, vua tôi... Mà phân trước sau, không phải là một tập hợp Tăng

tục, già trẻ, Tăng ni khó coi. Như vậy đời, đạo đều không thuận. Trong đạo: Ni có tuổi đạo cao vẫn phải lễ chân sa di Tăng 3 tuổi đạo.

Giới thứ ba mươi chín:

Không được không tu phước tuệ¹.

Đức Phật dạy, nếu Phật tử đã thọ Bồ tát giới, thường phải nên khuyến khích mọi người kiến lập tăng xá, núi rừng, ruộng vườn, xây dựng tháp Phật; thiết lập những trú xứ an cư kiết hạ, tọa thiền. Nói chung là nên thiết lập những cơ sở hành đạo. Ngoài ra, Bồ tát nên vì tất cả chúng sanh mà diễn thuyết kinh luật Đại thừa, cho những người bệnh tật, giặc giã, quốc nạn...; hoặc những ngày huý nhật của cha mẹ, anh em của Hòa thượng, A xà lê; những ngày thuộc tam tuần, tứ ngũ tuần cho đến thất tuần, cũng nên diễn thuyết kinh luật Đại thừa; những lúc trai hội cầu nguyện, tìm kế sinh nhai, những lúc lửa dữ thiêu đốt, đại thủy cuốn trôi, gió bão thổi bạt thuyền bè trôi dạt, những lúc gặp nguy khốn trong sông sâu biển cả... cũng nên đọc tụng diễn giảng kinh luật Đại thừa. Cho đến đối với các tội báo trong ba đường dữ, tám nạn, bảy nghịch, gông cùm xiềng xích trói buộc, kèm kẹp, đa dâm, đa sân, đa ngu si, nhiều tật bệnh, đều nên diễn giảng kinh luật Đại thừa.

Nếu Bồ tát không hành xử như vậy, phạm tội khinh cầu.

Đây là chín giới nhẹ thứ nhất, các vị nên học hỏi, thực tập và đem tâm cung kính mà phụng trì.

(1) Toàn bộ học giới này khuyến khích mọi người tu phước và tu tuệ:

a/ Về tu phước: Khuyến phát tâm tu phước không nên cưỡng ép, đòi hỏi nhiều, làm cho họ tránh xa không dám đến gần. Chẳng hạn: Người tu gần biển, bị rồng luôn luôn phun nước làm ông loạn động. Ông xin rồng hạt ngọc bảo châu. Rồng sợ nên bỏ đi thật xa; Còn người tu trong rừng, bị quạ luôn đậu gần quấy phá, kêu la ồn ào. Ông quyết xin cho được đôi cánh, quạ sợ quá bỏ đi thật xa. Người tu mà đòi hỏi tín đồ cũng vậy, tín đồ sẽ xa dần, không muốn đến chùa nữa. Cho nên chúng ta phải hết sức thận trọng.

Vấn đề khuyến hóa tu phước, ở đây có 7 điều khuyên:

1. Kiến lập Tăng phòng: Tăng phòng là chỗ cho Tăng vân tập học tập hội hè, thiền tập, an cư kiết hạ.

2. Sơn lâm: Kiến lập núi rừng, gây dựng trồng trọt cây cối im mát, tạo cảnh để chư Tăng bách bộ, thiền hành thiền tọa, niệm Phật, thiền quán yên tĩnh, và cũng để giữ gìn bảo vệ môi trường.

3. Vườn: Để trồng trọt rau trái, cúng Phật, cúng Tăng.

4. Ruộng: Để có lương thực cho chúng ta an tâm tu học. (3) + (4) là hưng long Tăng bảo).

5. Tháp thờ Phật: Đẽ Tăng tín đồ chiêm ngưỡng, noi gương Phật cầu giải thoát. (hung long Phật bảo).

6. Chỗ tọa thiền: Đẽ chư Tăng hành thiền, bồ túc 2 thời tu tập sách tấn.

7. Các loại cơ sở vật chất khác, thuận tiện cho việc tu tập, hành đạo, của chư tăng.

b/ Về tu tuệ: Vì chúng sanh, giảng thuyết kinh luật Đại thừa, vì kinh luật Đại thừa có công năng diệt ác sinh thiện, trừ tội tăng trí tuệ, nhất là vào những lúc: Bệnh tật, Quốc nạn, đạo tắc, húy kỵ thân thuộc, trai hội cầu phước, mưu sinh (hành lai tri nhật), đại hoả, đại thủy, hắc phong, ngộ la sát, các tội báo, đa dâm, đa si...

Lần 9 thứ hai

Giới thứ bốn mươi:

Bình đẳng truyền giới¹.

Đức Phật dạy, nếu Phật tử đã thọ Bồ tát giới, khi trao giới cho người, không được lựa chọn². Đối với tất cả mọi người như Quốc vương, vương tử, đại thần, bách quan, Tỷ kheo, Tỷ kheo ni, thiện nam tín nữ, dâm nam dâm nữ, 18 cõi phạm thiên³, 6 vị thiên tử trong cõi dục⁴, kẻ vô căn, hai căn, hoạn quan, nô bộc tỳ thiếp và các loại quỷ thần, thầy đều được thọ giới và đắc giới. Khi đến cầu giới, nên hướng dẫn giới tử mặc pháp y hoặc hoại sắc, cho hợp với lễ đạo. Hoại sắc nghĩa là phải nhuộm pháp y, tọa cụ để phá hồng

các sắc chính như: xanh, đỏ, trắng, đen, tía. Mọi thứ y phục khác mặc trong thân cùng đều phải nhuộm hoại sắc như vậy.

Nói chung, bất cứ quốc độ nào, nhân dân quần chúng ăn bận như thế nào thì màu sắc y phục của Tỷ kheo phải khác người thế tục.

Nếu có ai muốn thọ giới thì giới sư nên hỏi rằng, hiện thân của người trong đời này có phạm bảy tội nghịch không? Pháp sư Bồ tát⁵ không được truyền giới cho những ai mà hiện thân phạm bảy tội nghịch. Bảy tội nghịch là làm thân Phật chảy máu, (Ngày nay là phá huỷ hình tượng Phật), hại cha, mẹ, Hòa thượng, A xà lê, phá yết ma chuyên pháp luân Tăng⁶, hại Thánh nhơn.

Nếu phạm bảy tội ấy thì hiện thân không đắc giới. Ngoài ra, ai cũng được thọ giới.

Phép của người xuất gia, không được lễ bái quốc vương, không được lễ bái cha mẹ, không gần gũi lục thân, không thờ cúng quỷ thần... Cho nên không được thiên vị lựa chọn. Hễ bất cứ ai hiểu được tiếng nói của vị pháp sư, từ trăm ngàn dặm đến cầu giới pháp, mà vị pháp sư Bồ tát, tâm niệm xấu xa, giận dữ, không truyền giới pháp cho người cầu giới.

Bồ tát hành xử như vậy, phạm tội khinh cầu.

(1) Giới pháp của Phật là bình đẳng, nhất là Bồ tát giới, Ai ai cũng có quyền được thọ. Nếu phân biệt lựa chọn: Ké sang, người hèn, cao hạ, giàu nghèo, trí ngu. Người muốn thì không truyền; người không đáng trao thì lại truyền trao.

Trước hết là chúc tội, như vậy đâu được phép làm thầy. Vì vậy mà Phật chế giới 40 này.

(2) Không nên lựa chọn có 2: a/ Truyền giới pháp không lựa chọn, phân biệt. b/ Trao y pháp không lựa chọn, phân biệt.

Truyền giới pháp không lựa chọn, vì tất cả hạng người (tất cả chúng sanh) đều có khả năng thành Phật. Như vậy, đâu được phép không cho thọ giới. Trao y pháp cũng vậy.

Trao giới pháp không lựa chọn: Tâm thể như pháp, bên trong đủ giới tâm. Trao y pháp không lựa chọn: Thân tướng như pháp, bên ngoài đầy pháp phục.

(3) Và (4) Đã giải thích ở phần tựa.

(5) Pháp sư truyền giới pháp, phải hội đủ các điều kiện căn bản như sau:

1. Chính mình phải trì giới nghiêm mật.

2. Hiểu thấu đáo Bồ tát giới: Tội tướng nặng nhẹ, cách thức sám hối, cách thức thọ giới và truyền giới.

3. Hiểu rõ Bồ tát vị: Là hiểu: 1. Phật tánh căn bản (đệ nhất nghĩa = thật tướng bất nhã); 2. Hiểu nội dung 40 tâm địa: a. Thập chúng tánh: là chỉ 10 trú vị, tức 10 phát Thụ tâm; b. Trường dưỡng tánh (tánh chủng tánh): là chỉ 10 hạnh vị, tức 10 tâm trường dưỡng; c. Đạo chủng tánh (bất khả hoại tánh): là chỉ mười hướng vị, tức 10 kim cang tâm; d. Chánh pháp tánh (Thánh chúng tánh): là chỉ địa vị, Tam hiền vị (Trú,

Hạnh, Hướng). Nương 10 địa, tu trung đạo quán, phá một phần vô minh, chứng nhập thánh vị.

Đến đây, Bồ tát chỉ còn 2 bậc nữa cùng với 4 chủng tánh trên, gọi là lục chủng tánh: Đó là: e. Đẳng giác tánh: Bồ tát chỉ còn 1 bậc nữa là thành tựu hoàn toàn; g. Diệu giác tánh: Đến đây Bồ tát chứng đắc giác ngộ hoàn toàn.

(6) Phá Tăng có 2:

a. Phá kiết ma Tăng: Biệt chúng Bồ tát, làm các việc Kiết ma khác trong chúng dù chỉ có 4 Tỷ kheo, nếu 1 vị Tỷ kheo không đồng chúng hoà hợp, hay tập hợp thì sự Kiết ma bất thành. Mọi sinh hoạt Tăng sự kể cả các việc thuyết giới, truyền giới... đều không thể cử hành.

b. Phá pháp luân Tăng: Pháp luân là chánh pháp luân lưu, luân chuyển 8 chánh pháp, 4 thánh đế, lục độ, vạn hạnh... Dù chỉ có 9 người mà 1 người đứng ra chia rẽ, kéo theo 4 người khác (để đủ túc số làm Kiết ma) rồi tự xưng là Phật, lập giáo pháp riêng, làm đảo lộn Phật pháp, kinh luật (khuyên ăn mặn...) làm cho Phật tử bỏ chánh theo tà. Làm như vậy là phá hoại sự hiện hữu của Phật pháp trong thế gian gọi là phá pháp luân Tăng.

Tỷ kheo ni không phạm điều này, vị Tỷ kheo ni tự xưng là Phật, thì không ai tin.

Giới thứ bốn mươi mốt:

Không được vì lợi làm thầy¹.

Đức Phật dạy, nếu Phật tử đã thọ Bồ tát giới, thì khi giáo hoá cho mọi người phát khởi được đức tin đối với Đại thừa rồi, thì mình là Bồ tát làm pháp sư

chỉ dạy² cho người. Cho nên khi thấy người muốn phát tâm thọ Bồ tát giới, phải chỉ bày hướng dẫn cách thỉnh hai vị pháp sư³ là Hòa thượng và A xà lê. Hai vị pháp sư này lại phải hỏi người cầu giới ấy rằng, các người có phạm bảy tội nghịch không? Nếu người cầu giới mà hiện thân của đời này có phạm bảy tội nghịch, thì pháp sư không nên cho thọ Bồ tát giới. Còn không phạm vào bảy tội nghịch thì được thọ.

Nếu người thọ giới mà phạm mười giới nặng, thì phải bày vẽ cho người sám hối, bằng cách đối trước hình tượng Phật, Bồ tát, ngày đêm sáu thời, trì tụng 10 giới nặng và 48 giới nhẹ, thiết tha lễ sám ngàn đức Phật trong ba đời, để cầu được thấy tướng tốt. Hành trì lễ sám như vậy hoặc một tuần, hai tuần, ba tuần cho đến một năm, cốt yếu là để thấy được tướng tốt, như thấy chư Phật đến sờ đầu, thấy hào quang, thấy hoa sen... Đó là những điểm lành, là những tướng tốt màu nhiệm, thấy được như vậy là tội được tiêu. Nếu không được thấy tướng tốt, thì tuy có sám hối cũng vô ích. Người đó tự thân không phục hồi giới thể mà chỉ được tăng thêm lợi ích cho việc thọ giới lại trong tương lai mà thôi.

Nếu người thọ Bồ tát mà phạm 48 giới nhẹ, thì được sám hối bằng cách đối thủ sám hối, được tiêu tội, không như phạm 7 tội nghịch. Làm một vị pháp

sư dạy dỗ cho người, thì đối với các cách thức như trên, mỗi mỗi đều phải thấy hiểu rành mạch.

Nếu không thấy rõ được các sự tương phản trái, nặng nhẹ của kinh luật Đại thừa, cũng không lý giải được đệ nhất nghĩa đế⁴, tập chủng tánh, trưởng dưỡng tánh, tánh chủng tánh, bất khả hoại tánh, đạo chủng tánh, chánh pháp tánh; trong tất cả các chủng tánh của Bồ tát vị như vậy, cũng không hiểu rõ được quán hạnh ít nhiều⁵, xuất nhập ra sao, cho đến mười chi phần của thiền định⁶ và tất cả các pháp hành như vậy, nhất nhất đều cũng không rõ ý nghĩa hàm ẩn trong các pháp ấy như thế nào. Thế mà Bồ tát lại vì lợi dưỡng danh vọng, vì ham có nhiều đồ đệ, đem tâm không tốt tham cầu quá độ làm ra vẻ ta đây học rộng hiểu sâu kinh luật để được cúng dường. Như vậy là người tự khinh dối mình và khinh dối người khác.

Bồ tát như vậy mà cố ý truyền trao Bồ tát giới cho người khác, phạm tội khinh cầu.

(1) Giới trước nói nếu không phạm 7 tội nghịch đều được thọ giới. Sau khi thọ mà phạm giới thì vị giới sư phải biết nghi thức sám hối để chỉ bày dạy dỗ cho người sám hối. Sám hối mà không có ý nghĩa để giáo giới, lại chỉ vì lợi mà làm thầy, tội lỗi ấy không tha thứ. Do vậy mà Phật dạy học giới này. Vì

lợi: là vụ lợi: Vụ nhiều đệ tử, vụ nhiều bản đạo tín đồ, vụ nhiều danh dự, lợi dưỡng...

(2) Giáo giới sư: Ông thầy dạy dỗ, khuyên răn, dùng từ bi trí tuệ và ái ngữ để thăng tiến đức tin và đạo nghiệp cho mọi người.

(3) Việc truyền trao Bồ tát giới phải thỉnh 2 lớp tam sư: 1 lớp thuộc về quá khứ, lớp này chỉ nghe oai đức mà không thấy hình tượng. Đó là đức Thích Ca, ngài Văn Thù và ngài Di Lặc (theo Kinh Thiện Giới và Kinh Phổ Hiền). Giới tử đắc giới là nhờ sức trợ phát của tam sư này. Một lớp khác thuộc hiện tại, chúng ta trông thấy được. Đó là các vị Tăng đảm nhận các chức Hòa Thượng, Giáo thọ, Yết ma. Lớp này dạy giới tử thỉnh và đứng ra thỉnh lớp tam sư trên. Vậy là theo nghi thức hiện lưu hành. Còn kinh phạm võng này, ở giới 23 (muốn thọ Bồ tát giới, phải đến trước một vị giới sư đã thọ Bồ tát giới trước mình) và nay giới 41, chỉ nói đến trước 1 giới sư, và vị giới sư này dạy cho thỉnh 2 vị Hòa Thượng và A xà lê. Có nghĩa là chỉ dẫn cho người cầu giới, cách thỉnh vị Hòa Thượng và A xà lê.

Vị giới sư này dẫn giới tử đứng trước bàn thờ Phật, quỳ giữa và mình ngồi, hoặc đứng xê bên và theo nghi mà làm các việc của Hòa thượng, Yết ma và Giáo thọ để truyền Bồ tát giới cho giới tử. Riêng lớp tam sư không thấy (quá khứ) là Phật Thích Ca, Bồ tát Di Lặc và Phổ Hiền, thì vị giới sư này quỳ trước bàn Phật, Bồ tát mà tác bạch cúng dường. Kiết ma về việc truyền thọ Bồ tát giới.

Truyền Bồ tát giới thì bạch trước Phật, Bồ tát, truyền giới Tỷ kheo thì bạch trước Tăng.

Nhân đây, chúng ta cần chú ý:

Bổn phận hay cách thức làm một vị Pháp sư Đại thừa, có 4 giai đoạn:

- Giai đoạn 1: Dạy cho người phát khởi tín tâm Đại thừa: tin mình sẽ thành Phật, có chí nguyện, hy sinh vì đạo, vị tha...

- Giai đoạn 2: Dạy cách thức thọ Bồ tát giới: Xét không cho truyền Bồ tát giới cho người phạm thất giá. Không cho thọ nhưng phải dạy dỗ để người này có thể tu tập, tạo những phước đức khác. Người không phạm thất giá thì truyền giới cho bằng cách chỉ vẽ cách thức thỉnh 3 vị giới sư Hòa Thượng và A xà lê.

- Giai đoạn 3: Dạy cách thức sám hối: a. Phạm trọng; b. Phạm khinh; c. Phạm 7 giá, không cho thọ. Nếu Bồ tát phạm 7 giá...

- Giai đoạn 4: Hiểu Bồ tát giới và Bồ tát vị:

a/ Hiểu Bồ tát giới: là biết các tội tướng: Khinh, trọng, sai đúng, hiểu nội dung Bồ tát giới, cách truyền, cách thọ, sám hối...

b/ Hiểu Bồ tát vị: là hiểu biết về căn bản Bồ tát vị. Từ đệ nhất nghĩa, căn bản Phật tánh, thật tánh bát nhã.

- Chủng tánh bồ tát vị; tức 6 chủng tánh.

- Pháp hành Bồ tát vị: Quán hạnh xuất nhập, Pháp hành.

- Căn bản Bồ tát vị: Là đệ nhất nghĩa đế, cũng là Phật tánh căn bản, cũng gọi là thật tướng bát nhã. Như “Tâm địa giới”: Thê, Vắng lặng, chẳng phải trọng, chẳng phải khinh, nhưng khinh trọng vẫn minh bạch. Tánh: Rõng sáng, không phải, không chẳng phải, nhưng phải và chẳng phải vẫn rõ ràng, vượt ngoài nhị biên, đối đãi, dứt hết nghĩ bàn nói năng, gọi là đệ nhất nghĩa đế.

- Chủng tánh của Bồ tát vị: Theo kinh Anh lạc thì có 6 loại gọi là lục chủng tánh: 1. Tập chủng tánh, là 10 trú, tức 10 tâm phát Thú; 2. Tánh chủng tánh, là 10 hạnh, tức 10 tâm trưởng dưỡng; 3. Đạo chủng tánh, là 10 hướng, tức 10 tâm Kim cang; 4. Thánh chủng tánh, là 10 địa; 5. Đẳng giác tánh, là đẳng giác; 6. Diệu giác tánh là diệu giác.

- Chủng tánh của Bồ tát vị, theo kinh Phạm võng thì có 5 loại:

1. Tập chủng tánh, là 10 phát thú tâm (10 tâm hướng đến quả vị Phật) (10 trú).

2. Trưởng dưỡng tánh, là 10 Trưởng dưỡng tâm (Phát 10 tâm nuôi lớn chủng tánh), (10 hạnh).

3. Bất hoại tánh, là 10 Kim cang tâm (Phát 10 loại tâm kiên cố), (10 hướng). (Bước vào 10 hướng vị thì kiên trì tu tập các thiện pháp).

4. Đạo chủng tánh (10 địa). Địa có nghĩa là nương tựa (sở y). (Bước vào Bồ tát vị; nương vào sự chuyển thắng, hướng đến Phật vị).

5. Chánh pháp tánh, là Phật địa.

Tóm lại, Anh Lạc và Phạm Võng: 10 trú, 10 hạnh, 10 hướng 2 kinh giống nhau ý nghĩa, danh từ có khác. 10 địa thì kinh Anh Lạc tách Đẳng giác và Diệu giác ra làm 2 chủng tánh nữa, 10 địa ở kinh Phạm Võng thì bao gồm 10 địa và 2 giác. Vậy, tổng hợp ta có: 1. Tập chủng tánh, là 10 phát thú (10 trú); 2. Trưởng dưỡng tánh, là 10 Kim Cang (10 hướng); 3. Bất hoại tánh, là 10 Kim Cang (10 hướng); 4. Đạo chủng tánh và 5. Chánh Pháp tánh, là 10 địa (10 địa và 2 giác).

• Tánh chủng tánh: Phẩm cách luyện tập, tu tập để xuất phát đi nhanh đến (Phát thú), vững vàng trong Bồ tát vị (trú).

• Trưởng dưỡng tánh: Phẩm cách tu dưỡng, bồi bổ thêm hơn lên (trưởng dưỡng) để đi đến Bồ tát vị (hạnh hay hành).

• Bất hoại tánh: Phẩm cách kiên cố, kiên cố như Kim cang (Kim cang) nghĩa là đã hướng đến Phật quả (hướng).

• Đạo chủng tánh: Phẩm cách bát nhã, và

• Chánh pháp tánh: Phẩm cách chân thật như Phật. (Địa và Đẳng giác, Diệu giác).

- Pháp hành Bồ tát vị: Tức quán hạnh xuất nhập, Pháp hành. Quán hạnh: là 3 pháp quán: Không, Giả, Trung; Pháp hành là 10 chi thiền (sẽ giải thích dưới)

(5) Kỳ trung đa thiếu quán hạnh xuất nhập: Trong tất cả các chủng tánh (tức 40 tâm) của Bồ tát vị, mà không thấu hiểu quán (các pháp quán: Không-Giả-Trung) (hạnh hay hành, tức 10 chi thiền) ít nhiều vào ra thế nào.

Có nghĩa là, từ tam hiền (Trú-Hạnh-Hướng), thập tánh (10 địa), tùy căn tánh chúng sanh có lợi, độn, nên việc tu tập có thiền quán công hạnh không đồng. Việc đoạn hoặc chứng chân có chậm có nhanh sai khác. Chẳng hạn như, lợi căn dụng công ít mà thành tựu nhanh; độn căn, dụng công nhiều mà chứng quả chậm. (kỳ Trung (tam hiền, thập Thánh) đa Thiếu). Các việc như vậy, Bồ tát phải biết.

Quán hạnh: Là 3 quán: Không-Giả-Trung.

• Tập chủng tánh (10 phát thú) từ giả quán vào không quán; giai đoạn này tu không quán đang “Ít” (thiếu); mãi đến:

• Trưởng dưỡng tánh (10 trưởng dưỡng). Tu không quán mới tăng trưởng “Nhiều” (đa) ở vị trưởng dưỡng, ra khỏi (xuất) “không quán” để vào “nhập” giả quán.

• Tánh chủng tánh: Tu giả quán nhiều (đa)

• Đạo chủng tánh: Tu trung quán ít (thiếu), đến

• Chánh pháp tánh: Tu trung quán mới nhiều (đa)

Lại có một giải thích khác:

Trong mười địa:

• Từ Sơ địa đến Tứ địa: Tu quán vô tướng ít, hữu tướng nhiều.

• Từ Ngũ địa đến Thất địa: Tu quán hữu tướng ít, vô tướng nhiều.

• Từ Bát địa đến Đẳng giác: Thuần giác vô tướng.

• Diệu tánh: Tu quán Nhất Thiết Trí.

-10 Phát thú: Từ giả quán vào không quán: Không quán ít.

-10 Trưởng dưỡng: Ra không quán, vào giả quán: Không quán nhiều, giả quán ít.

-10 Kim cang: Hoán chuyển không quán và giả quán vào trung quán: Giả quán nhiều, trung quán ít.

10 địa: Trung quán nhiều.

(6) 10 chi thiền: Tức pháp hành của Bồ tát vị. 10 chi thiền còn gọi là Thập nhất thiết xứ, Thập nhất thiết xứ định, Thập nhất thiết xứ tam muội, Thập biến xứ. 10 chi thiền theo Ngài Hoàng Tán thì: 1. Giác chi; 2. Quan; 3. hỷ; 4. Lạc; 5. Nhất tâm; 6. Nội tịnh; 7. Xã; 8. Niệm; 9. Tuệ; 10. Bất khổ bất lạc. Các chỗ khác thì: Địa, Thủy, Hỏa, Phong, Không, Thức, Thanh, Hoàng, Xích, Bạch. Là phép Thiền quán 10 chất khắp nơi tứ thiền vậy.

Giới thứ bốn mươi hai:

Không được nói giới cho người bất thiện¹.

Đức Phật dạy, nếu Phật tử đã thọ Bồ tát giới, không được vì cầu lợi dưỡng mà nói giới pháp Đại

thừa của ngàn đức Phật cho những kẻ xấu ác, người ngoại đạo, người chưa thọ Bồ tát giới trừ các vị Quốc vương², ngoài ra không được nói giới pháp Đại thừa cho bất cứ ai³.

Những người ngoại đạo ác nhân, không thọ giới pháp của chư Phật, tâm hành như loài vật, đời đời sinh bất cứ chỗ nào cũng không được gặp Tam bảo, như đá như cây, không chút thiện tâm, nên gọi là người ngoại đạo ác nhân. Còn những người tà kiến chẳng khác nào cây gỗ khô. Bồ tát đối trước những người ngoại đạo ác nhân mà nói giới pháp của bảy đức Phật, phạm tội khinh cầu.

(1) Ác nhân có nhiều hạng. Nay chỉ nêu lên 3 hạng: Không thọ Bồ tát giới, Không tin Tam bảo, Hủy báng chánh giới pháp (tà kiến). Nói giới cho hạng người này, thì vô tình mình đã làm cho họ thêm tội ác hủy báng. Cho nên không được làm.

(2) Trừ quốc vương: Nghĩa là vị Quốc vương thì nói giới cho Quốc vương được nghe. Bởi lẽ Quốc vương mà được hiểu biết Bồ tát giới thì sẽ biết nhân quả tội phước mà dè dặt trong mọi cách hành xử với nhân dân, đem lại hạnh phúc no ấm cho dân, bớt hà hiếp giết hại. Vả lại, khi Phật Niết bàn, có phù chú cho các vị Quốc vương việc hộ đạo.

(3) Dư nhất thiết bất đắc thuyết: Ngoài ra, tất cả kẻ ác, người tham, sân, si, kẻ sát, dâm, thiện tâm bị che khuất...

những người này, trong Phật pháp, họ là những người có tai mà không được nghe, có mắt mà không được thấy, có tâm mà không hiểu biết. Như vậy, đối với nhân loại họ là súc sinh trong loài người.

Giới thứ bốn mươi ba:

Không được móng tâm hủy phạm¹ cấm giới.

Đức Phật dạy, nếu Phật tử vì tín tâm² mà xuất gia thọ chánh giới của đức Phật rồi, móng tâm hủy phạm chánh giới; thì kẻ ấy không đáng được thọ dụng sự cúng dường của thí chủ, không đáng được đi trên đất³, không đáng được uống nước tổ quốc. Năm ngàn quỷ dữ⁴ thường ngăn chặn phía trước người ấy và bảo với nhau rằng, đó là tên giặc. Người ấy nếu đi vào trong phòng ốc, thôn ấp, thành thị, thì quỷ dữ thường quét sạch dấu chân đi của người ấy. Và hết thấy mọi người đều nhục mạ rằng, đó là tên giặc trong Phật pháp. Chúng sanh không ai muốn nhìn. Người phạm giới khác gì loài vật, khối gỗ.

Bồ tát cố ý móng tâm phạm giới, phạm tội khinh cầu.

(1) Nước tắm quý có thể rửa sạch tội cầu. Nếu không biết tắm quý, tội lỗi ngày càng sâu dày. Cho nên người phạm tội cầu, vẫn an nhiên thọ cúng dường, thì thật đáng thương hại.

Cho nên Phật chế giới này. học giới này dịch sát nghĩa là “Không được không hổ thẹn khi thọ cúng dường”. Ở đây dịch là “không được móng tâm phạm giới” là vì nội dung học giới này chính là đề cập đến Tỷ kheo phạm giới mà vẫn thọ dụng cúng dường, không biết xấu hổ.

(2) Bồ tát có hai loại tâm: 1. Có phát tín tâm xuất gia, thọ trì giới pháp tu hành, gọi là hảo tâm xuất gia vì đạo, làm ruộng phước cho tín đồ nhân thiên. Như vậy, đáng được thọ dụng cúng dường; 2. Nếu biến tín tâm ban đầu thành bất tín tâm, huỷ phạm cấm giới. Tỷ kheo ấy đã đánh mất phước điền, không nên kham thọ cúng dường. Vì không hổ thẹn khi thọ dụng cúng dường.

(3) Bất đắc địa thượng hành: Phạm giới mà vẫn坦然 nhiên thọ hưởng sự cúng dường không hổ thẹn, thì kẻ ấy, đất tuy rộng cũng không đáng được có một chỗ để đi; Nước tuy đầy, cũng không đáng được cho 1 giọt để uống. Giới kinh căn dặn kẻ như vậy. Chúng ta không thấy hổ thẹn sao!

(4) Ngũ thiên đại quý: Chỉ các vị hộ pháp thiện thân, thiên long, bát bộ hộ vệ cho chốn già lam thanh tịnh, cho người trì giới nghiêm mật.

Giới thứ bốn mươi bốn:

Phải tôn kính kinh luật.

Đức Phật dạy, nếu Phật tử đã thọ Bồ tát giới, thường phải nên nhất tâm thọ trì đọc tụng kinh luật Đại thừa¹. Lột da làm giấy, lấy máu làm mực, rút tuỷ làm nước, chẻ xương làm bút, để viết chép giới pháp của chư Phật. Lại nữa, sao chép trên giấy bằng vỏ

cây, vải, lụa, thẻ, tre, gấm. Để giữ gìn kinh luật, thường dùng các loại thất bảo vô giá, hương, hoa và các loại ngọc quý làm rương, làm hộp, làm tủ để tôn trí kinh luật Đại thừa.

Nếu Bồ tát không tôn trí cúng dường kinh luật đúng như vậy², phạm tội khinh cầu.

(1) Tôn trọng kinh giới có 6 cách: 1.Thọ trì; 2.Đọc tụng; 3.Viết chép; 4.Lễ bái; 5.Diễn giảng; 6.Cúng dường.

Lại nữa lưu thông, tôn trọng giới kinh có 2 phương diện Sự và Lý.

a. Về Sự: có nhiều nhưng không ra ngoài 2 việc.

• Xả bỏ thân mạng: Lột da làm giấy, Lấy huyết làm mực, dùng tuỷ làm nước, chẻ xương làm viết. Như vậy là xả bỏ các thân giả tạm vô thường của thế gian để viết chép kinh, bảo trì pháp là pháp thân tuệ mạng xuất thế gian.

• Xả bỏ của cải vật chất: Cũng có 2: - Bỏ khinh tài: Vô cây, lụa, tơ, thẻ tre; - Trọng tài: Thất bảo vô giá, hương hoa...

b. Về Lý: Như vậy là xả bỏ loại tài sản giả tạm vô thường, không bền vững của thế gian, để bảo trì lưu thông pháp bảo xuất thế gian thường trụ vĩnh hằng tại thế gian.

(2) Nếu không như pháp bảo trì như vậy, trái lại tiếc nuôi của cải thế gian giả tạm mà xả bỏ pháp thân tuệ mạng xuất thế gian, thì không phải là hàng Bồ tát chân thật.

Giới thứ bốn mươi lăm:

Không được không giáo hoá chúng sanh¹.

Đức Phật dạy, nếu Phật tử đã thọ Bồ tát giới, phải luôn luôn phát khởi tâm đại bi. Nếu khi vào các chốn thành thị, thôn ấp, nhà cửa... gặp bất cứ chúng sanh nào, cũng tâm niệm nói lên rằng, tất cả chúng sanh, các người hãy nên lãnh thọ ba pháp quy y và mười giới pháp². Nếu gặp các loài thú vật như trâu, ngựa, heo, dê, đều nên tâm niệm nói rằng³, chúng sanh các con hãy phát tâm Bồ đề. Bồ tát đến bất cứ nơi nào, hoặc núi rừng, sông ngòi, khe suối, nơi hoang dã, cũng phải làm cho hết thảy chúng sanh phát khởi tâm Bồ đề.

Nếu Bồ tát không giáo hoá cho chúng sanh phát tâm, phạm tội khinh cầu.

(1) Giới thứ 44 nói xả thân, xả của cải để viết chép bảo trì giới pháp được lưu thông tồn tại trong thế gian, nếu không hết lòng khuyến khích giáo hoá mọi người thọ tam quy, Thập thiện thì cũng là một cách khác làm cho giới pháp không lưu thông.

(2) Mười giới pháp: Ở đây là chỉ mười thiện pháp.

(3) Trong chánh văn là “Ứng tâm niệm khẩu ngôn” có nghĩa là mỗi lúc gặp bất cứ một trong chúng sanh nào, luôn luôn tâm niệm nghĩ tới những khổ đau sanh tử của họ mà nguyện cầu rằng, hỡi các vị ai nấy cũng đều có giới tánh trong lòng, nhưng từ vô thủy đến nay, bội giác hiệp trần, không giữ gìn năm cấm giới nên đường đi đến nhân thiên đã bị đoạn

tuyệt. Nay nên khởi tâm xả bỏ niệm ác, nắm giữ tam quy mười giới là để ngăn cản các niệm vọng sau, không cho sinh khởi. Vì tam quy thập giới là con đường chánh để chúng sanh trở về bờ giác và cũng là chánh nhân để đến Phật quả.

Vì vậy, giới kinh dạy “Hễ chúng sanh thọ giới Phật, tức đã đi vào Phật Vị”.

Giới thứ bốn mươi sáu:

Không được thuyết pháp không đúng pháp¹.

Đức Phật dạy, nếu Phật tử đã thọ Bồ tát giới, thì nên luôn luôn giáo hoá để người được khởi sanh tâm từ bi rộng lớn. Nhưng mỗi khi vào nhà thí chủ² hoặc nhà vua quan quyền quý, hoặc các nơi hội họp, người xuất gia đều không được đứng mà thuyết pháp cho người tại gia cư sĩ. Nên ngồi ở chỗ cao và trước mặt người tại gia. Vị Pháp sư Tỷ kheo dù thuyết pháp cho 4 chúng, cũng không được đứng đất mà nói.

Khi thuyết pháp, vị Pháp sư phải được mời ngồi chỗ cao, đơm hoa, xông hương cúng dường. Còn 4 chúng thì ngồi ở chỗ thấp và khởi niệm hiếu thuận với vị Pháp sư như đối với cha mẹ vậy. Và kính thuận đối với lời giáo huấn của vị Pháp sư như sự kính thuận của đạo sĩ Bà La Môn đối với sự thờ lửa³ vậy.

Bồ tát thuyết pháp, nếu không đúng pháp như vậy, phạm tội khinh cầu.

(1) Giới trước nói khi vào thành ấp làng mạc hễ gặp bất cứ ai đều phải giáo hoá để họ phát tâm Bồ đề. Nhưng trường hợp này chỉ gặp trong giây lát, thì tuy phương tiện mà khuyến khích. Còn giới này, cũng đề cập đến thuyết pháp độ sinh, nhưng ở đây mang tính giải thích, phân tích diễn giải với thời gian dài thì không nên đề họ khinh dễ, sẽ mang tội.

(2) Đàn Việt, quý nhân: Đàn việt: Danh từ để chỉ người hảo thí để cầu vượt thoát sanh tử; Quý nhân già: Chỉ giai cấp thượng lưu như vua, quan, thái tử...

(3) Sự hỏa Bà la môn: Bà la môn thờ lửa, đạo thờ lửa gọi “Bái lửa”, thành kính giữ gìn chăm sóc cho lửa khỏi tắt.

Tương truyền rằng, khi thế giới mới thành lập, thiên mẫu cõi trời Đạo lợi, muốn xem vườn rừng ao suối của nhân gian, họ vận thần thông xuống cõi diêm phù đề... xem xong, khi vận thần thông Đạo lên lại cõi Đạo lợi, thì thần thông rực sáng như một khối lửa lớn sáng rực bầu trời. Bấy giờ có ngoại đạo tu thiền trong rừng, thấy vậy có ảo tưởng và nghĩ rằng cúng dường lửa sẽ sanh thiên. Do đó mỗi ngày khi mặt trời lặn, họ đốt lửa sáng và thành khăn quỳ lạy, từ đó có đạo Bái Hỏa này.

Giới thứ bốn mươi bảy:

Không được hạn chế phi pháp người tu tập¹.

Đức Phật dạy, nếu Phật tử đã thọ Bồ tát giới, bất cứ là quốc vương, thái tử, bách quan hay bốn chúng đệ tử Phật²... đều là những người đã đem đức tin Đại thừa mà lãnh thọ giới pháp của chư Phật, lại tự ý³ mình quyền quý cao sang mà phá hoại Phật pháp, giới

pháp của chư Phật bằng cách đặt ra những quy tắc nhằm hạn chế mọi sinh hoạt của bốn chúng đệ tử; không cho xuất gia⁴, hành đạo, cũng không cho tạo lập Phật tượng, chùa tháp và truyền bá kinh luật. Đồng thời đặt ra chức thống quản⁵ để chế ngự chư tăng, lập sách tịch để kiểm tra lý lịch. Tỷ kheo Bồ tát thì đứng đất, tại gia cư sĩ thì ngồi cao, làm nhiều điều phi pháp, tạo tình trạng như kẻ binh nô thờ chủ. Tỷ kheo Bồ tát thì phải là những bậc đáng để cho mọi người kính trọng, lẽ nào mà lại làm kẻ sai sử của quan quyền một cách phi pháp phi luật như vậy, còn gì là chánh pháp.

Nếu hàng Quốc vương, bách quan đã đem hảo tâm mà lãnh thọ giới pháp Phật, thì đừng làm những điều có tội với Tam bảo như vậy.

Nếu Bồ tát cố ý làm những điều phá hoại Tam bảo⁶, phạm tội khinh cầu.

(1) Giới thứ 46 nói, người thuyết pháp ngồi ở tòa cao và nói pháp như pháp. Giới 47 này sợ người nghe pháp tự ý vào sự cao sang của mình mà không như pháp nghe pháp, lại đem tâm xấu xa cao ngạo làm những điều phi pháp, phá hoại Tam bảo, cấm cản mọi sinh hoạt chánh pháp của chư Tăng. Vì vậy Phật chế giới này.

(2) Bốn bộ đệ tử: Đó là; Cư sĩ, Cư sĩ phụ, Đông nam, Đông nữ. Cũng có nơi gọi đó là xuất gia (tăng và ni), tại gia (nam, nữ). Nhưng thuyết trước thì đúng hơn.

Hỏi: Nếu không có địa vị quyền hành thì làm sao phá pháp, phá Tăng?... Mượn thế lực người khác để phá hoại, cha mẹ ngăn cản con xuất gia...

(3) Tự ý mình: Có 3 cách: 1. Tuy đã xuất gia thọ giới, nhưng tâm cao ngạo chưa trừ, thấy Hòa Thượng, Thượng Tọa ngồi trên cao, sanh tâm ngã mạn, khởi tâm muốn phá hoại; 2. được thầy bạn chỉ cho chỗ sai lầm mà không biết phục thiện, sấm hối, lại sanh tâm tức giận, mà khởi tâm phá pháp; 3. Trước có tín tâm, Thân ở trong Đạo, về sau có người nói thế này thế nọ, do đó mà ngã lòng, khởi tâm muốn phá pháp, không tin Tam bảo nữa.

(4) Không cho xuất gia hành đạo: Là phá tăng bảo; Không cho tạo lập hình tượng Phật, Tháp: Phá Phật bảo; Không cho tạo, in ấn kinh luật: Phá pháp bảo.

(5) Lập thống quản chế: Đối với người phát tâm xuất gia thì hạn chế, không cho xuất gia. Đối với cư sĩ, không xuất gia thì tìm cách lừa vào vòng kim cô để quản lý, biệt lập thống thuộc, cấm chỉ.

(6) Phá Tam bảo: Ngăn cấm, hủ hoá người xuất gia. Cấm làm chùa đúc tượng. Không cho in ấn, phát triển kinh luật luận, sách báo Phật giáo.

Giới thứ bốn mươi tám:

Không được phá huỷ Phật pháp¹.

Đức Phật dạy, nếu Phật tử đã thọ Bồ tát giới, đã hảo tâm xuất gia² mà lại vì danh vọng lợi dưỡng, đối

trước các vị quốc vương, bách quan, nói về giới pháp chư Phật mà lại nói một cách ngang ngược phi lý, làm cho Tỷ kheo, Tỷ kheo ni, Bồ tát bị liên lụy, trói buộc bằng những hình thức lao ngục tù tội, khác nào phép tắc của kẻ binh nô³. Như vậy là con sâu trong thân Sư tử, trở lại ăn thịt Sư tử, chứ không loài sâu nào khác. Cũng vậy, chính những người con Phật, chứ không ngoại đạo, mà vương nào phá được Phật pháp⁴.

Cho nên, nếu người đã lãnh thọ giới pháp của Phật thì phải giữ gìn giới pháp ấy như cha mẹ giữ gìn đứa con duy nhất, như con cái phụng thờ cha mẹ, không được huỷ phạm.

Là Bồ tát, khi nghe ngoại đạo hoặc người xấu ác đem lời thô dữ huỷ báng giới pháp của Phật, lòng quặn đau như ba trăm mũi nhọn đâm vào tim gan, cũng chẳng khác nào ngàn lưỡi dao, vạn cây gậy đánh đập, cắt xẻ thân thể.

Thà rằng tự mình đi vào cảnh địa ngục, trải qua trăm đời ngàn kiếp, chứ không muốn một lần nghe kẻ ngoại đạo ác nhân đem lời phỉ báng giới pháp của Phật. Huống chi tự mình phỉ báng và tạo điều kiện, khuyến khích người khác huỷ báng giáo pháp chư Phật, không còn gì là tâm hiếu thuận.

Bồ tát có ý hành xử như vậy, phạm tội khinh cầu.

Đây là chín giới nhẹ thứ hai, các vị nên học hỏi, thực tập và đem tâm cung kính mà phụng trì.

(1) Giới 47 chú trọng người tại gia Bồ tát phá hoại Phật pháp bằng cách hạn chế sinh hoạt Phật pháp. Giới 48 này nói về người xuất gia Bồ tát phá hoại Phật pháp bằng cách nịnh hót, thân cận nhà cầm quyền làm tên tôi đòi chỉ điểm bách hoại Phật pháp.

(2) Nguyên nhân xuất gia thì có nhiều, không giống nhau (hảo tâm xuất gia và nguyên nhân xuất gia). Sợ khủng bố, bức bách, giận hờn cha mẹ và gia đình, danh vọng, lợi dưỡng, ham vui, sanh tử... Còn hảo tâm xuất gia là vì sự nghiệp giải thoát sanh tử

(3) Như “Bình nô chi pháp, như Sư tử thân trung trùng”: Ý muốn nói sự phản bội Phật pháp bằng cách chính các Bồ tát Tỷ kheo, đem giới pháp giải thích có lợi cho nhà cầm quyền, và đem sự giải thích ấy đề nghị với nhà cầm quyền, hoặc theo ý nhà cầm quyền để gây ra nghi ngờ hay công nhận, đồng tình sự bắt bớ tù đầy khổ sai đồng đạo, nhất là đối với người xuất gia. Không những giải thích chịu ý chính quyền mà còn biện mình, hộ trợ cho chính quyền, gây khó khăn khủng bố đến mọi sinh hoạt của đạo pháp. Ngày xưa sư tổ thì “Xã thân vì đạo”, còn nay thì lắm kẻ “Xã đạo để vinh thân”! Đây chính là những Bồ tát Tỷ kheo, trưởng tử Như lai, tự phá huỷ Phật pháp, chứ không ngoại đạo, ma vương quỷ sứ nào huỷ phá được Phật pháp.

(4) Kinh Thắng mang dạy “Hà sa đại nguyện, không bằng một đại nguyện. Đó là nguyện tận hình hộ trì chánh pháp. Hộ

trì chánh pháp là một nguyện lực cao quý nhất. Một chút ít của nguyện lực này cũng đủ làm cho ma vương hoảng sợ. Ta không thấy một việc thiện nào, làm cho ma vương hoảng sợ bằng một chút ít của việc hộ trì chánh Pháp.



E- Kết thúc Bồ tát giới phạm võng

Đức Phật dạy, này các Phật tử, trên đây là bốn mươi tám giới nhẹ, mà các Phật tử đã lãnh thọ để hành trì. Giới pháp ấy, các vị Bồ tát quá khứ đã tụng, các vị Bồ tát vị lai sẽ tụng và các vị Bồ tát hiện tại đang tụng¹.

Đức Phật dạy tiếp rằng: này các Phật tử, hãy chăm chú lắng nghe, 10 giới nặng và 48 giới nhẹ này, là giới pháp mà các đức Phật trong ba đời đã tụng, sẽ tụng và đang tụng. Chính Như lai nay cũng tụng y như vậy.

Nay, đại chúng các người, bất luận là Quốc vương, thái tử, bách quan, Tỷ kheo, Tỷ kheo ni, thiện nam tín nữ... đều là những người đã lãnh thọ Bồ tát giới, thì đều phải hành trì đọc tụng, giảng thuyết, viết chép giới kinh thuộc về Phật tánh thường trú này, để lưu bố khắp chúng sanh trong ba đời, truyền thọ cho nhau, đời đời bất tuyệt. Làm được như vậy, sẽ được tiếp kiến ngàn đức Phật, sẽ được ngàn đức Phật đích thân cầm tay khen ngợi. Và người đó, đời đời không

đọa vào ác đạo, không gặp tám nạn, thường được sanh làm người hoặc các cõi trời, hưởng nhiều phước lạc.

Như vậy, nay Như lai đang ngồi dưới gốc cây Bồ đề này, đã tóm tắt khai thị giới pháp của bảy đức Phật. Đại chúng các người, hãy nhất tâm và nỗ lực mà học hỏi, hành trì pháp giới ấy². (như đã nói rõ trong phần khuyến học của phẩm Vô tướng Thiên Vương)

Lúc bấy giờ, trên pháp hội, ba ngàn người³ học tập Bồ tát đạo hiện diện làm thính giả, im lặng lắng nghe đức Thế Tôn tự tụng lại giới pháp như vậy, ai nấy nhất tâm cúi đầu lãnh hội và hoan hỷ thọ trì.

Lúc bấy giờ, đức Thích Ca Mâu Ni nói xong phần giới pháp mười Vô Tận Tạng⁴, trong phẩm Pháp Môn Tâm Địa của đức Phật Tỳ Lô Xá Na đã nói ở thế giới Liên Hoa Đài Tạng, thì ngàn trăm ức hoá thân đức Thích Ca cũng nói y như vậy. Từ cung trời Ma Hê Thủ La Thiên Vương xuống đến gốc cây Bồ đề, trải qua mười chỗ đã nói các pháp phẩm⁵ cho hết thầy Bồ tát và đại chúng như vậy, ai nấy đang thọ trì đọc tụng, giảng thuyết cũng như ở đạo tràng thế giới Ta bà không khác.

Nói tóm lại, ở khắp ngàn trăm ức thế giới, Hoa Tạng thế giới và các thế giới khác nhiều như vi trần,

đâu đâu đức Phật cũng điều khiển nói về kho tàng Chánh pháp của tất cả chư Phật là kho tàng tâm, kho tàng địa, kho tàng giới, kho tàng vô lượng hạnh nguyện và kho tàng nhân quả Phật tánh thường trú.

Và như vậy, tất cả các đức Phật đã nói xong hết thảy kho tàng Chánh pháp. Tất cả chúng sanh trong ngàn trăm ức thế giới, đều thọ trì và hoan hỷ phụng hành. *(Nếu khai thị một cách đầy đủ các nghĩa tướng của tâm địa thì phải như trong phẩm Thất hạnh của đức Phật Hoa Quang vương).*

Nhờ sức mạnh nhẫn nhục, và khả năng trí tuệ.

Mà những người thông minh, thọ trì giới pháp này.

Dù chưa được thành Phật, cũng được năm lợi ích.

Một là được chư Phật xót thương và hộ niệm.

Hai là khi lâm chung, chánh niệm tâm hoan hỷ.

Ba là sanh ở đâu, Bồ tát là bạn hữu.

Bốn là công đức như núi, giới độ được thành tựu.

Năm là ở đời này, và đời sau đầy đủ.

Phước đức và trí tuệ, giới pháp của tự tánh.

Giới pháp như trên đây, là sở hành của Phật.

Với sở hành như vậy, người trí hãy suy nghĩ.

Tâm hành của ngoại đạo, chấp ngã và trước tướng.

Thì giới pháp như đây, không thể nào tín thọ.

Còn diệt tận thọ tướng⁶, và Niết bàn Thanh văn.
Cũng không phải là chỗ gieo hạt giới pháp này.
Muốn nuôi lớn hạt giống của tuệ giác Bồ đề.
Để ánh sáng trí này, chiếu khắp cả thế gian.
Thế nên phải thường xuyên, thanh tịnh tâm và trí.
Để quan sát thật tướng, của tất cả các pháp.
Không sanh cũng không diệt, không thường cũng
không đoạn.
Không một cũng không khác, không đến cũng
không đi.
Trong nhất tâm như vậy, nỗ lực mà hành trì.
Việc Bồ tát phải làm, là tuần tự tu học.
Hữu học hay vô học⁷, đừng sanh tâm phân biệt.
Đó là đệ nhất đạo, cũng gọi là Đại thừa.
Mọi lý luận nhảm nhí, từ chỗ này tiêu diệt.
Nhất thiết trí chư Phật, cũng từ đây xuất phát.
Cho nên các Phật tử, hãy phát tâm đồng mãnh.
Giữ gìn giới pháp Phật, như giữ ngọc Minh châu.
Quá khứ chư Bồ tát, đã học giới pháp này.
Vị lai cũng sẽ học, như hiện tại đang học.
Đó là hạnh Phật làm, là pháp Phật ca tụng.
Tôi đã tùy thuận thuyết, núi phước vô lượng này.
Nguyện cùng với chúng sanh, hướng về trí tuệ
Phật.
Ai nghe giới pháp này, chóng thành tựu Phật đạo.

(1) Đoạn này kết thúc 48 giới khinh, tổng quát 48 giới khinh bao gồm: ba lần mười và hai lần chín.

(2) Từ “chư Phật tử thính cho đến hoan hỷ phụng hành”, đây là đoạn kết thúc tổng quát cả 10 Trọng và 48 Khinh bằng cách khuyên thực hành 5 hạnh là: 1. Thọ trì; 2. Đọc; 3. Tụng; 4. Giải thuyết; 5. Viết chép. Và kết quả sau khi đã thực hành 5 hạnh là: 1. Được thấy ngàn đức Phật; 2. Được ngàn Phật dắt tay; 3. Đòi đòi không đoạ ác đạo, không lâm 8 nạn; 4. Thường được sanh nhân đạo thiên đạo.

(3) Tam thiên học sĩ: Ba ngàn các học sĩ trong ba ngàn đại thiên. Chi tiết thì đó là các vị Bồ tát trong chúng hội. Các vị Thiên long Bát bộ và Đạo tặc Quý tiện...

(4) Mười vô tận giới pháp: Chỉ 10 giới trọng trong phẩm Pháp môn tâm địa vậy.

(5) Thập trú xứ thuyết pháp phẩm: Chỉ nội dung 10 chỗ thuyết pháp, được khai lược bằng các kho tàng chánh pháp như sau:

1. Kho tàng tâm: Túc 30 tâm (Trú_Hạnh_Hướng)
2. Kho tàng địa: túc 10 địa, tâm và địa là nói về Bồ tát giới.
3. Kho tàng giới: 10 trọng và 48 khinh, là nói về Bồ tát giới.
4. Kho tàng hạnh: Tam hiền Thập Thánh, sở phát vô lượng (diệu hạnh).
5. Kho tàng nguyện: Tam hiền Thập Thánh, sở phát vô lượng đại nguyện.
6. Kho tàng nhân: 100 kiếp tu thắng nhân.

7. Kho tàng quả: Thành vô thượng chánh giác (tức Phật tánh thường trú).

Như vậy: Tâm + Địa + Giới + Hạnh + Nguyện = nhân thành chánh giác (Phật tánh thường trú) = Quả.

-Tâm; Địa; Giới; Hạnh; Nguyện; Nhân; Quả: Biệt

-Phật tánh thường trú: Tổng

(6) Diệt thọ tưởng định: Người tu vào định này, không còn 2 tâm sở, tâm sở thọ và tưởng nữa. Có nghĩa là những tâm lý suy tư nghĩ tưởng và những cảm giác vui buồn đều không còn, dần dần vượt khỏi cõi trời phi tưởng phi phi tưởng.

(7) Hữu học: nói đủ là Hữu học xứ: là bậc Thanh Văn đang trên bước đường tu học tìm chân đoạn hoặc nên gọi là hữu học. Còn Vô học là Vô học xứ, là bậc Thanh Văn trên đường tu học đã đoạn sạch mê hoặc chứng đắc chân thường gọi là chân cùng hoặc tận, gọi là Vô học. Trong tứ quả Thanh Văn, ba quả đầu là hữu học, quả thứ tư (A la hán) là Vô học.



Mục lục

Lời đầu sách.....	1
A- Nghi thức tụng giới Bồ tát Phạm võng.....	5
I- Sơ lược giáo nghĩa Tiểu thừa và Đại thừa luật	5
1. Giáo nghĩa Tiểu thừa luật	5
a. Khái quát nội dung	5
b. Tiểu thừa 5 thiên 7 tụ.....	7
2. Giáo nghĩa Đại thừa luật	8
a. Nội dung Kinh Phạm võng	8
b. Bồ tát Tâm Địa Giới	9
II. Nghi thuyết giới Bồ tát.....	9
1. Tựa mở đầu	10
2. Qui kính tam bảo – Khuyên hộ trì giới.....	12
3. Sách tấn tu hành	14
4. Tiền phương tiện	17
5. Chất vấn sự thanh tịnh của tăng	23
III. Kinh phạm võng.....	25
1. Giải thích đề kính	25
2. Dịch giả	27
B. Tựa Kinh Phạm võng Bồ tát tâm địa phẩm 10.....	28
. Đoạn 1:	28
. Đoạn 2:	40
. Đoạn 3:	48
. Đoạn 4:	53
C. Chú thích thêm: sáu quả vị tu chứng của Bồ tát	56
D. Giới Tướng	68
D.1. 10 Giới Trọng	68
D.2. 48 Giới khinh.....	90
E. Kết thúc Bồ tát giới phạm võng	204
Mục lục.....	211
Sách tham khảo	212

Tài liệu tham khảo:

- Yết Ma Yếu Chi: Hòa thượng Thích Trí Thủ
- Bồ Tát Giới: Hòa thượng Thích Trí Quang
- Ưu Bà Tắc Giới Kinh: Sa môn Thích Quang Minh dịch
- Kinh An Lạc
- Phạm Võng Kinh – Bồ Tát Giới Bản giảng ký: Sa môn Thích Quang Minh
- Phật Quang Đại Từ Điển: Sa môn Thích Quảng Độ
- Luật Học Đại Cương: Hòa thượng Thích Thanh Kiểm
- Kinh Phạm Võng – Bồ Tát Tâm Địa Phẩm: Sư bà Thể Quán dịch